



DSC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG XÂY DỰNG HÀ NỘI

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG TỪ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI
(PHÁT HÀNH THEO THÔNG BÁO THẨM ĐỊNH SỐ 42/TBTĐ-KT NGÀY 26/12/2025 CỦA PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA)

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA
ĐỊA ĐIỂM : XÃ ỨNG HÒA - TP. HÀ NỘI

PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

CHỦ ĐẦU TƯ

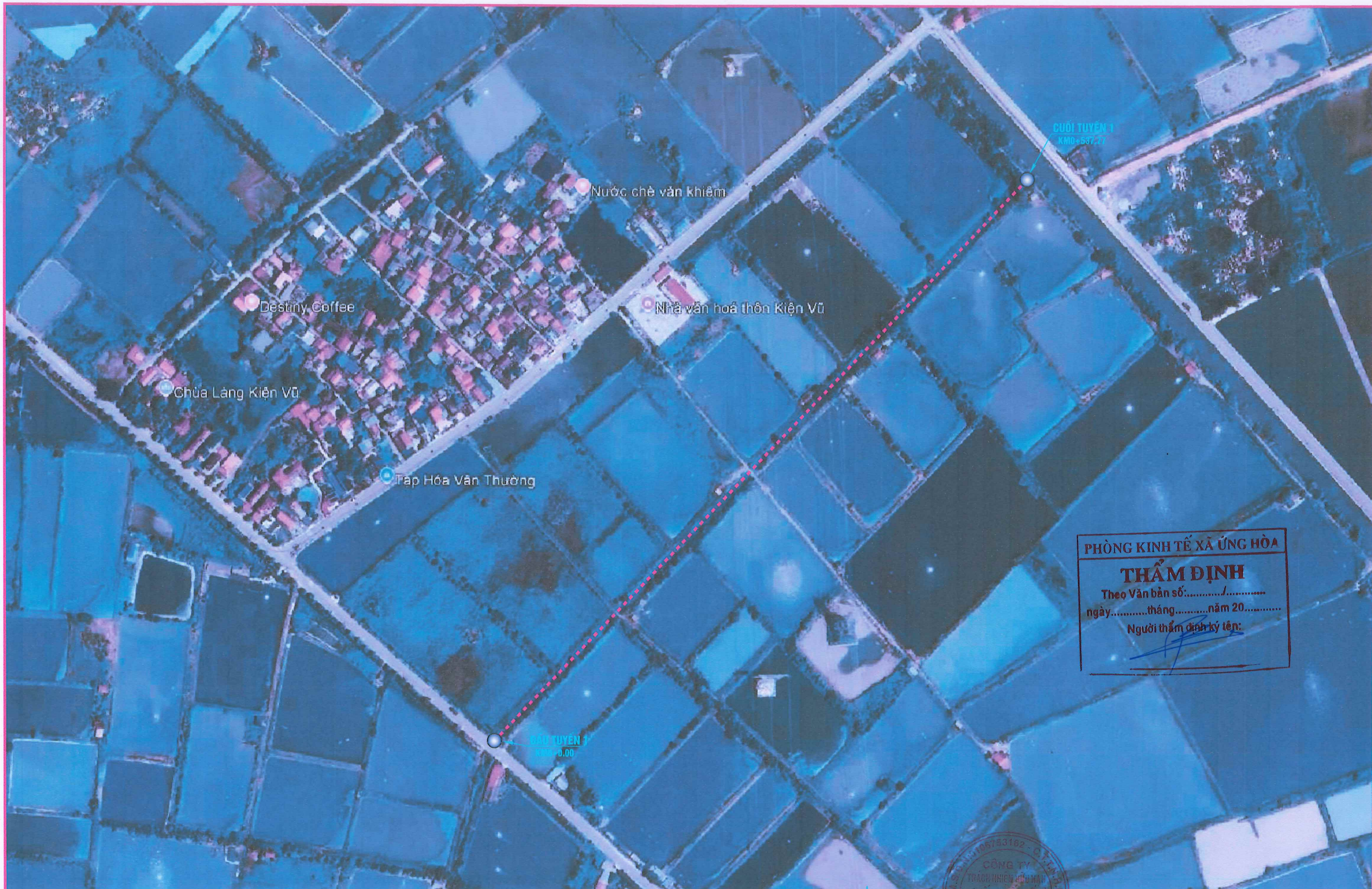


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh Hưng

TƯ VẤN THIẾT KẾ



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Huân



PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA

BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI

EMAIL: HANOIDSC@GMAIL.COM

DSC

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÉN ANH TRỎI, XÃ ỨNG HÒA

ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI

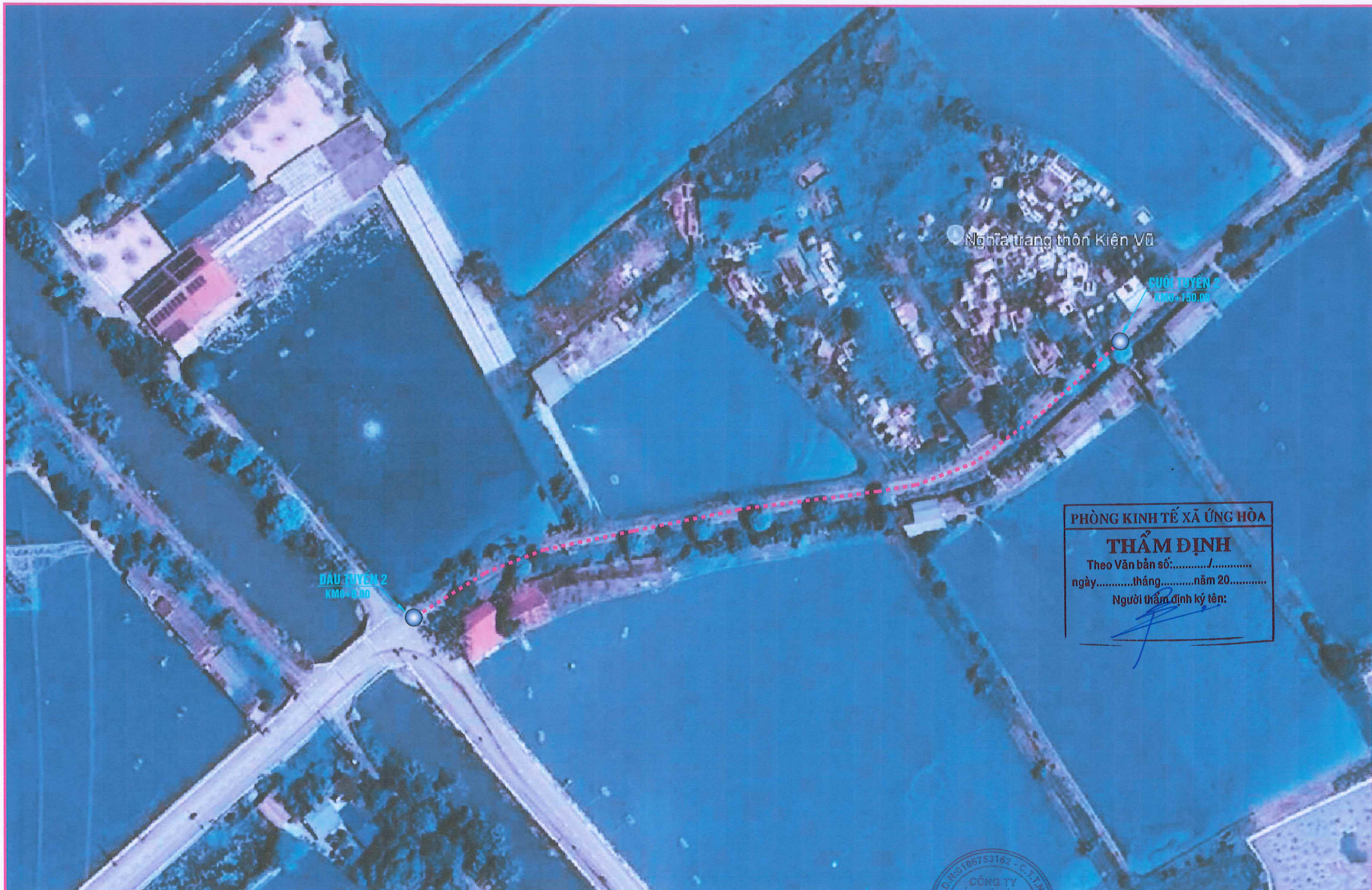
THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	<i>Nguyễn Chí Đức</i>
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	<i>Nguyễn Chí Đức</i>
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	<i>Nguyễn Đình Huấn</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	<i>Nguyễn Văn Xuân</i>

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI

HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ TUYẾN	
...../2025/BV/BCKTKT	TỶ LỆ BẢN VẼ:
LẦN XUẤT BẢN: 01	THÁNG 12 - 2025
BẢN VẼ SỐ:	



PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA

BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA

 **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI**
EMAIL: HANOIDSC@GMAIL.COM
DSC

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỨ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ỨNG HÒA

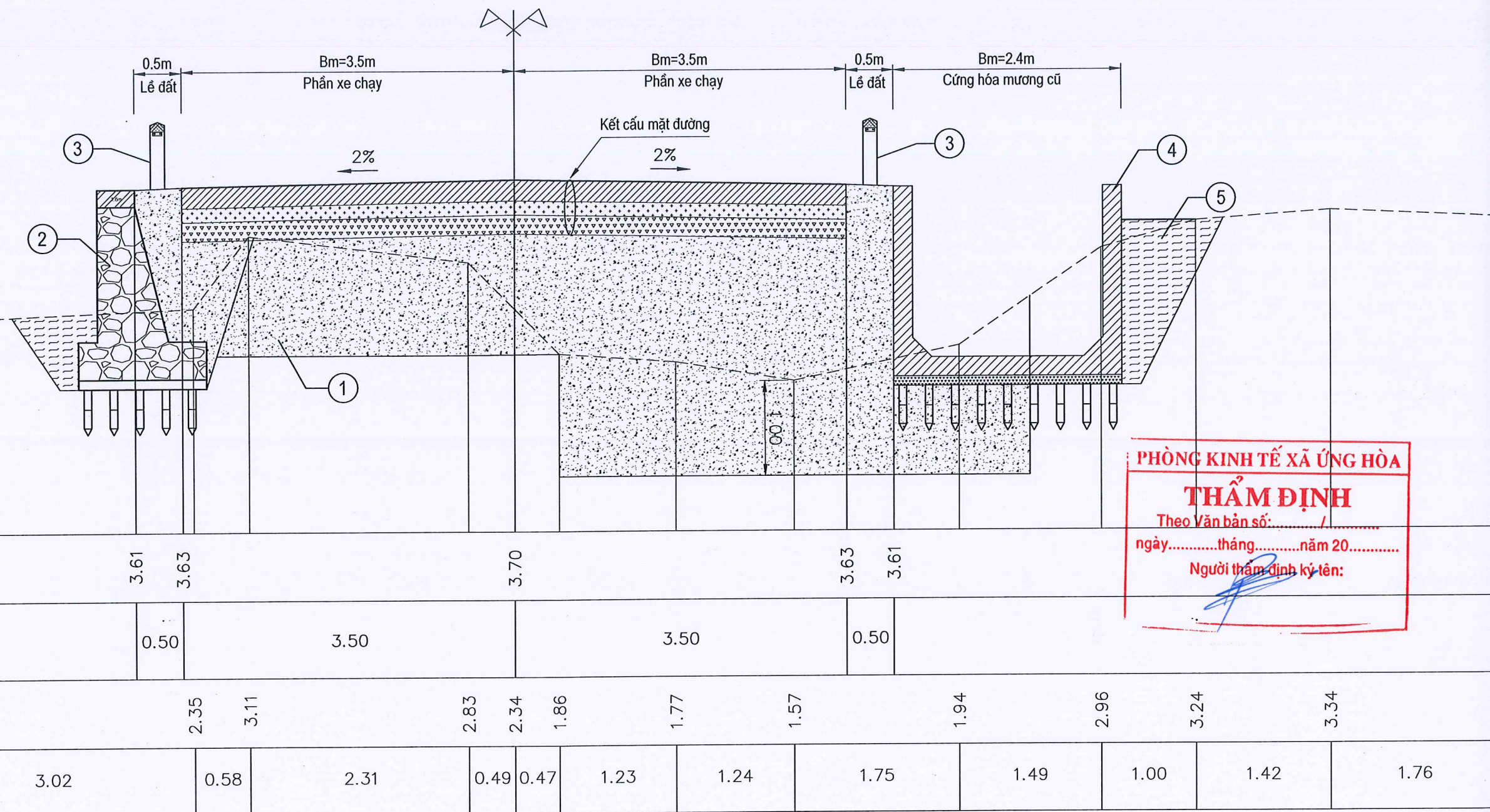
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI

THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	

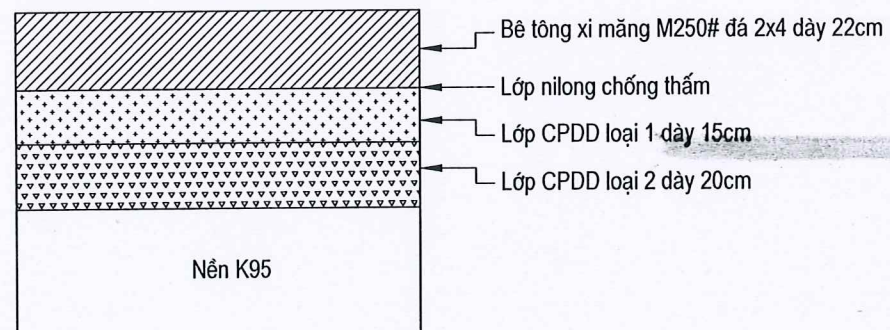

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI
TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ
THI CÔNG XÂY DỰNG
HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ TUYẾN		
...../2025/BV/BCKTKT	TỶ LỆ BẢN VẼ:	
LẦN XUẤT BẢN: 01	THÁNG 12 - 2025	BẢN VẼ SỐ:

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH (ÁP DỤNG CHO TUYẾN 1)



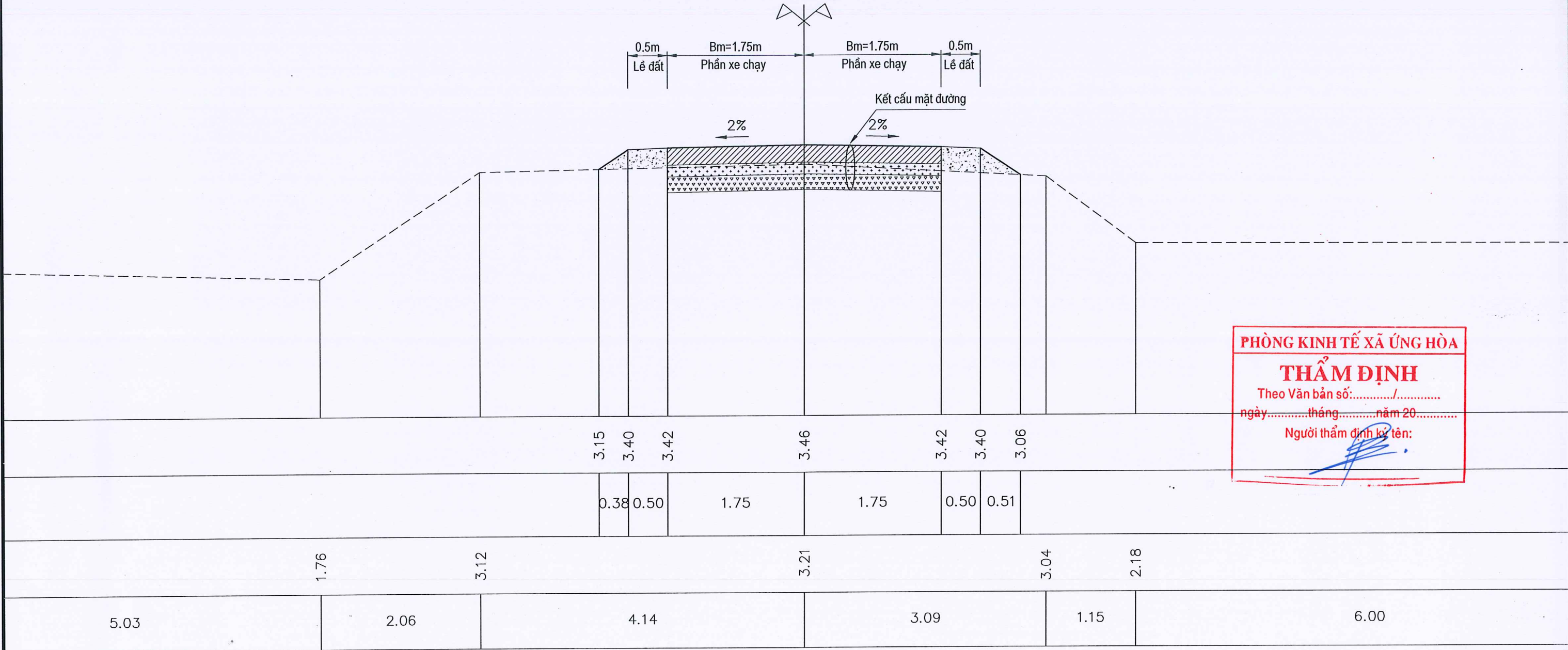
KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG



GHI CHÚ

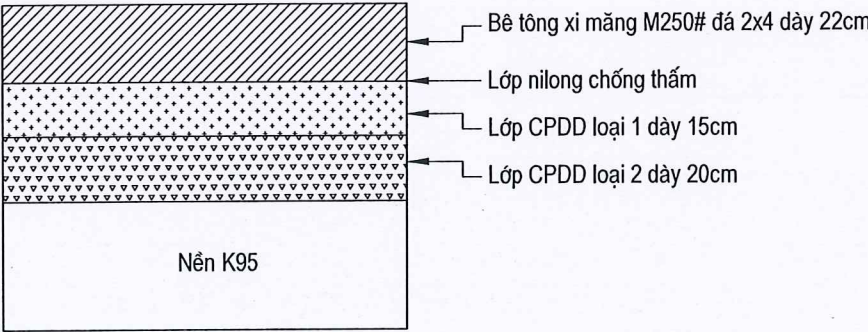
- 1 - Vết hữu cơ tb 100cm, Đắp trả móng, đắp nền đường bằng đất đồi đầm k95
- 2 - Kè đá học (có bản vẽ chi tiết)
- 3 - Cọc tiêu an toàn bê tông gắn miếng phản quang
- 4 - Mương tưới tiêu BTCT 2x1.8m (có bản vẽ chi tiết)
- 5 - Đắp trả ngoài móng bằng đất tân dụng đầm k90**

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH
(ÁP DỤNG CHO TUYẾN 2)



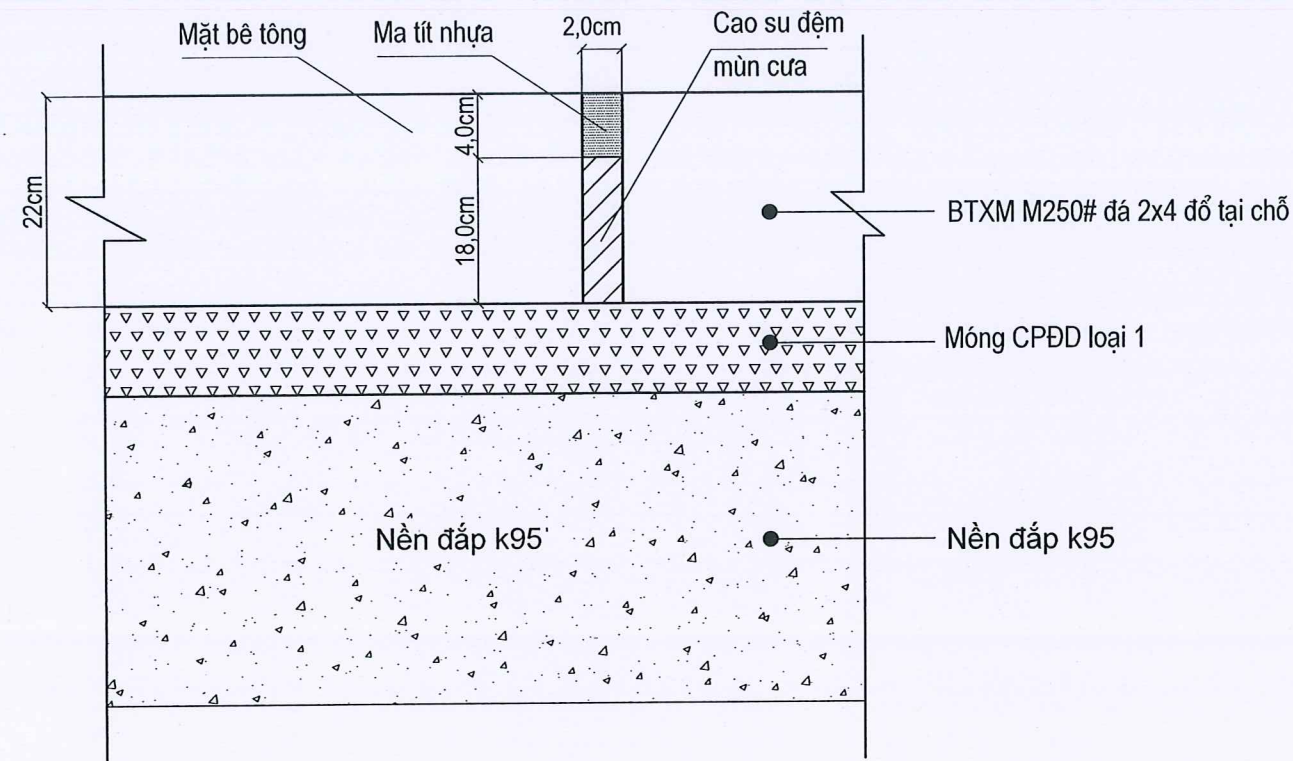
PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG

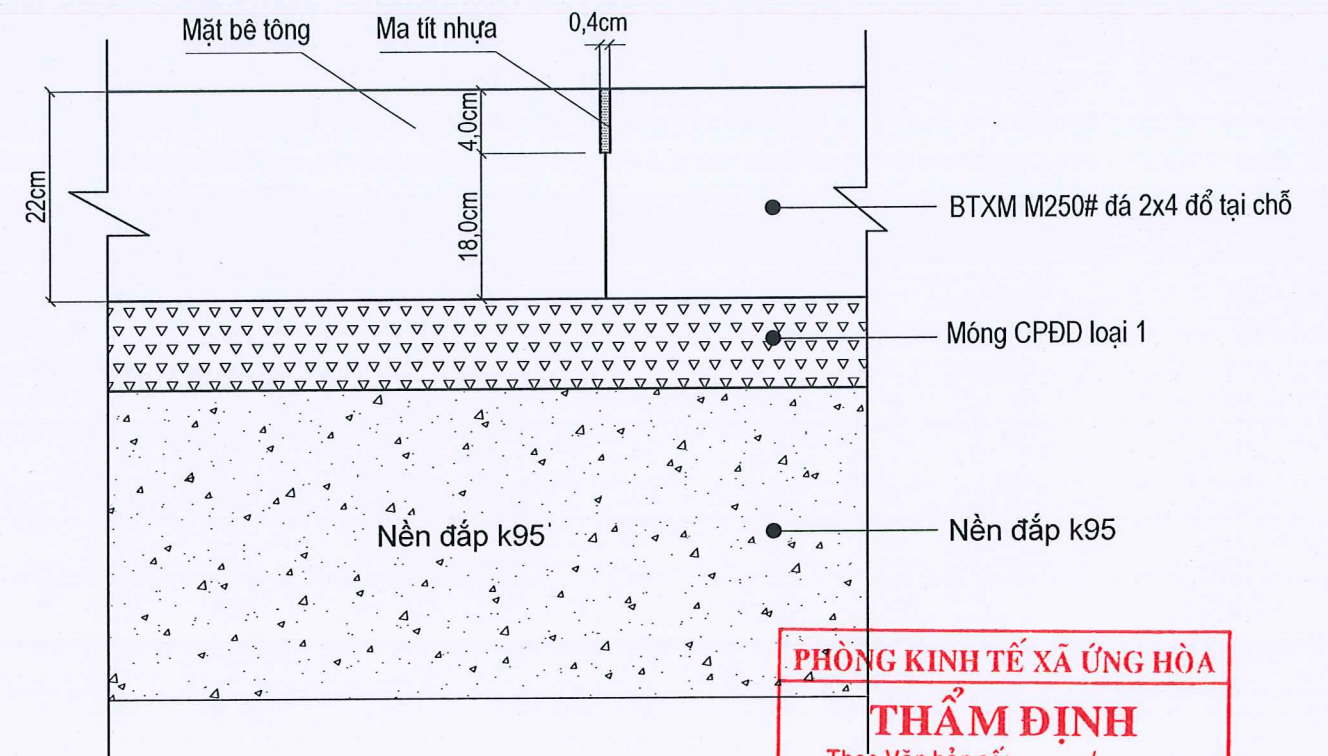


- GHI CHÚ
- 1 - Vết hữu cơ tb 100cm, Đắp trả móng, đắp nền đường bằng đất đồi đầm k95
 - 2 - Kè đá học (có bản vẽ chi tiết)
 - 3 - Cọc tiêu an toàn bê tông gắn miếng phản quang
 - 4 - Mương tưới tiêu BTCT 2x1.8m (có bản vẽ chi tiết)
 - 5 - Đắp trả ngoài móng bằng đất tận dụng đầm k90

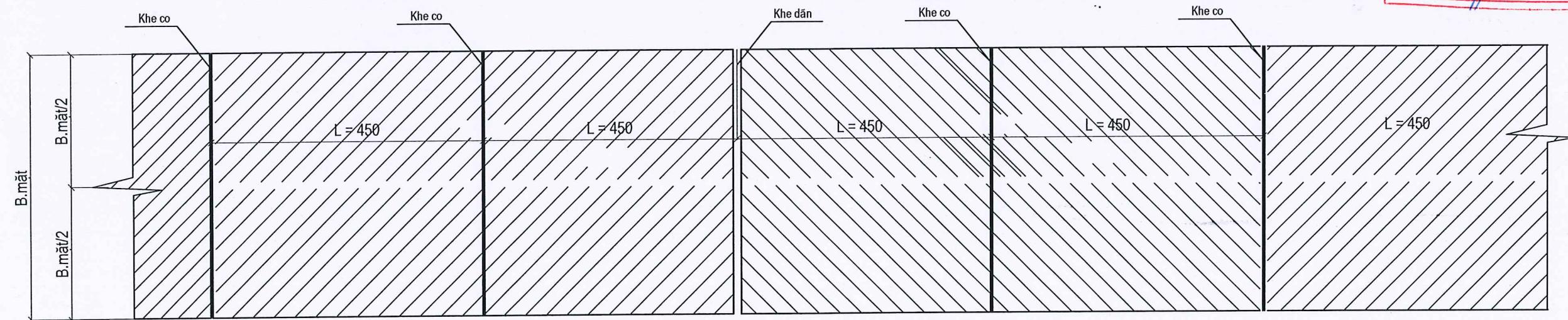
CẤU TẠO KHE DẪN



CẤU TẠO KHE CO



MẶT BẰNG BỐ TRÍ KHE CO DẪN



GHI CHÚ :

- Kích thước trong bản vẽ thể hiện là cm.
- Khe co dẫn dọc: không bố trí.
- Khe co dẫn ngang bố trí 4.5m/ khe vuông góc với tim đường
- Bố trí 12 khe co/1 khe dẫn

PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TƯ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ỨNG HÒA
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI

THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	<i>[Signature]</i>
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	<i>[Signature]</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	<i>[Signature]</i>

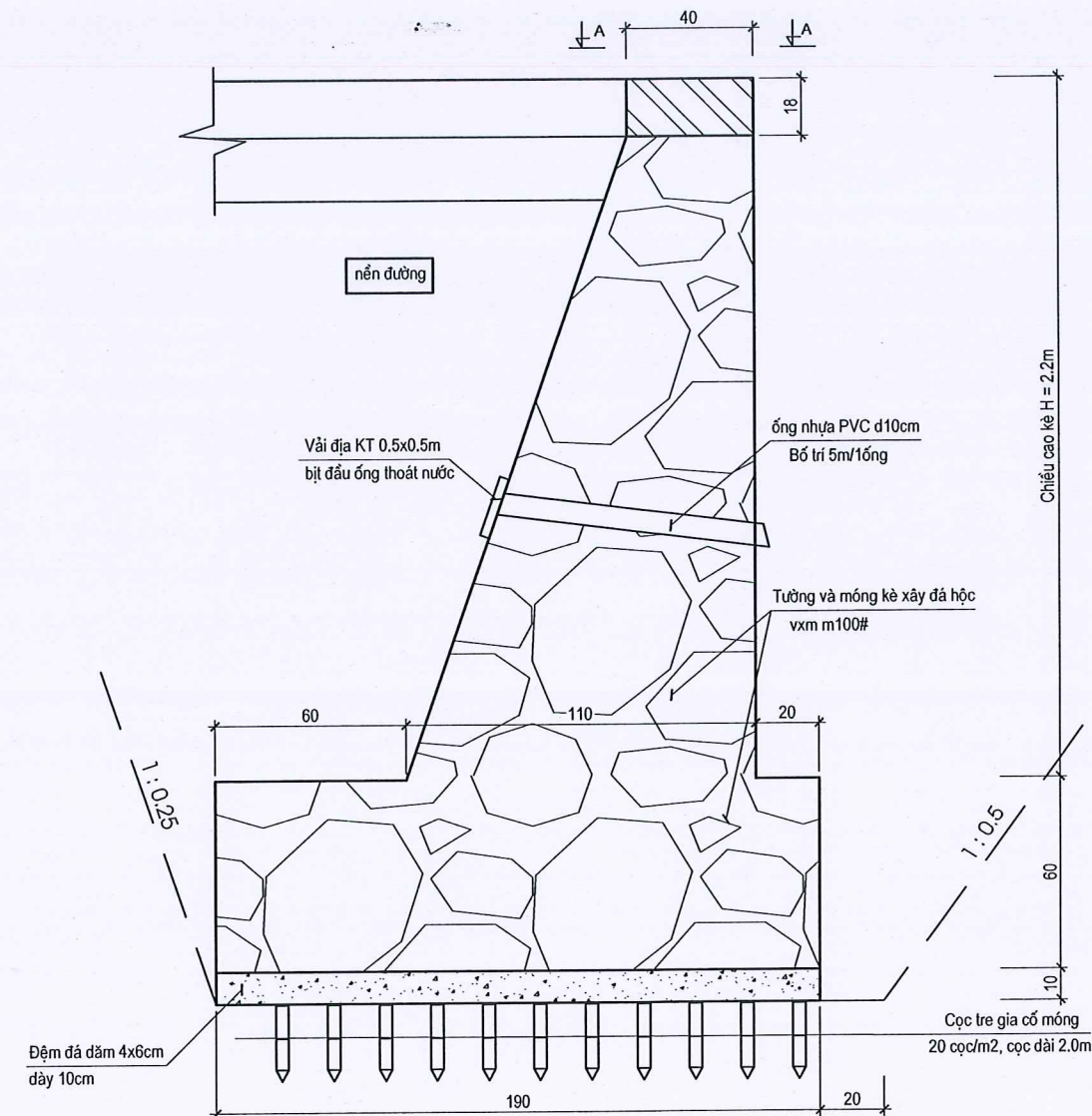
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN

CẤU TẠO KHE CO GIẢN MẶT ĐƯỜNG

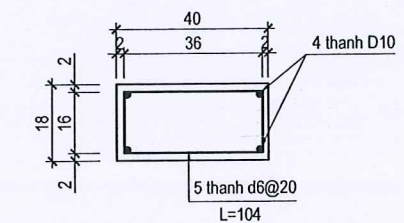
...../2025/BV/BCKTKT TỶ LỆ BẢN VẼ:
LẦN XUẤT BẢN: 01 THÁNG 12 - 2025 BẢN VẼ SỐ:

CẤU TẠO KÈ ĐÁ HỘC H = 2.2M

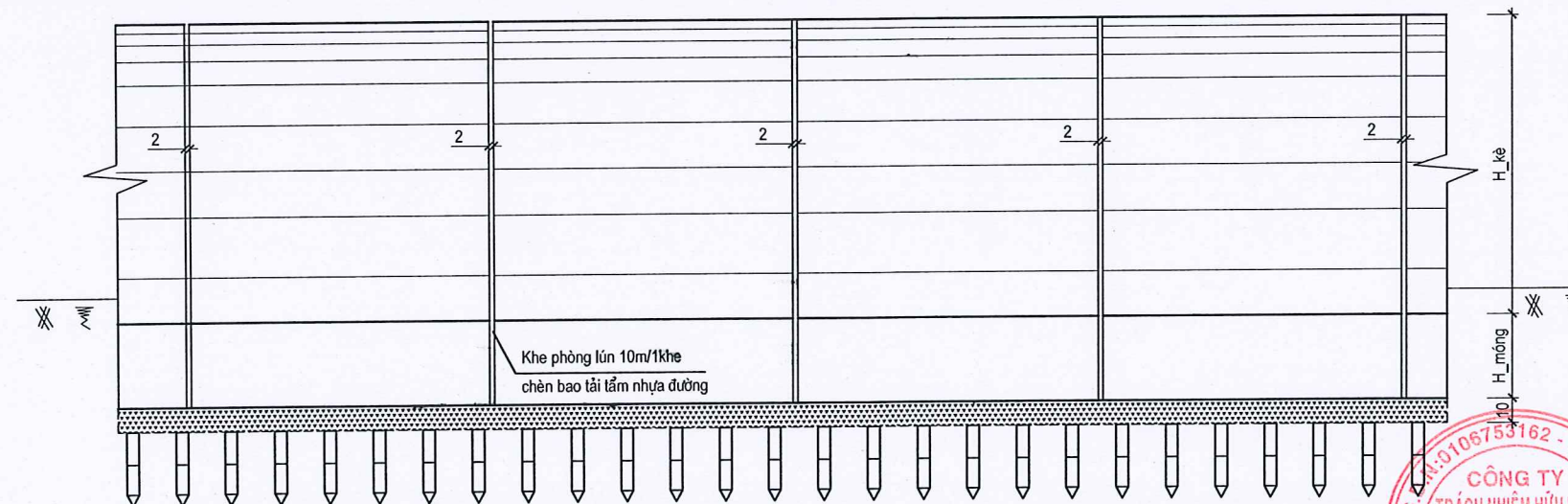
(TL 1 : 20)



CHI TIẾT GIẺNG ĐỈNH KÈ



CHI TIẾT KHE CO GIẺN (TL 1 : 20) CHÍNH DIỆN



PHÒNG KINH TẾ XÃ ƯNG HÒA

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ƯNG HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ƯNG HÒA

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI
EMAIL: HANOIDSC@GMAIL.COM
DSC

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỬ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ƯNG HÒA
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ƯNG HÒA, TP. HÀ NỘI

THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	

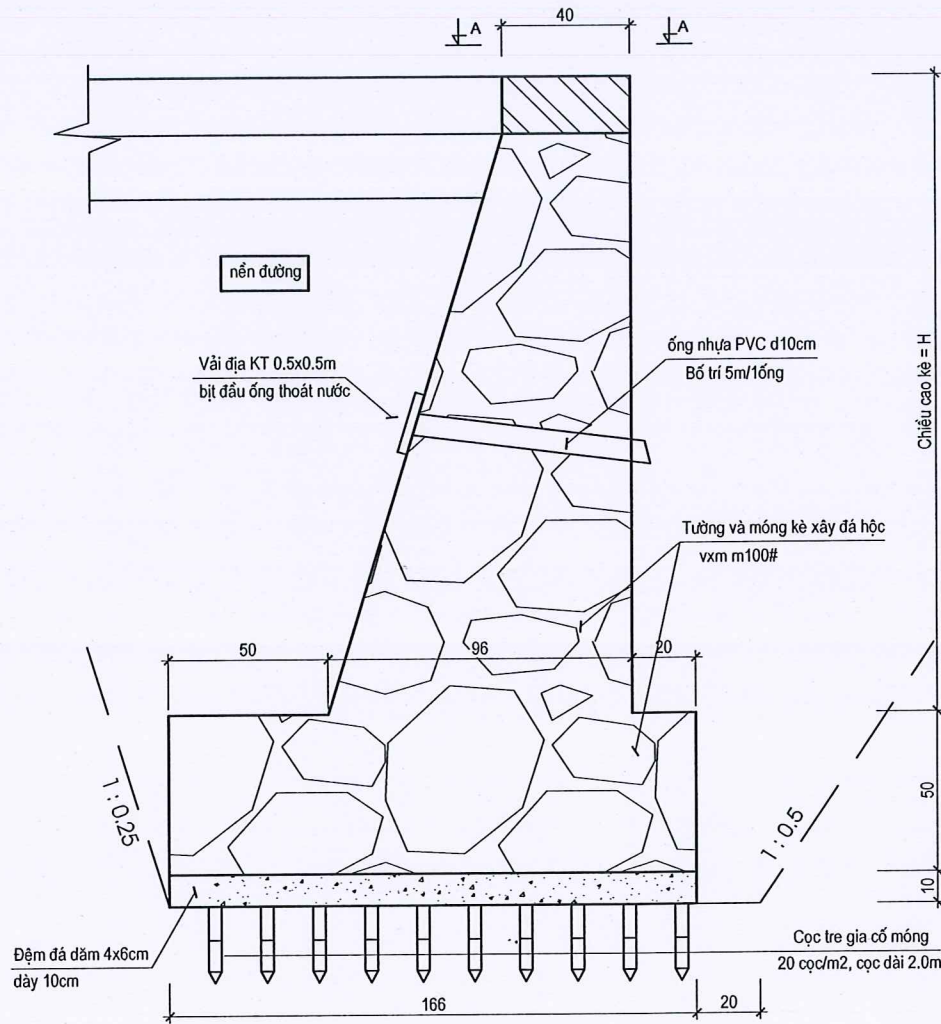
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN

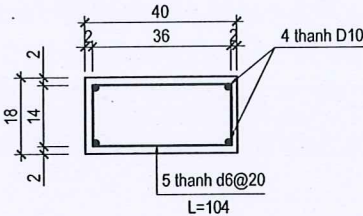
CẤU TẠO KÈ ĐÁ HỘC

...../2025/BV/BCKTKT TỶ LỆ BẢN VẼ:
LẦN XUẤT BẢN: 01 THÁNG 12 - 2025 BẢN VẼ SỐ:

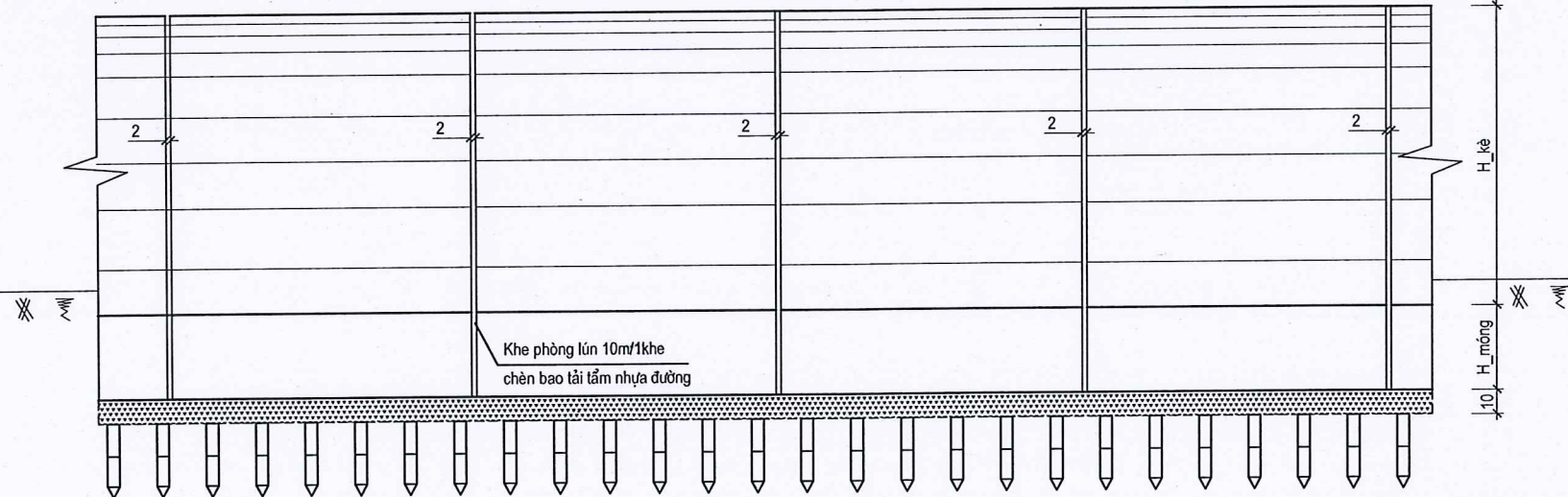
CẦU TẠO KÈ ĐÁ HỘC H = 2.0M
(TL 1 : 20)



CHI TIẾT GIẺNG ĐỈNH KÈ



CHI TIẾT KHE CO GIẺN (TL 1 : 20)
CHÍNH DIỆN

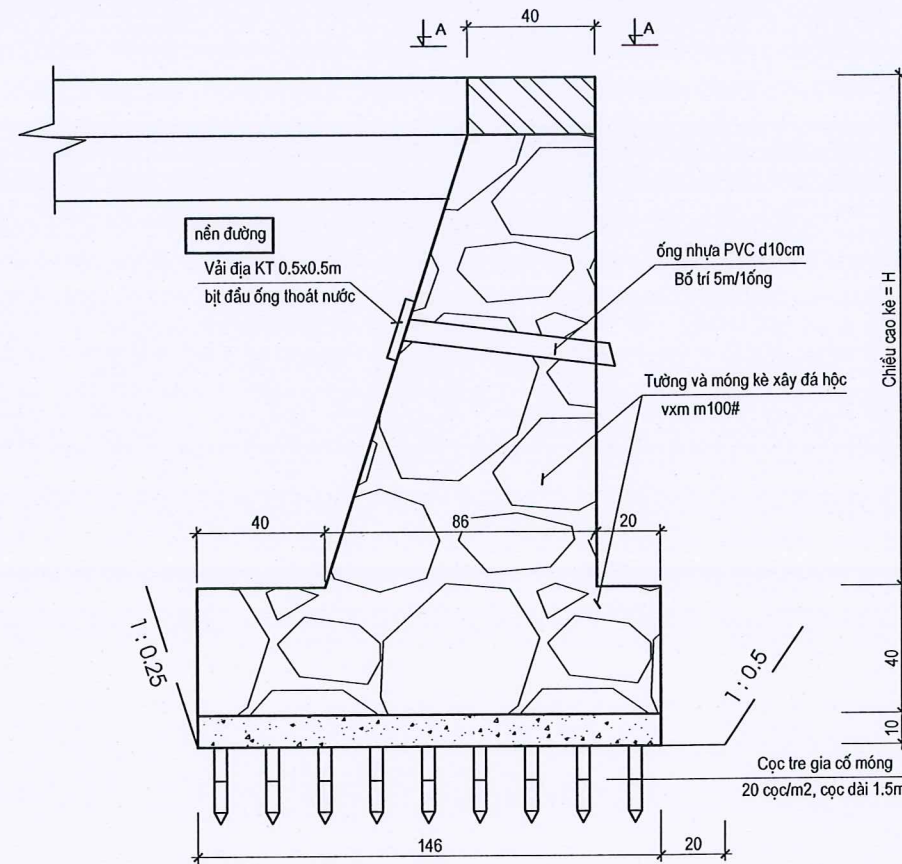


PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

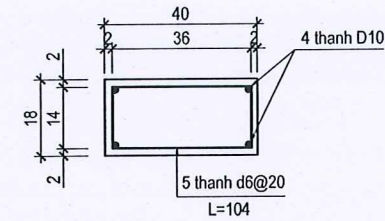
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA		HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI		CẦU TẠO KÈ ĐÁ HỘC	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI EMAIL: HANOIDSC@GMAIL.COM DSC		DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ỨNG HÒA ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI		THỰC HIỆN CHỦ TRÌ THIẾT KẾ CHỦ NHIỆM DỰ ÁN QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN CHÍ ĐỨC NGUYỄN CHÍ ĐỨC NGUYỄN ĐÌNH HUẤN NGUYỄN VĂN XUÂN	GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	LẦN XUẤT BẢN: 01 THÁNG 12 - 2025 BẢN VẼ SỐ:

CẤU TẠO KÈ ĐÁ HỘC H = 1.6M

(TL 1 : 20)

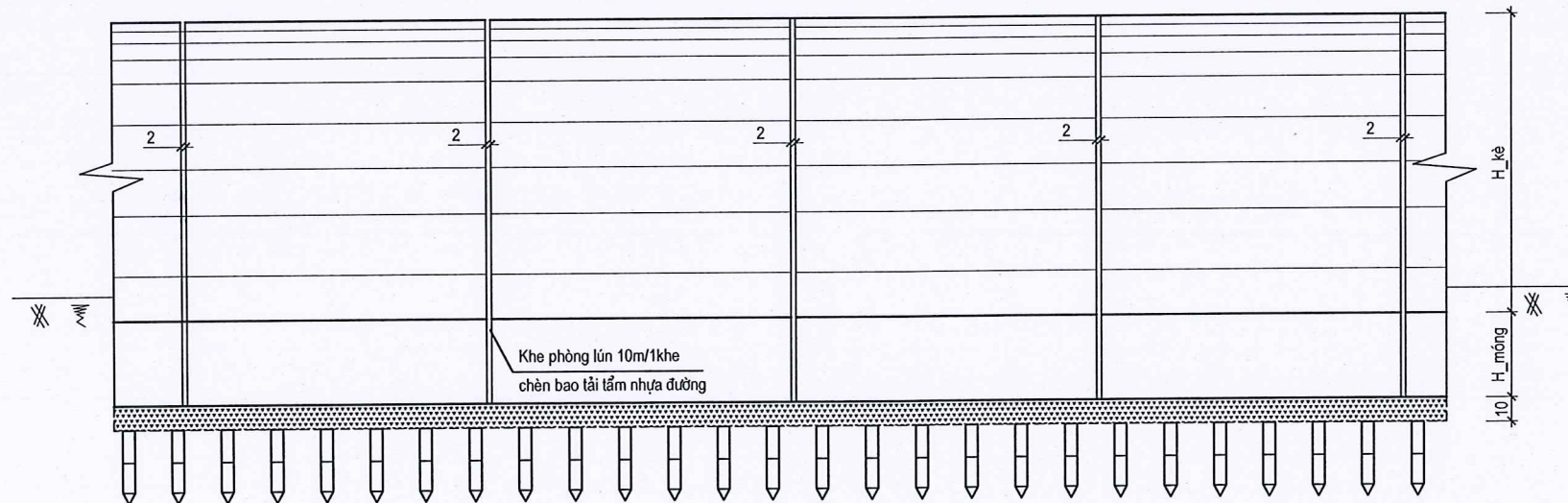


CHI TIẾT GIẺNG ĐỈNH KÈ



CHI TIẾT KHE CO GIẺN (TL 1 : 20)

CHÍNH DIỆN



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI
EMAIL: HANOIDSC@GMAIL.COM

DSC

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ỨNG HÒA

ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI

THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI

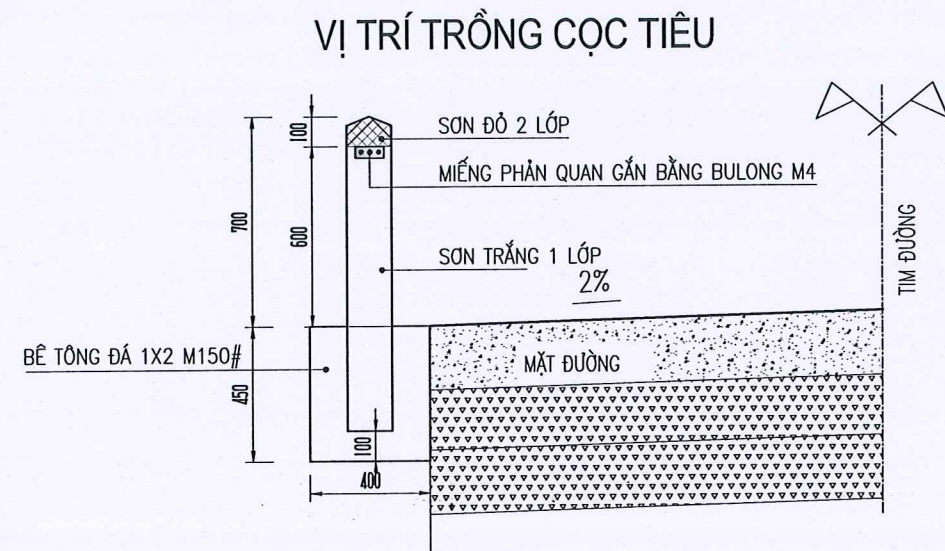


GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN

CẤU TẠO KÈ ĐÁ HỘC

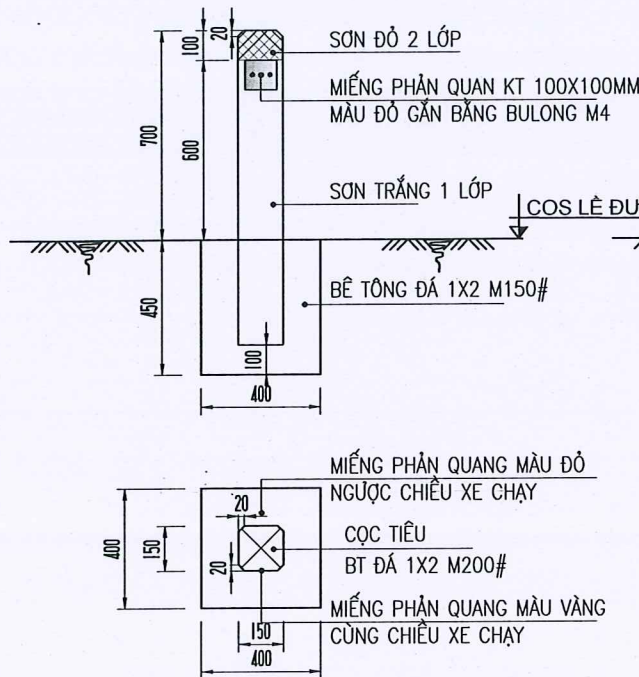
...../2025/BV/BCKTKT TỶ LỆ BẢN VẼ:

LẦN XUẤT BẢN: 01 THÁNG 12 - 2025 BẢN VẼ SỐ:



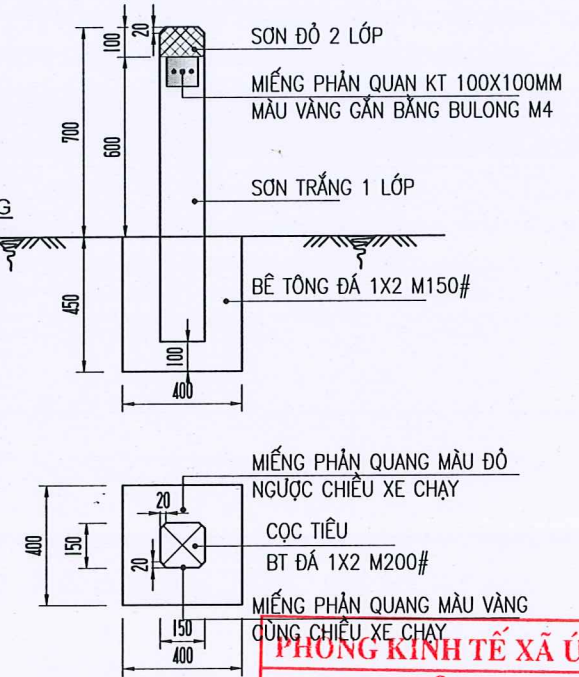
CHI TIẾT CỌC TIÊU

(NGƯỢC CHIỀU XE CHẠY)

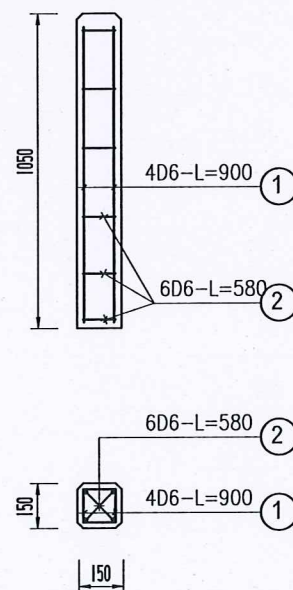


CHI TIẾT CỌC TIÊU

(CÙNG CHIỀU XE CHẠY)



THÉP CỌC TIÊU



GHI CHÚ:

- CỌC TIÊU, LAN CAN PHÒNG HỘ THIẾT KẾ THEO TC4054-2005
- CỌC TIÊU, LAN CAN PHÒNG HỘ CÓ TÁC DỤNG DẪN HƯỚNG XE CHẠY, KHI CÁC ĐƯỜNG CONG CÓ BÁN KÍNH NHỎ, ĐOẠN KÈ QUA AO, KHI CÓ HỘ LAN THÌ KHÔNG CẦN CẮM CỌC TIÊU.
- KHI CÓ LỀ, TALUY ĐẤT CỌC TIÊU ĐƯỢC BỐ TRÍ TRÊN LỀ ĐẤT.
- CHIỀU CAO CỌC TIÊU LÀ 0,7M TÍNH TỪ VAI ĐƯỜNG TRỞ LÊN, CHỖN TRẬT TRONG ĐẤT KHÔNG DƯỚI 35CM.
- KHOẢNG CÁCH CỌC TIÊU TRÊN ĐƯỜNG THẲNG 10M/1 CỌC; ĐƯỜNG CONG NẰM CÓ BÁN KÍNH TỪ >100 BỐ TRÍ (8 -:- 10)M/1 CỌC; ĐƯỜNG CONG NẰM CÓ BÁN KÍNH TỪ 3 -:- 100 BỐ TRÍ (4 -:- 6)M/1 CỌC; ĐƯỜNG CONG NẰM CÓ BÁN KÍNH TỪ 15 -:- 30 BỐ TRÍ (2 -:- 3)M/1 CỌC;
- MÀU SƠN THEO QUY ĐỊNH ĐIỀU LỆ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ QCVN 41-2019.

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG 1 CỌC TIÊU

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG 1 CỌC TIÊU						
Ký hiệu	Đường kính	Số lượng	Chiều dài	KL đơn vị	Tổng	
					Chiều dài	Khối lượng
	mm	Thanh	mm	Kg/m	m	Kg
1	D6	4	900	0,222	3,60	0,80
2	D6	6	580	0,222	3,48	0,77
Tổng		Khối lượng thép D ≤10			7,08	1,57
		Khối lượng thép D >10			0,00	0,00
1	Bê tông đá 1x2 M200# (m3)			1,05*0,15*0,15		0,024
2	Ván khuôn			4*1,05*0,15		0,630

PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI
EMAIL: HANOIDSC@GMAIL.COM

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TƯ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ỨNG HÒA
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI

THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	

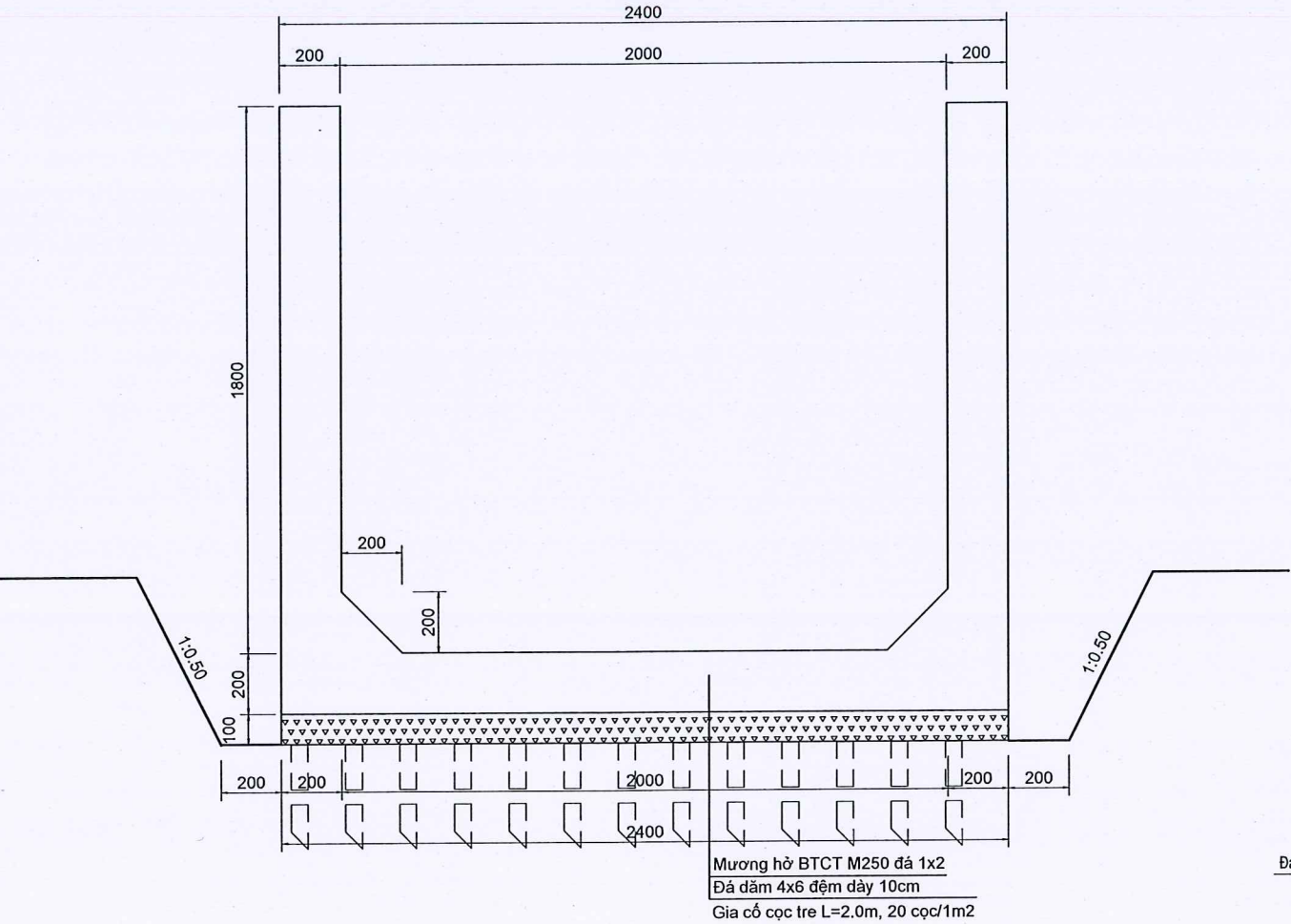
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI	
THI CÔNG XÂY DỰNG	
HÀ NỘI	
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	

CHI TIẾT CỌC TIÊU

...../2025/BV/BCKTKT	TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/20
LẦN XUẤT BẢN: 01	THÁNG 12 - 2025
BẢN VẼ SỐ:	

MẶT CẮT NGANG MƯƠNG BTCT BXH=2.0X1.8M

TỶ LỆ: 1/20



CHI TIẾT KHE PHÒNG LÚN

(Tỷ lệ 1/10)

Vữa XM M200 dày 3cm

Đay tấm nhựa chèn khe 2cm

PHÒNG KINH TẾ XÃ ỦNG HÒA

THẨM ĐỊNH

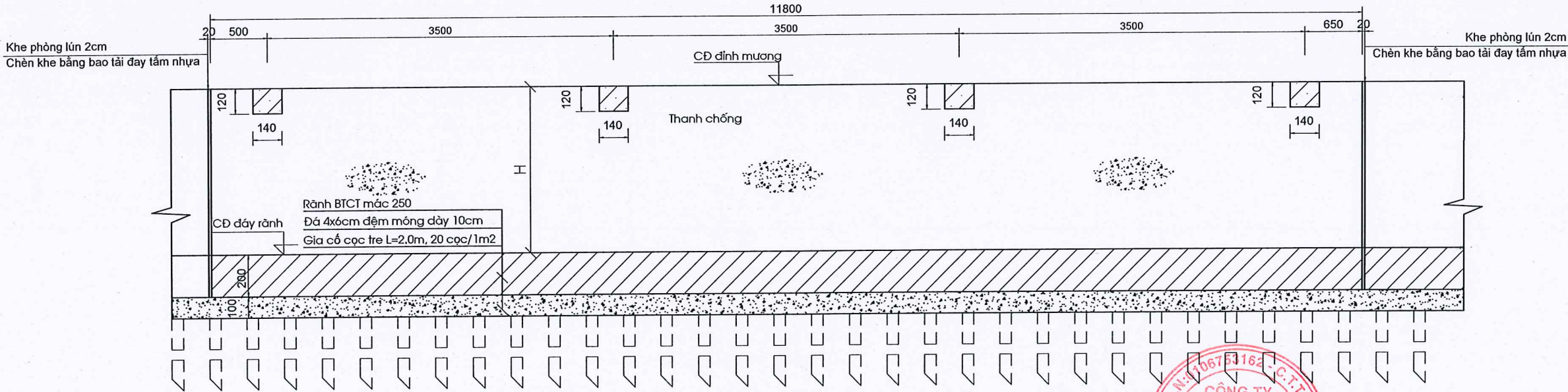
Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

[Signature]

MẶT CẮT DỌC MƯƠNG



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỦNG HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỦNG HÒA

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI
EMAIL: HANOIDSC@GMAIL.COM



DSC

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỨ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ỦNG HÒA
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỦNG HÒA, TP. HÀ NỘI

THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	<i>[Signature]</i>
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	<i>[Signature]</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	<i>[Signature]</i>

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI

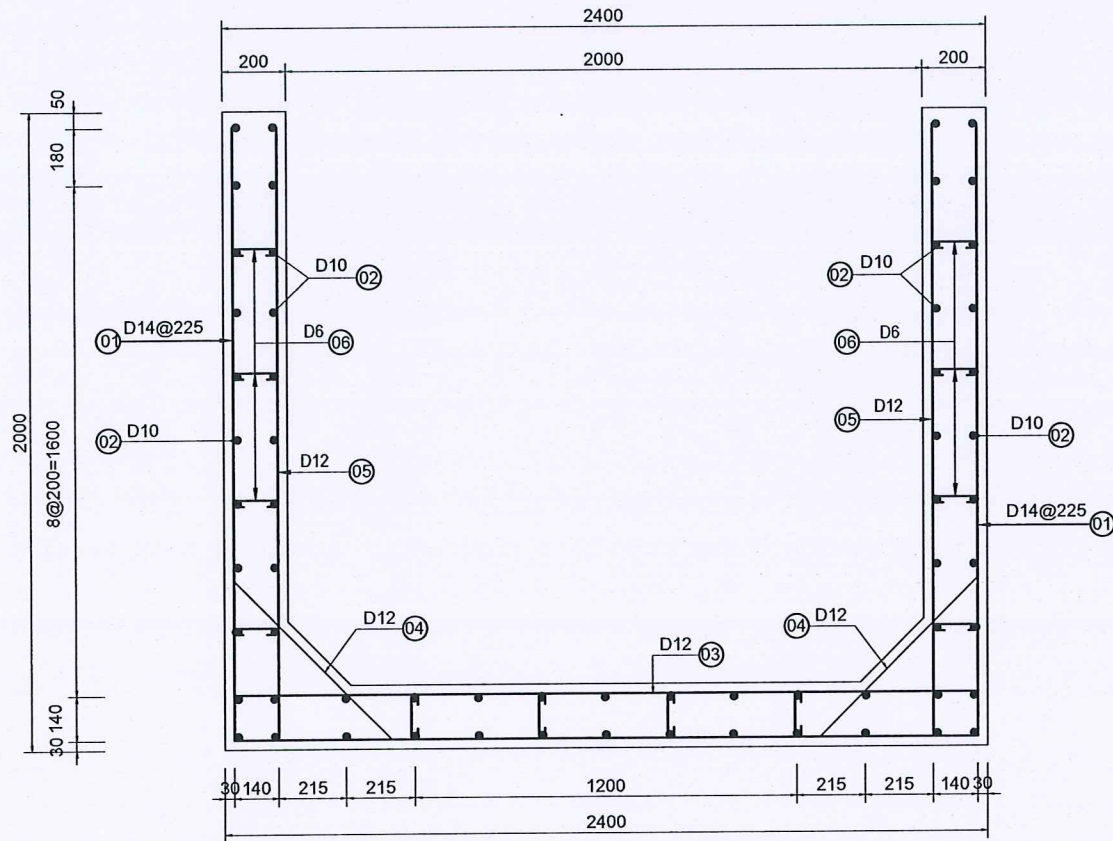
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN

CÁU TẠO MƯƠNG BTCT
BXH=2.0X1.8M

...../2025/BV/BCKTKT TỶ LỆ BẢN VẼ:
LẦN XUẤT BẢN: 01 THÁNG 12 - 2025 BẢN VẼ SỐ:

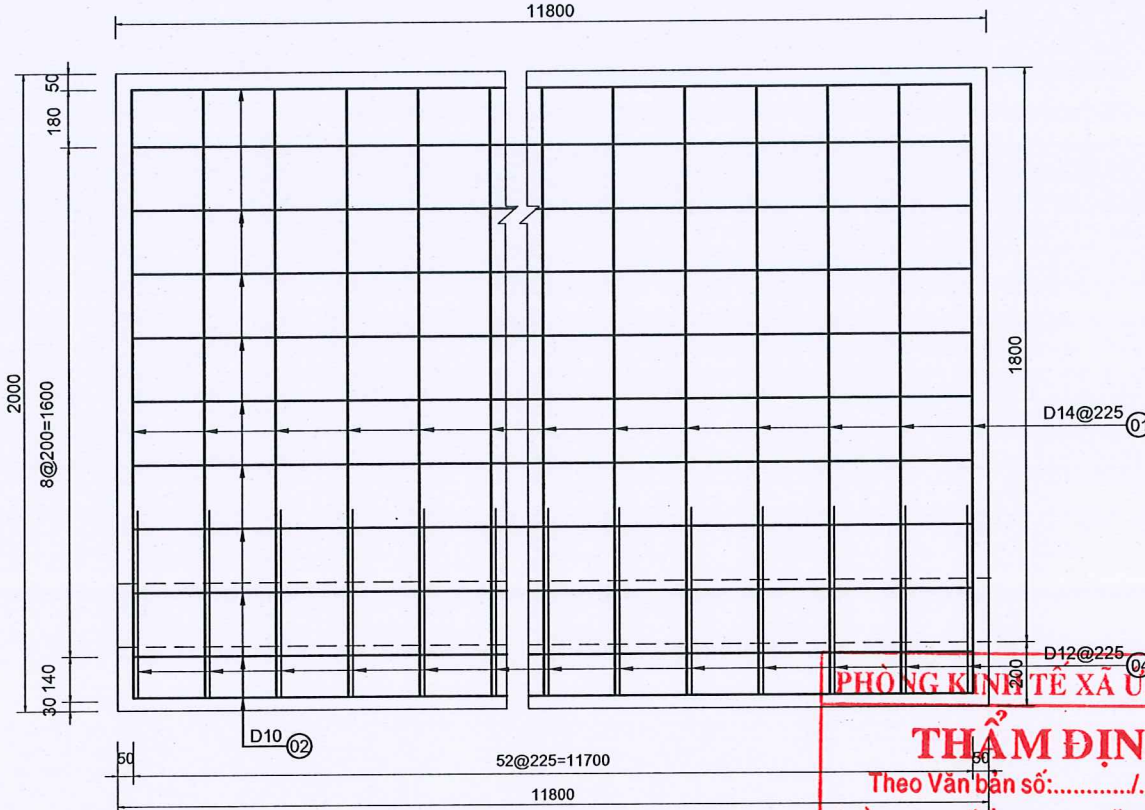
CHI TIẾT CỐT THÉP MƯƠNG BTCT BXH=2.0X1.8M

TỶ LỆ: 1/20



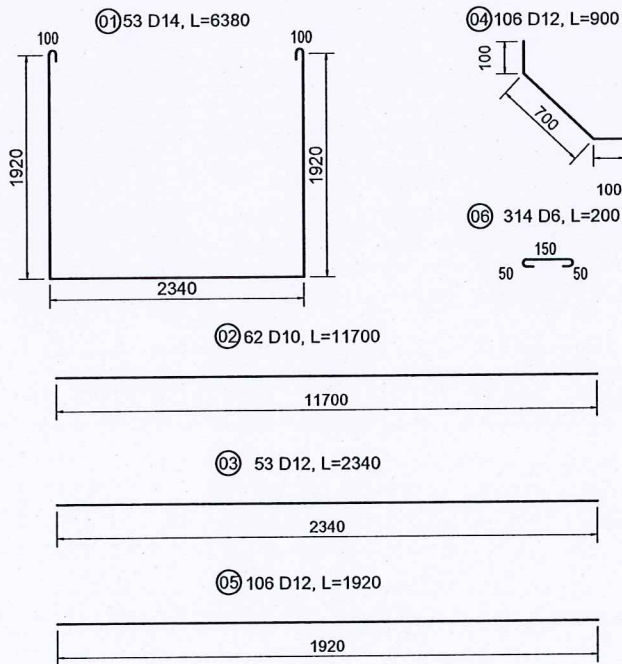
CHI TIẾT THÂN MƯƠNG - ĐỐT 11.8M

TỶ LỆ: 1/20



CHI TIẾT CỐT THÉP

TỶ LỆ: 1/20



BẢNG KL KÊNH - ĐỐT 11.8M

Loại tấm	Thanh	Đường kính (mm)	Loại thép	T.L. Đơn vị (Kg/m)	Khối lượng			
					Chiều dài (mm)	Số lượng trên đốt mương	Khối lượng (Kg)	
Đốt kênh L=11.8m	F1	D14	CB400-V	1.210	6380	53	409.15	
	F2	D10	CB240-T	0.617	11700	62	447.57	
	F3	D12	CB400-V	0.888	2340	53	110.13	
	F4	D12	CB400-V	0.888	900	106	84.72	
	F5	D12	CB400-V	0.888	1920	106	180.73	
	F6	D6	CB240-T	0.222	200	314	13.94	
	Tổng cộng thép						1246.23	
	Phân loại thép		CB240-T	(D ≤ 10)	Kg	461.51		
			CB400-V	(10<D≤18)	Kg	784.72		
	Đá dăm đệm dày 10cm						m3	2.83
	Bê tông mương M250# đá 1x2						m ³	14.63
	Ván khuôn						m2	91.57
Cọc tre D8-10cm, L=2.0m, mật độ cọc 20 cọc/m2						m	1132.80	

PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỬ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ỨNG HÒA

ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI

THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG XÂY DỰNG

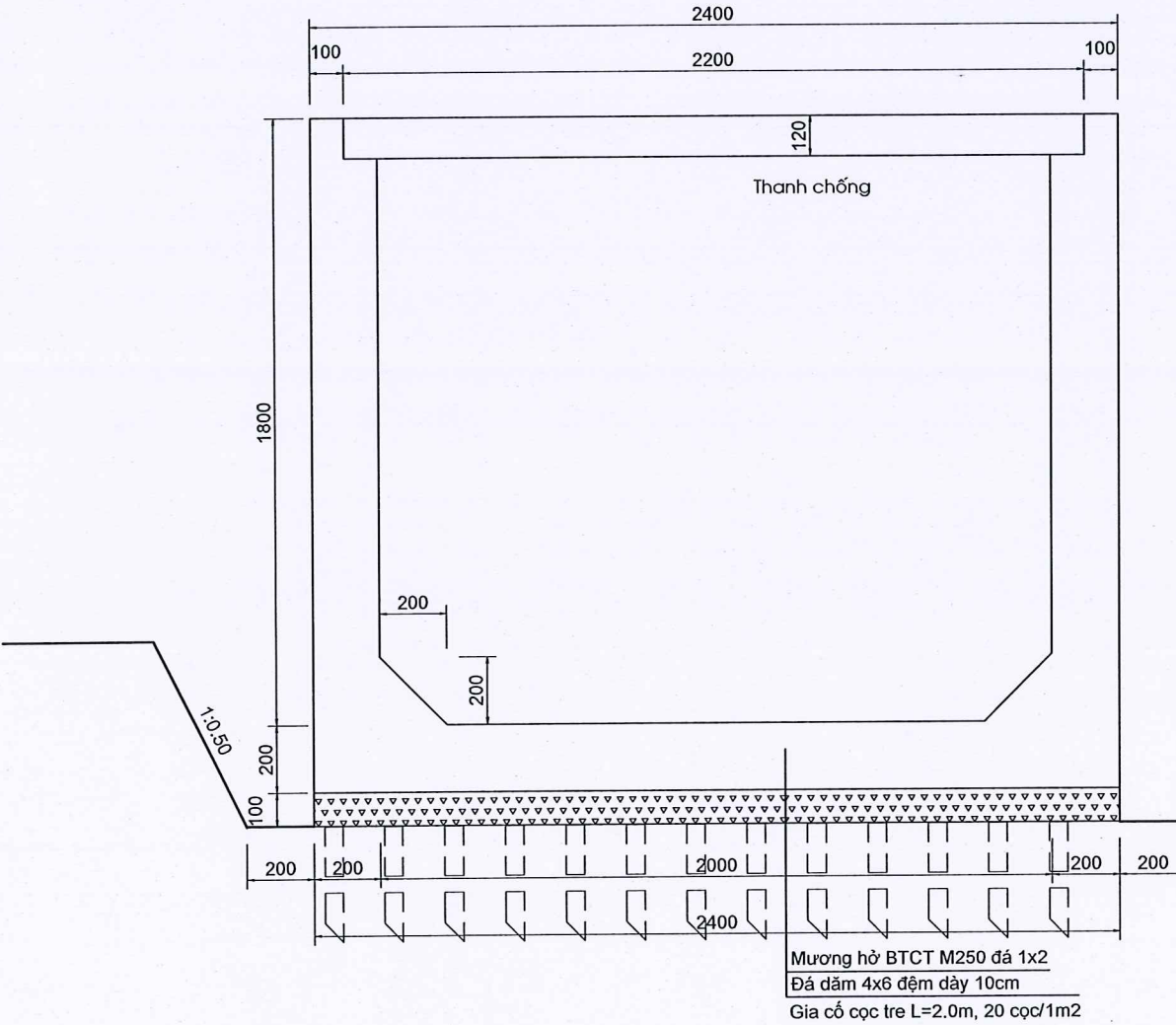
HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN

CẤU TẠO MƯƠNG BTCT BXH=2.0X1.8M	
...../2025/BV/BCKTKT	TỶ LỆ BẢN VẼ:
LẦN XUẤT BẢN: 01	THÁNG 12 - 2025
BẢN VẼ SỐ:	

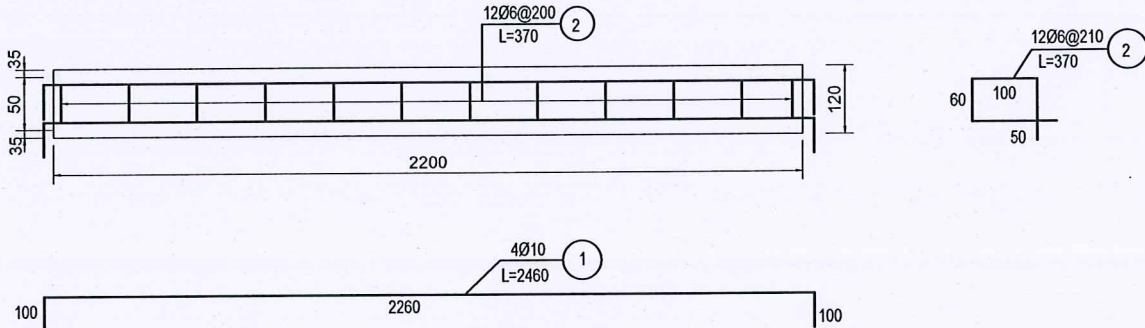
MẶT CẮT NGANG MƯƠNG VỊ TRÍ CÓ THANH CHỐNG

TỶ LỆ: 1/20



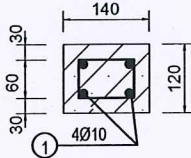
CẮT DỌC THANH CHỐNG (BTCT M250)

(Tỷ lệ 1/10)



CẮT NGANG THANH CHỐNG

(Tỷ lệ 1/10)



PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

THỐNG KÊ THÉP CHO 01 THANH CHỐNG

T.T	HÌNH DẠNG KÍCH THƯỚC	D (MM)	CHIỀU DÀI 1 THANH (MM)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (M)	TỔNG T.LƯỢNG (KG)
				1 C.KIỆN	T.BỘ		
1	100 2260 100	10	2460	4	4	9.84	6.07
2	60 100 50	6	370	12	12	4.44	0.98
TỔNG:			TRỌNG LƯỢNG CỐT THÉP TRÒN: 7.05 KG; BÊ TÔNG M250, ĐÁ 1X2: 0.036M3 VÁN KHUÔN: 0.56M2				

GHI CHÚ:

- CÁC KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ LÀ MILIMÉT
- CỐT THÉP D>=10MM DÙNG CB400-V
- CỐT THÉP D<10MM DÙNG CB240-T
- BỐ TRÍ 4 THANH GIẪNG /1 ĐỐT 11.8M, KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC THANH L=3.5M.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA



HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỬ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ỨNG HÒA
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI

THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	



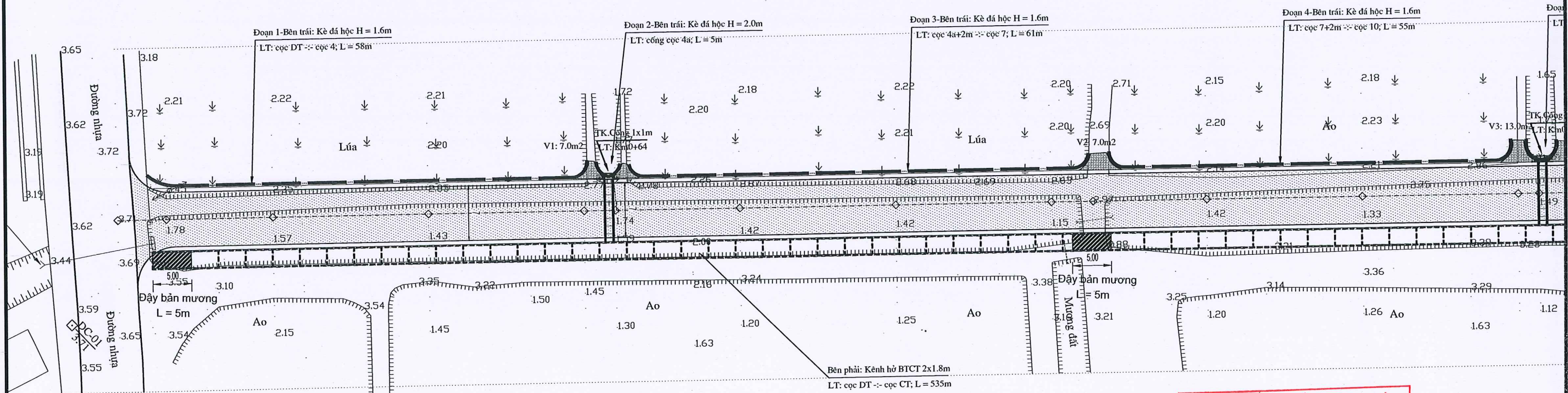
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN

CÁU TẠO MƯƠNG BTCT
BXH=2.0X1.8M

...../2025/BV/BCKTKT
LẦN XUẤT BẢN: 01
THÁNG 12 - 2025
TỶ LỆ BẢN VẼ:
BẢN VẼ SỐ:

BÌNH ĐỒ TUYẾN 1
lý trình : km 0+00 -:- km0+537.77



PHÒNG KINH TẾ XÃ ƯNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

GHI CHÚ MỘT SỐ KÝ HIỆU TRONG BẢN VẼ :

- | | | | |
|---------------------------|-----------------------------|------------------------------|----------------------|
| MỐC GPMB; MỐC GPS; MỐC DC | MỎ ĐẤT; MỎ XÂY; NGHĨA TRANG | MÀI TA LUY LỀ ĐƯỜNG | TƯỜNG KÈ XÂY MỚI |
| NHÀ GẠCH; NHÀ TÔN | CẦU BÊ TÔNG; CẦU SẮT | CỐNG HIỆN TRẠNG | MẶT ĐƯỜNG LÀM MỚI |
| NHÀ BÊ TÔNG (2: SỐ TẦNG) | CỘT ĐIỆN CAO THẾ; HẠ THẾ | CÂY LÁ RỘNG; CÂY LÁ KIM | RÀNH TNT/GA THU |
| TƯỜNG GẠCH; RÀO THÉP; GAI | KÊNH, MƯƠNG | BỤI TRE; CÂY DỪA; CÂY AN QUẢ | CỐNG NGANG ĐƯỜNG MỚI |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ƯNG HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ƯNG HÒA



HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ƯNG HÒA
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ƯNG HÒA, TP. HÀ NỘI

THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI

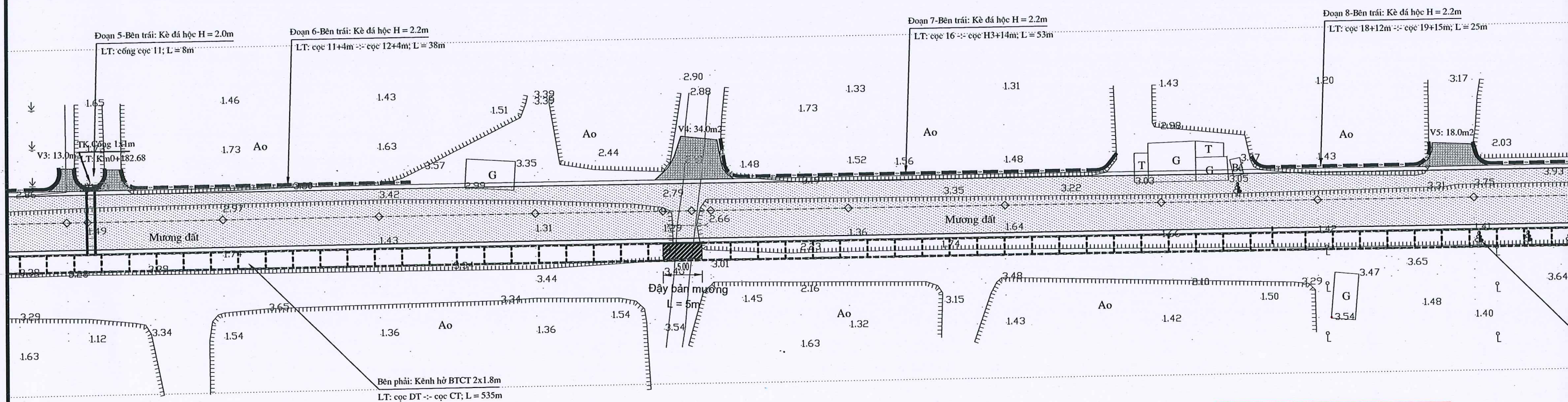


GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN

BÌNH ĐỒ TUYẾN 1

...../2025/BV/BCKTKT TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500
LẦN XUẤT BẢN: 01 THÁNG 12 - 2025 BẢN VẼ SỐ:

BÌNH ĐỒ TUYẾN 1
lý trình : km 0+00 :- km0+537.77



PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA	
THẨM ĐỊNH	
Theo Văn bản số:...../.....	
ngày.....tháng.....năm 20.....	
Người thẩm định ký tên:	
	

GHI CHÚ MỘT SỐ KÝ HIỆU TRONG BẢN VẼ :

- | | | | | | | | |
|--|---------------------------|--|-----------------------------|--|------------------------------|--|----------------------|
| | MỐC GPMB; MỐC GPS; MỐC DC | | MỘ ĐẤT; MỘ XÂY; NGHĨA TRANG | | MÁI TA LUY LỀ ĐƯỜNG | | TƯỜNG KÈ XÂY MỚI |
| | NHÀ GẠCH; NHÀ TÔN | | CẦU BÊ TÔNG; CẦU SẮT | | CỐNG HIỆN TRẠNG | | MẶT ĐƯỜNG LÂM MỚI |
| | NHÀ BÊ TÔNG (2: SỐ TẦNG) | | CỘT ĐIỆN CAO THẾ; HẠ THẾ | | CÂY LÁ RỘNG; CÂY LÁ KIM | | RÃNH TNT/GA THU |
| | TƯỜNG GẠCH; RÀO THÉP; GAI | | KÊNH, MƯƠNG | | BỤI TRE; CÂY DỪA; CÂY ĂN QUẢ | | CỐNG NGANG ĐƯỜNG MỚI |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI
EMAIL: HANOIDSC@GMAIL.COM
DSC

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TƯ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỖI, XÃ ỨNG HÒA
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI

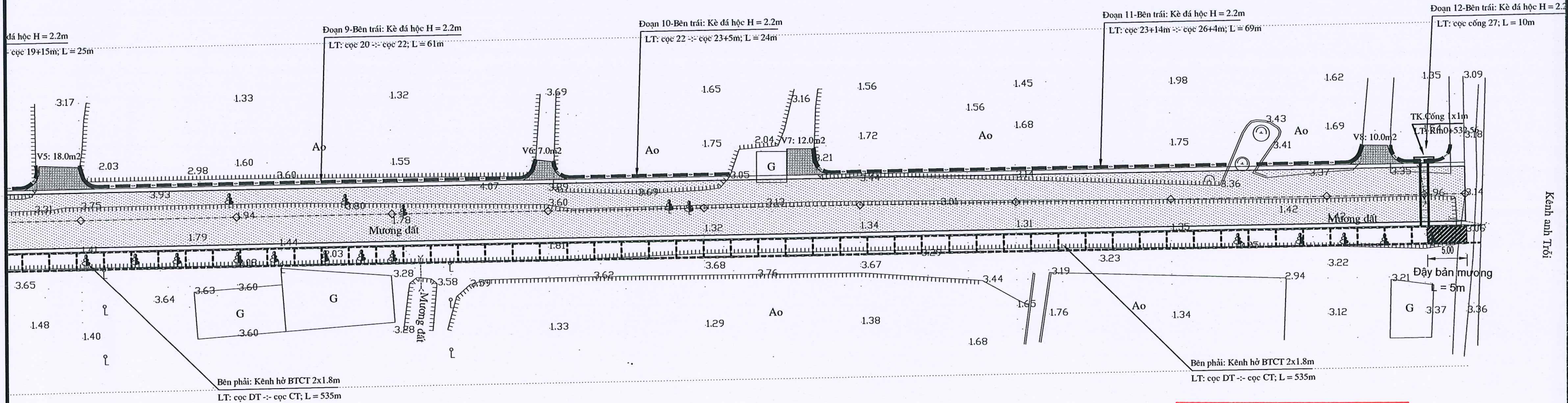
THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI

BÌNH ĐỒ TUYẾN 1

...../2025/BV/BCKTKT		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500
LẤY XUẤT BẢN: 01	THÁNG 12 - 2025	BẢN VẼ SỐ:

BÌNH ĐỒ TUYẾN 1
lý trình : km 0+00 -:- km0+537.77



PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

GHI CHÚ MỘT SỐ KÝ HIỆU TRONG BẢN VẼ :

- 


MỐC GPMB; MỐC GPS; MỐC DC
- 

NHÀ GẠCH; NHÀ TÔN
- 

NHÀ BÊ TÔNG (2: SỐ TẦNG)
- 

TUẦNG GẠCH; RÀO THÉP; GAI

-  MỘ ĐẤT; MỘ XÂY; NGHĨA TRANG
 CẦU BÊ TÔNG; CẦU SẮT
 CỘT ĐIỆN CAO THẾ; HẠ THẾ
 KÊNH, MƯƠNG

- | | |
|---|------------------------------|
|  | MÁI TA LUY LÈ ĐƯỜNG |
|  | CÓNG HIỆN TRẠNG |
|  | CÂY LÁ RỘNG; CÂY LÁ KIM |
|  | BỤI TRE; CÂY DỪA; CÂY ẮN QUẢ |

- Diagram showing symbols for various types of structures:

 - TOWER
 - WALL
 - ROAD
 - RAIL
 - GATE

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ - HA TẦNG XÃ ỨNG HÒA

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI
EMAIL: HANOIDSC@GMAIL.COM
DSC

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỬ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỖI, XÃ ỨNG HÒA
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI

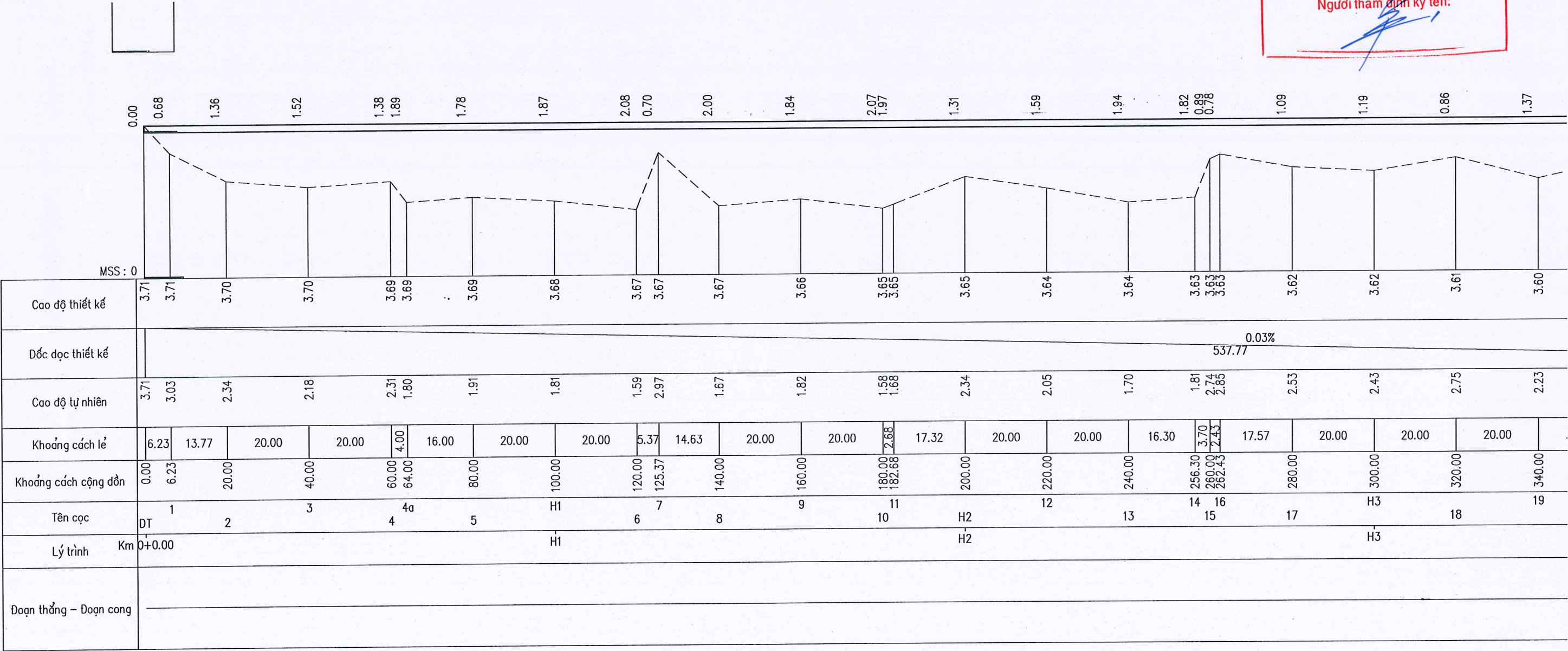
THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC		 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI M. S. 0312300000 T. 0000000000 H. 0000000000 GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC		
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN		

BÌNH ĐỒ TUYẾN 1

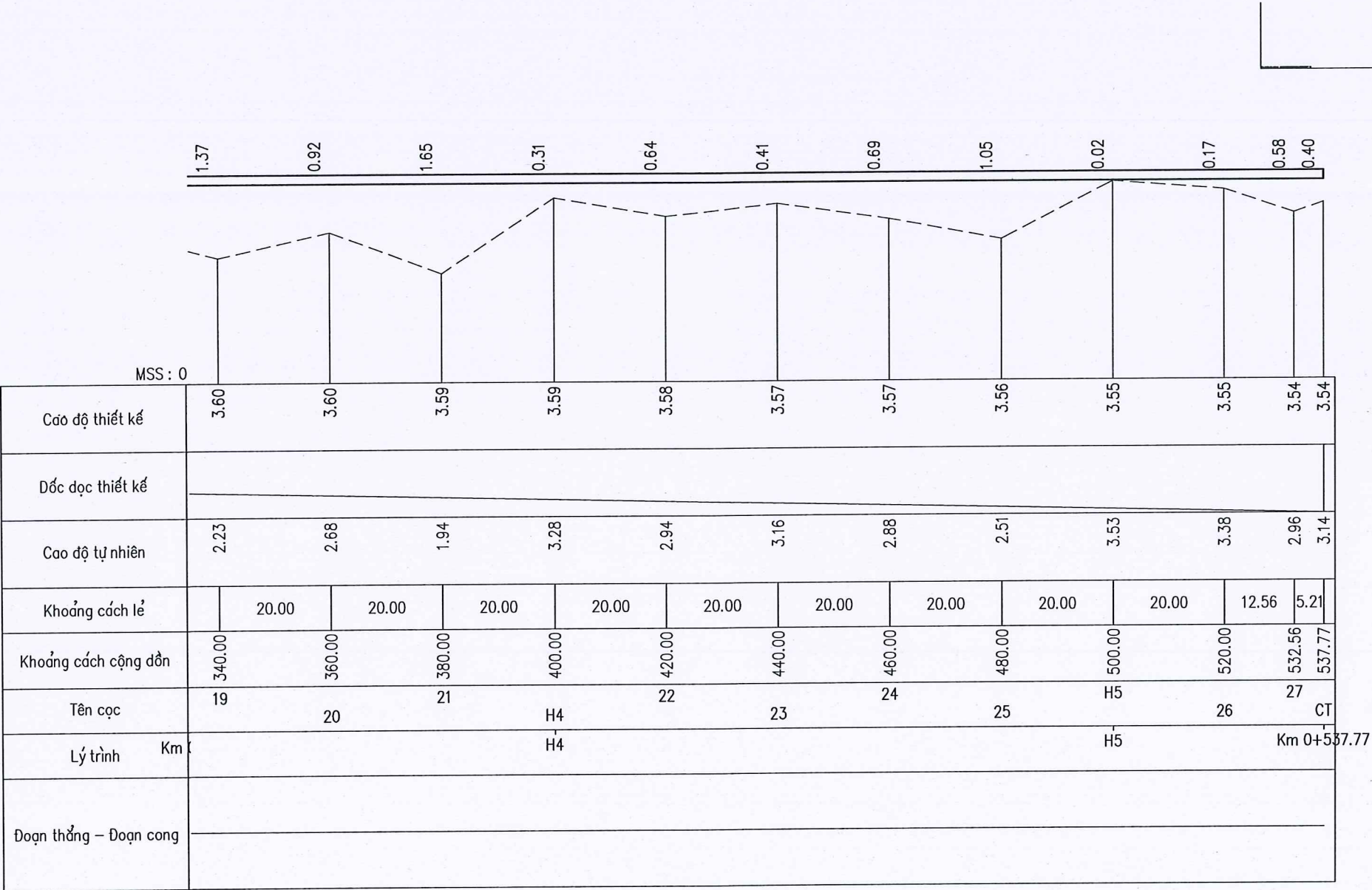
...../2025/BV/BCKTKT		TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500
LẦN XUẤT BẢN: 01	THÁNG 12 - 2025	BẢN VẼ SỐ:

TRẮC DỌC TUYẾN 1
lý trình : km 0+00 -:- km0+537.77

PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:



TRẮC DỌC TUYẾN 1
lý trình : km 0+00 -:- km0+537.77



PHÒNG KINH TẾ XÃ ƯNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TƯ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ƯNG HÒA
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ƯNG HÒA, TP. HÀ NỘI

THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN

TRẮC DỌC TUYẾN 1		
...../2025/BV/BCKTKT	TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/1000	
LẦN XUẤT BẢN: 01	THÁNG 12 - 2025	BẢN VẼ SỐ:

Cọc DT
Km 0 + 0.00

B_btxm: 9.00 m

Đào hữu cơ : 0.00 m2
Đào móng CT: 0.00 m2
Đào khuôn : 5.12 m2
Đắp tận dụng: 0.00 m2
Đắp nền k95 : 0.00 m2

MSS 0

Cao độ thiết kế			3.71	3.71	3.69						
Khoảng cách lẻ thiết kế				4.50	4.50						
Cao độ tự nhiên	3.71	3.71	3.71	3.71	3.71	3.70	3.69	3.68	3.66	3.66	
Khoảng cách mìa	0.97	5.18	4.79	2.05	2.75	2.88	3.11	3.06	1.20		

Cọc 2
Km 0 + 20.00

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 9.42 m2
Đào móng CT: 3.97 m2
Đào khuôn : 0.00 m2
Đắp tận dụng: 1.51 m2
Đắp nền k95 : 16.00 m2

MSS -1

Cao độ thiết kế				3.61	3.63	3.70	3.63	3.61			
Khoảng cách lẻ thiết kế				0.50	3.50	0.50	0.50	0.50			
Cao độ tự nhiên	2.22	2.23	2.23	2.35	3.11	2.83	2.34	1.86	1.77	1.37	1.94
Khoảng cách mìa	2.47	4.12	3.02	0.58	2.31	0.49	0.47	0.47	1.24	1.75	1.49

PHÒNG KINH TẾ XÃ HỘI
THÀNH PHỐ
Theo Văn bản số: /
Ngày 12/04/2014
Người thẩm định ký tên:

Cọc 1
Km 0 + 6.23

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 7.66 m2
Đào móng CT: 5.43 m2
Đào khuôn : 0.00 m2
Đắp tận dụng: 1.66 m2
Đắp nền k95 : 12.81 m2

MSS -1

Cao độ thiết kế				3.62	3.64	3.71	3.64	3.62			
Khoảng cách lẻ thiết kế				0.50	3.50	3.50	0.50	0.50			
Cao độ tự nhiên	2.22	2.22	2.21	2.17	2.45	3.19	3.22	3.03	1.78	1.71	1.81
Khoảng cách mìa	2.28	3.40	2.18	1.46	0.82	1.30	1.36	1.54	1.35	0.71	1.22

Cọc 3
Km 0 + 40.00

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 8.04 m2
Đào móng CT: 3.71 m2
Đào khuôn : 0.00 m2
Đắp tận dụng: 1.50 m2
Đắp nền k95 : 15.74 m2

MSS -1

Cao độ thiết kế				3.61	3.63	3.70	3.63	3.61			
Khoảng cách lẻ thiết kế				0.50	3.50	0.50	0.50	0.50			
Cao độ tự nhiên	2.21	2.22	2.20	2.19	2.24	2.85	2.88	2.18	1.76	1.43	1.69
Khoảng cách mìa	1.35	3.03	2.41	2.44	0.71	2.07	0.99	1.23	1.48	1.34	0.94

Cọc 4
Km 0 + 60.00

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 8.70 m²
Đào móng CT : 3.32 m²
Đào khuôn : 0.00 m²
Đắp tận dụng : 1.35 m²
Đắp nền k95 : 16.34 m²

MSS -1

Cao độ thiết kế				3.60 3.62	3.69	3.62 3.60												
Khoảng cách lẻ thiết kế				0.50	3.50	3.50	0.50											
Cao độ tự nhiên	2.19	2.20	2.24	2.37 2.77	2.74 2.31	1.94	1.74	1.49	1.59	1.79	2.01	3.06	3.12	1.45	1.32 1.32			
Khoảng cách mìa		1.57	5.05	2.92	0.38	2.35	0.74 0.41	1.15	0.86	1.44	1.07	0.98	2.45	1.47	1.95	0.50		

CỐNG HỘP 1X1

Cọc 4a
Km 0 + 64.00

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 7.84 m²
Đào móng CT : 4.72 m²
Đào khuôn : 0.00 m²
Đắp tận dụng : 1.47 m²
Đắp nền k95 : 17.84 m²

MSS -1

Cao độ thiết kế				3.60 3.62	3.69	3.62 3.60												
Khoảng cách lẻ thiết kế				0.50	3.50	3.50	0.50											
Cao độ tự nhiên	1.74	1.77	1.82	1.87 2.80	2.69 1.86	1.80	1.74	1.49	1.59	1.79	2.01	3.06	3.12	1.52	1.32 1.32			
Khoảng cách mìa		4.19	3.36	1.52	0.43	1.60	0.58	1.32	1.56	0.86	1.44	1.07	0.98	2.45	1.48	1.95	0.49	

Cọc 5
Km 0 + 80.00

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 9.13 m²
Đào móng CT : 3.70 m²
Đào khuôn : 0.00 m²
Đắp tận dụng : 1.45 m²
Đắp nền k95 : 17.38 m²

MSS -1

Cao độ thiết kế				3.60 3.62	3.69	3.62 3.60												
Khoảng cách lẻ thiết kế				0.50	3.50	3.50	0.50											
Cao độ tự nhiên	2.19	2.21	2.25	2.23 2.87	2.82	1.98	1.70	1.54	1.42	1.63	1.89	3.19	3.24	1.42	1.25 1.24			
Khoảng cách mìa		2.95	2.78	3.79	0.57	1.84	0.81	0.27	1.20	1.07	0.82	1.11	0.79	2.97	1.30	1.96	0.50	

PHÒNG KINH TẾ XÃ HỘI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: /
ngày tháng năm 20

Người thẩm định ký tên:

Cọc H1
Km 0 + 100.00

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 9.80 m²
Đào móng CT : 2.91 m²
Đào khuôn : 0.00 m²
Đắp tận dụng : 1.55 m²
Đắp nền k95 : 18.60 m²

MSS -1

Cao độ thiết kế				3.59 3.61	3.68	3.61 3.59												
Khoảng cách lẻ thiết kế				0.50	3.50	3.50	0.50											
Cao độ tự nhiên	2.23 2.24		2.21	2.23	2.21 2.68	1.80	1.64	1.70	1.42	1.64	1.76	2.85	3.29	3.31	1.52	1.32 1.31		
Khoảng cách mìa	0.68	3.27	3.01	2.81	0.50	1.72	0.58	0.43	0.85	1.76	1.86	1.09	0.86	0.80	1.96	1.36	1.96	0.49

Cọc 6
Km 0 + 120.00

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 9.17 m²
Đào móng CT: 2.93 m²
Đào khuôn : 0.00 m²
Đắp tận dụng: 1.09 m²
Đắp nền k95 : 19.63 m²

MSS -1

Cao độ thiết kế			3.58 3.60		3.67		3.60 3.58											
Khoảng cách lẻ thiết kế			0.50		3.50		3.50		0.50									
Cao độ tự nhiên	2.00		2.16		2.23		2.63		2.58		1.59		1.30		1.15		1.30	1.98
Khoảng cách mìa		6.57		3.03		0.86		1.70		0.84		1.10		1.75		1.95		0.74
																		0.94
																		1.63
																		1.98
																		2.91

Cọc 8
Km 0 + 140.00

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 9.61 m²
Đào móng CT: 1.79 m²
Đào khuôn : 0.00 m²
Đắp tận dụng: 0.76 m²
Đắp nền k95 : 18.41 m²

MSS -1

Cao độ thiết kế					3.58 3.60		3.67		3.60 3.58									
Khoảng cách lẻ thiết kế					0.50		3.50		3.50		0.50							
Cao độ tự nhiên	2.15		2.20		2.23		2.14		2.84		2.68		1.67		1.57		1.42	1.39
Khoảng cách mìa		3.39		3.45		2.45		0.91		1.95		0.84		1.30		0.77		1.43
																		0.91
																		2.93
																		2.13
																		0.64

Người thẩm định ký tên:

Cọc 7
Km 0 + 125.37

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 0.00 m²
Đào móng CT: 5.54 m²
Đào khuôn : 0.00 m²
Đắp tận dụng: 1.56 m²
Đắp nền k95 : 2.85 m²

MSS 0

Cao độ thiết kế					2.80 3.58 3.60		3.67		3.60 3.58									
Khoảng cách lẻ thiết kế					1.17		3.50		3.50		0.50							
Cao độ tự nhiên	2.69		2.69		2.77		2.81		2.91		2.97		3.00		3.00		3.03	3.10
Khoảng cách mìa		0.98		2.41		5.48		2.58		1.55		1.63		1.26		2.81		2.47
																		3.38
																		1.46

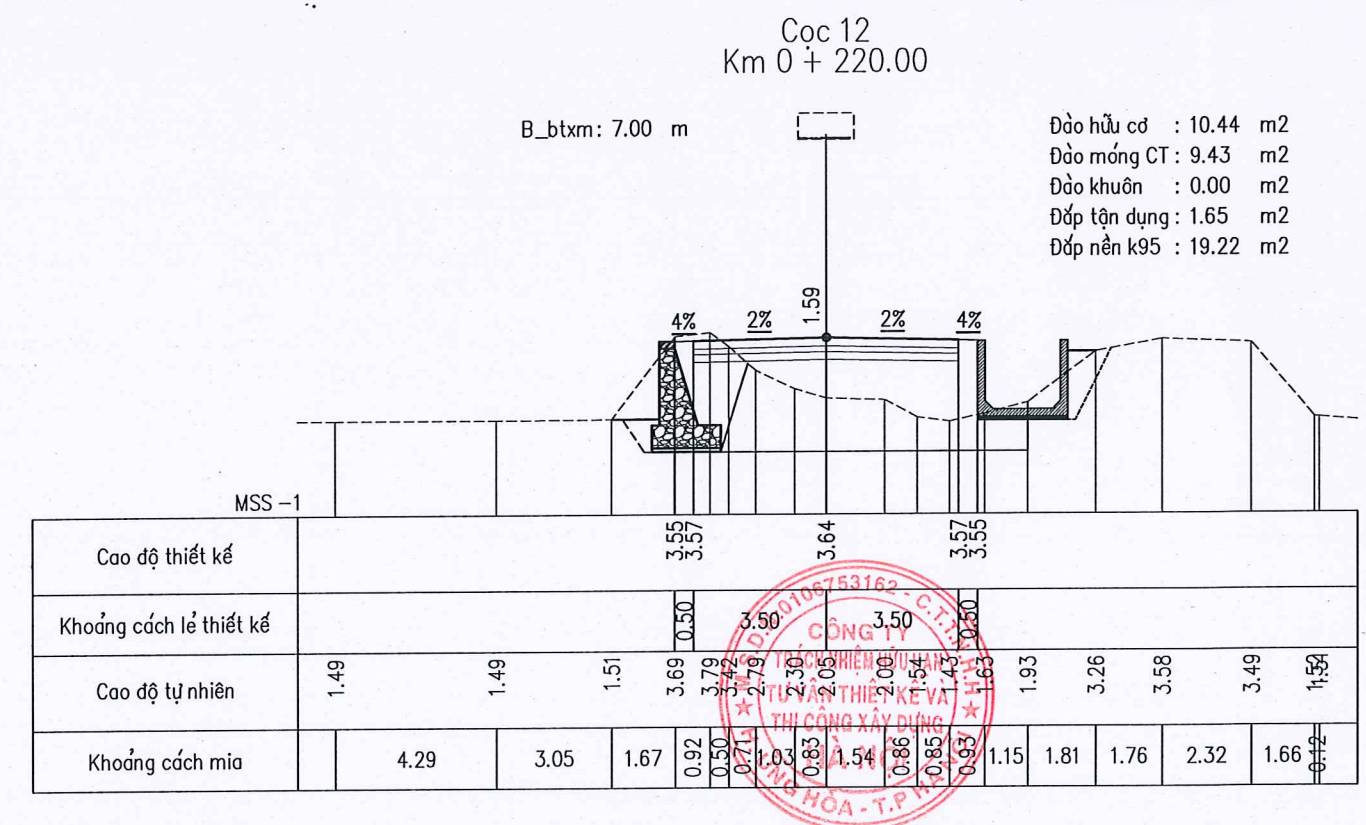
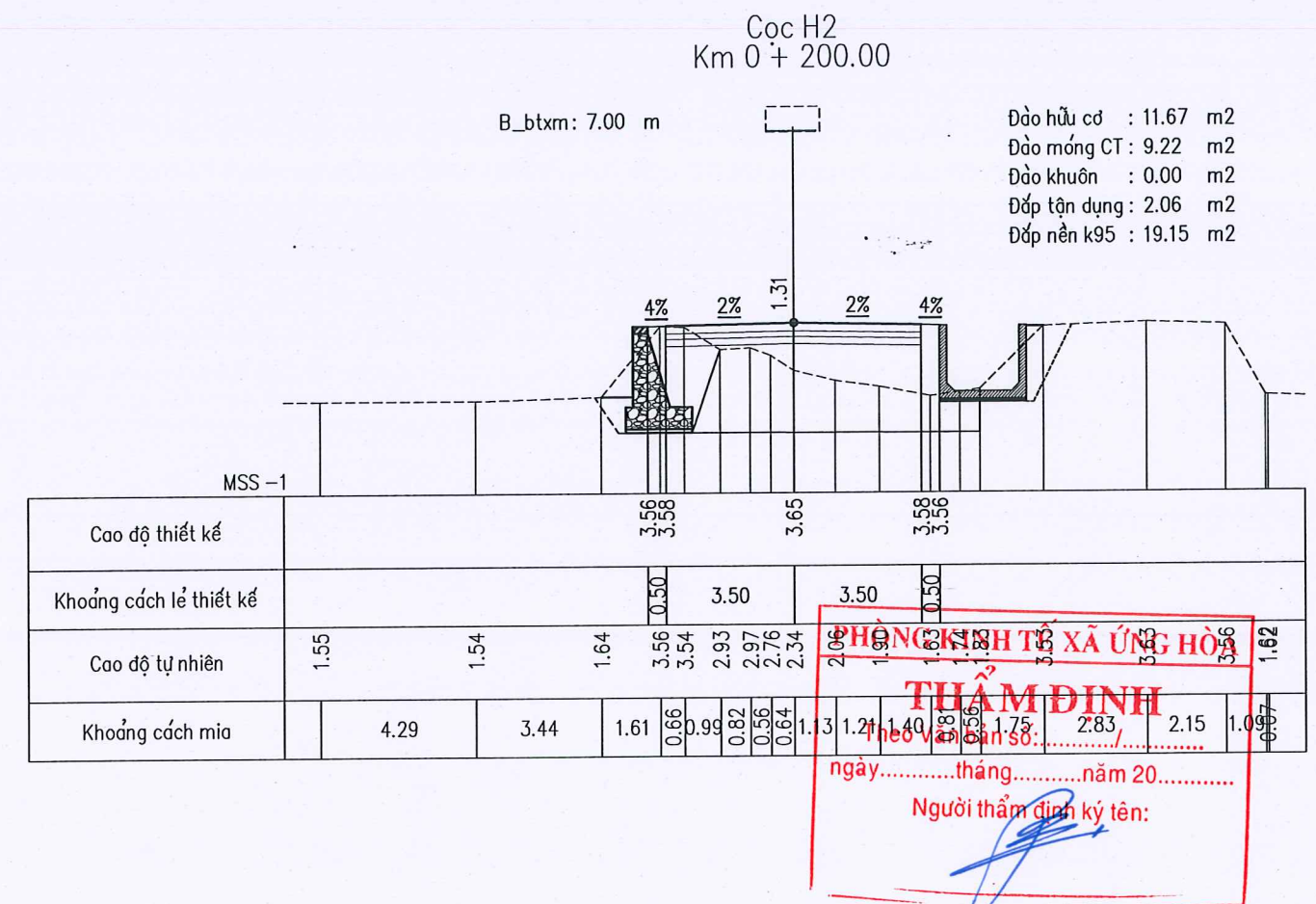
Cọc 9
Km 0 + 160.00

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 9.26 m²
Đào móng CT: 4.04 m²
Đào khuôn : 0.00 m²
Đắp tận dụng: 1.90 m²
Đắp nền k95 : 17.62 m²

MSS -1

Cao độ thiết kế					3.57 3.59		3.66		3.59 3.57									
Khoảng cách lẻ thiết kế					0.50		3.50		3.50		0.50							
Cao độ tự nhiên	2.18		2.23		2.26		2.21		2.89		2.64		1.82		1.64		1.82	3.44
Khoảng cách mìa		3.52		3.30		2.33		0.75		2.19		0.91		1.26		1.25		1.53
																		1.34
																		1.58
																		2.91
																		1.79
																		1.34



Cọc 13
Km 0 + 240.00

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 10.58 m2
Đào móng CT : 2.08 m2
Đào khuôn : 0.00 m2
Đắp tận dụng : 1.37 m2
Đắp nền k95 : 18.74 m2

MSS -1

Cao độ thiết kế				3.11	3.55	3.57		3.64		3.57	3.55								
Khoảng cách lẻ thiết kế				0.65	0.50		3.50		3.50	0.50									
Cao độ tự nhiên	3.37	3.31	3.21	3.12	3.06	2.79	1.91	1.70	1.37	1.31	1.42	1.65	2.03	3.42	3.44	3.46	1.57		
Khoảng cách mìa		2.55	3.99	1.62	2.23	0.94	1.03	0.85	0.76	1.30	1.12	1.20	1.09	1.64	1.43	2.24	2.23		

Cọc 14
Km 0 + 256.30

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 10.42 m2
Đào móng CT : 2.29 m2
Đào khuôn : 0.00 m2
Đắp tận dụng : 1.44 m2
Đắp nền k95 : 18.89 m2

MSS -1

Cao độ thiết kế				2.63	3.54	3.56		3.63		3.56	3.54								
Khoảng cách lẻ thiết kế				1.36	0.50		3.50		3.50	0.50									
Cao độ tự nhiên	2.33	2.33	2.46	2.44	2.79	2.81	2.79	2.77	2.52	1.81	1.31	1.29	1.45	1.72	2.56	2.79	3.46	3.51	
Khoảng cách mìa		2.87	2.97	1.36	0.76	0.24	1.49	1.05	0.54	0.49	1.34	1.03	1.19	1.47	0.75	0.51	1.59	5.12	

Cọc 15
Km 0 + 260.00

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 0.00 m2
Đào móng CT : 4.93 m2
Đào khuôn : 0.00 m2
Đắp tận dụng : 0.87 m2
Đắp nền k95 : 3.71 m2

MSS 0

Cao độ thiết kế				2.80	3.54	3.56		3.63		3.56	3.54								
Khoảng cách lẻ thiết kế				1.11	0.50		3.50		3.50	0.50									
Cao độ tự nhiên	2.84	2.81	2.81	2.79	2.76	2.74	2.78	2.95	3.12	3.19	3.16								
Khoảng cách mìa		1.93	4.47	3.38	1.10	2.12	2.02	2.39	2.56	1.52	0.31	3.94							

HỒN KINH Ế XỨNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: /
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

Cọc 16
Km 0 + 262.43

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 10.31 m2
Đào móng CT : 4.51 m2
Đào khuôn : 0.00 m2
Đắp tận dụng : 0.92 m2
Đắp nền k95 : 13.66 m2

MSS -1

Cao độ thiết kế				3.06	3.54	3.56		3.63		3.56	3.54								
Khoảng cách lẻ thiết kế				0.71	0.50		3.50		3.50	0.50									
Cao độ tự nhiên	3.27	3.28	2.99	2.98	3.01	3.07	3.13	3.29	1.45	1.39									
Khoảng cách mìa		1.95	8.48	3.75	0.47	1.15	0.47	0.92	1.68	1.75									

Cọc 20
Km 0 + 360.00

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 6.76 m2
Đào móng CT: 1.38 m2
Đào khuôn : 1.87 m2
Đắp tận dụng: 1.29 m2
Đắp nền k95 : 11.16 m2

MSS -1

Cao độ thiết kế																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						</
-----------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----

Cọc H4
Km 0 + 400.00

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 5.05 m2
Đào móng CT: 18.51 m2
Đào khuôn : 0.00 m2
Đắp tận dụng: 1.77 m2
Đắp nền k95 : 16.08 m2

MSS -1

Cao độ thiết kế					3.50 3.52					3.59					3.52 3.50				
Khoảng cách lẻ thiết kế					0.50	3.50				3.50				0.50					
Cao độ tự nhiên	1.36	1.41		1.55		3.94	3.99		4.03	3.28	1.78 1.45	1.30 1.47	1.47 1.73	1.23 1.22	1.30 1.22	1.45 1.45	1.30 1.22	3.28	
Khoảng cách mìa		2.25	4.25		1.67	2.15	1.68	1.00	1.00	0.70	1.02	1.39	0.76	0.80	1.45	5.18			

TRẦN NGUYỄN VĂN AN
THẨM ĐỊNH
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

Cọc 21
Km 0 + 380.00

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 5.29 m2
Đào móng CT: 16.52 m2
Đào khuôn : 0.00 m2
Đắp tận dụng: 2.46 m2
Đắp nền k95 : 16.33 m2

MSS -1

MSS - I																	
Cao độ thiết kế								3.50 3.52		3.59		3.52 3.50					
Khoảng cách lẻ thiết kế								0.50	3.50		3.50	0.50					
Cao độ tự nhiên	1.37	1.42		1.60	3.73	3.86	3.87	1.94	1.60	1.31	1.43	1.82	3.08		3.30	3.60	3.60
Khoảng cách mìa		2.21	4.02	1.88	1.42	1.92	1.55	0.72	1.17	1.74	0.80	1.58	2.57	0.00	3.87		

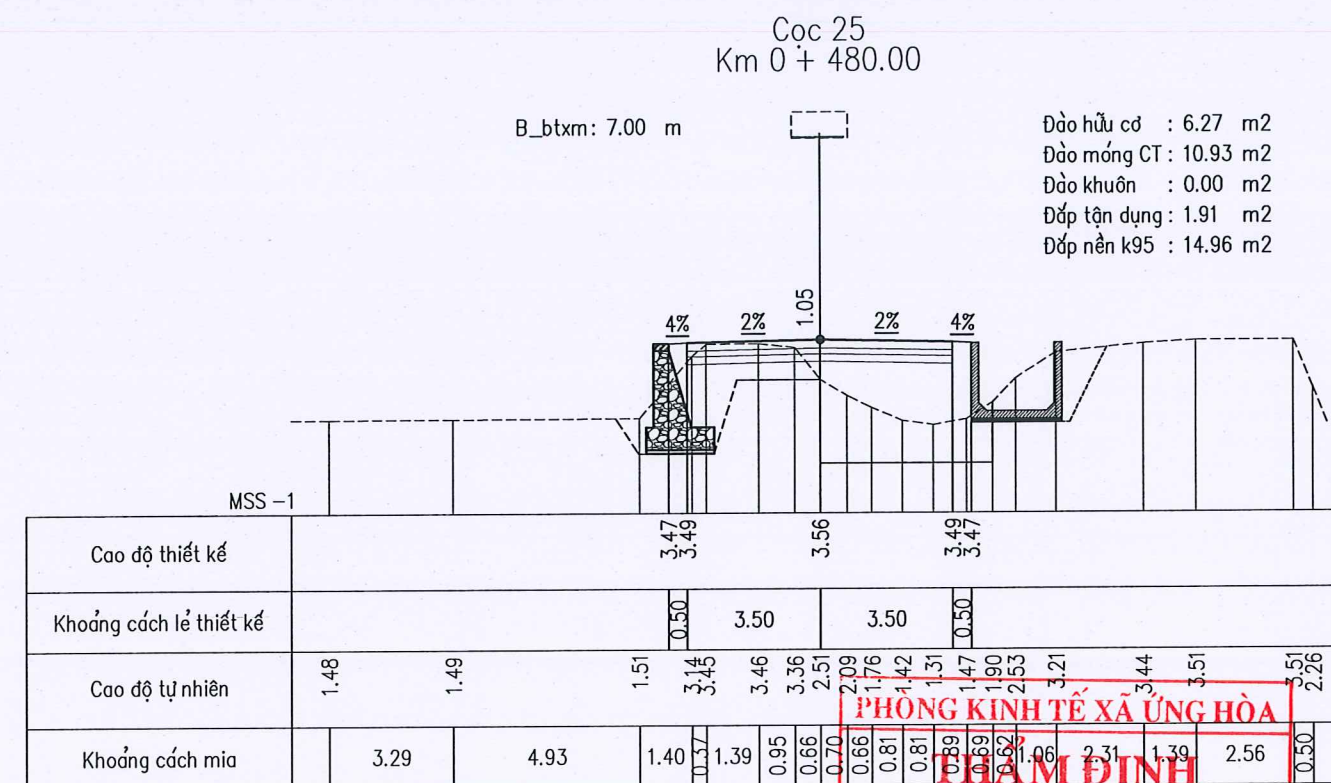
Cọc 22
Km 0 + 420.00

B_btxm: 7.00 m

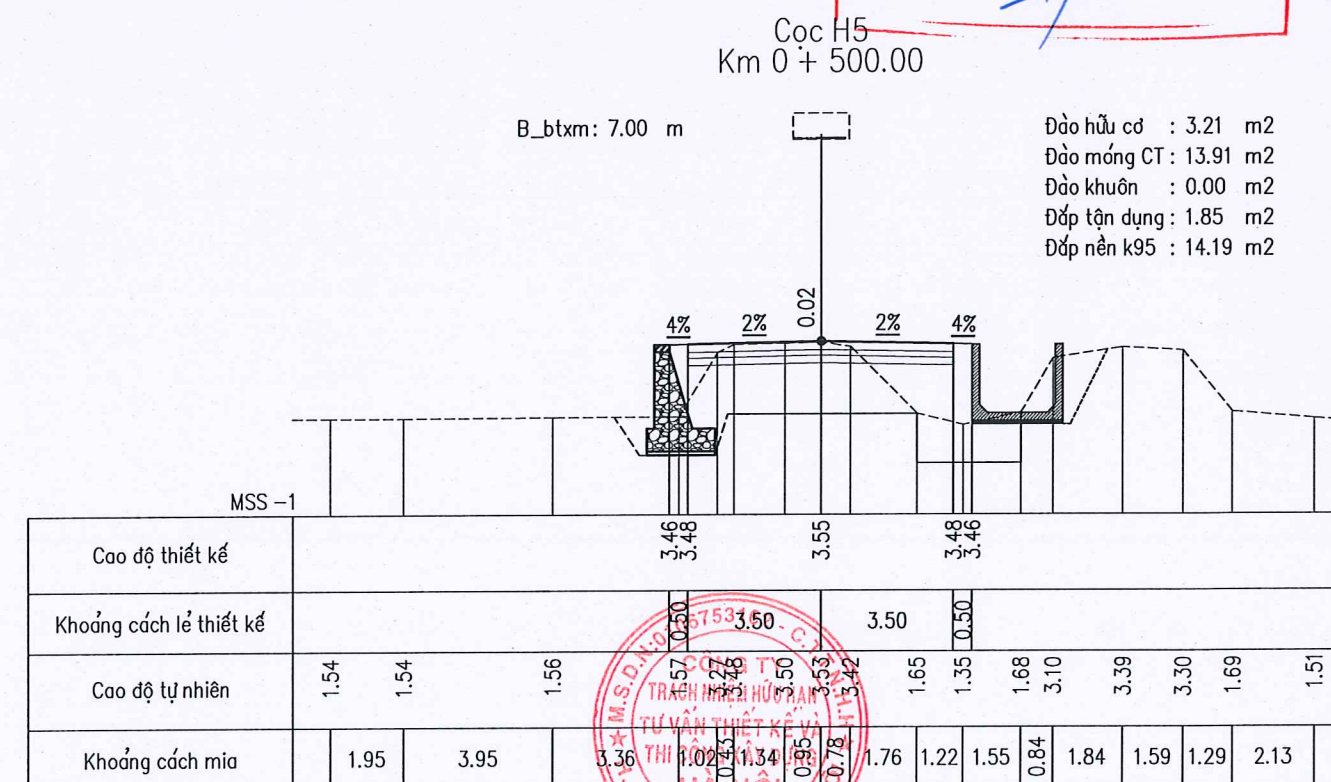
Đào hữu cơ : 6.73 m2
Đào móng CT: 3.02 m2
Đào khuôn : 2.57 m2
Đắp tận dụng: 1.58 m2
Đắp nền k95 : 11.22 m2

MSS -1

Cao độ thiết kế						3.49 3.51	3.58	3.51 3.49											
Khoảng cách lẻ thiết kế						0.50	3.50	3.50	0.50										
Cao độ tự nhiên	3.69	3.66			3.66	3.89 3.90 3.91 3.92 3.93 3.94 3.95 3.96 3.97 3.98 3.99 4.00 4.01 4.02 4.03 4.04 4.05 4.06 4.07 4.08 4.09 4.10 4.11 4.12 4.13 4.14 4.15 4.16 4.17 4.18 4.19 4.20 4.21 4.22 4.23 4.24 4.25 4.26 4.27 4.28 4.29 4.30 4.31 4.32 4.33 4.34 4.35 4.36 4.37 4.38 4.39 4.40 4.41 4.42 4.43 4.44 4.45 4.46 4.47 4.48 4.49 4.50 4.51 4.52 4.53 4.54 4.55 4.56 4.57 4.58 4.59 4.60 4.61 4.62 4.63 4.64 4.65 4.66 4.67 4.68 4.69 4.70 4.71 4.72 4.73 4.74 4.75 4.76 4.77 4.78 4.79 4.80 4.81 4.82 4.83 4.84 4.85 4.86 4.87 4.88 4.89 4.90 4.91 4.92 4.93 4.94 4.95 4.96 4.97 4.98 4.99 5.00 5.01 5.02 5.03 5.04 5.05 5.06 5.07 5.08 5.09 5.10 5.11 5.12 5.13 5.14 5.15 5.16 5.17 5.18 5.19 5.20 5.21 5.22 5.23 5.24 5.25 5.26 5.27 5.28 5.29 5.30 5.31 5.32 5.33 5.34 5.35 5.36 5.37 5.38 5.39 5.40 5.41 5.42 5.43 5.44 5.45 5.46 5.47 5.48 5.49 5.50 5.51 5.52 5.53 5.54 5.55 5.56 5.57 5.58 5.59 5.60 5.61 5.62 5.63 5.64 5.65 5.66 5.67 5.68 5.69 5.70 5.71 5.72 5.73 5.74 5.75 5.76 5.77 5.78 5.79 5.80 5.81 5.82 5.83 5.84 5.85 5.86 5.87 5.88 5.89 5.90 5.91 5.92 5.93 5.94 5.95 5.96 5.97 5.98 5.99 6.00 6.01 6.02 6.03 6.04 6.05 6.06 6.07 6.08 6.09 6.10 6.11 6.12 6.13 6.14 6.15 6.16 6.17 6.18 6.19 6.20 6.21 6.22 6.23 6.24 6.25 6.26 6.27 6.28 6.29 6.30 6.31 6.32 6.33 6.34 6.35 6.36 6.37 6.38 6.39 6.40 6.41 6.42 6.43 6.44 6.45 6.46 6.47 6.48 6.49 6.50 6.51 6.52 6.53 6.54 6.55 6.56 6.57 6.58 6.59 6.60 6.61 6.62 6.63 6.64 6.65 6.66 6.67 6.68 6.69 6.70 6.71 6.72 6.73 6.74 6.75 6.76 6.77 6.78 6.79 6.80 6.81 6.82 6.83 6.84 6.85 6.86 6.87 6.88 6.89 6.90 6.91 6.92 6.93 6.94 6.95 6.96 6.97 6.98 6.99 7.00 7.01 7.02 7.03 7.04 7.05 7.06 7.07 7.08 7.09 7.10 7.11 7.12 7.13 7.14 7.15 7.16 7.17 7.18 7.19 7.20 7.21 7.22 7.23 7.24 7.25 7.26 7.27 7.28 7.29 7.30 7.31 7.32 7.33 7.34 7.35 7.36 7.37 7.38 7.39 7.40 7.41 7.42 7.43 7.44 7.45 7.46 7.47 7.48 7.49 7.50 7.51 7.52 7.53 7.54 7.55 7.56 7.57 7.58 7.59 7.60 7.61 7.62 7.63 7.64 7.65 7.66 7.67 7.68 7.69 7.70 7.71 7.72 7.73 7.74 7.75 7.76 7.77 7.78 7.79 7.80 7.81 7.82 7.83 7.84 7.85 7.86 7.87 7.88 7.89 7.90 7.91 7.92 7.93 7.94 7.95 7.96 7.97 7.98 7.99 8.00 8.01 8.02 8.03 8.04 8.05 8.06 8.07 8.08 8.09 8.10 8.11 8.12 8.13 8.14 8.15 8.16 8.17 8.18 8.19 8.20 8.21 8.22 8.23 8.24 8.25 8.26 8.27 8.28 8.29 8.30 8.31 8.32 8.33 8.34 8.35 8.36 8.37 8.38 8.39 8.40 8.41 8.42 8.43 8.44 8.45 8.46 8.47 8.48 8.49 8.50 8.51 8.52 8.53 8.54 8.55 8.56 8.57 8.58 8.59 8.60 8.61 8.62 8.63 8.64 8.65 8.66 8.67 8.68 8.69 8.70 8.71 8.72 8.73 8.74 8.75 8.76 8.77 8.78 8.79 8.80 8.81 8.82 8.83 8.84 8.85 8.86 8.87 8.88 8.89 8.90 8.91 8.92 8.93 8.94 8.95 8.96 8.97 8.98 8.99 9.00 9.01 9.02 9.03 9.04 9.05 9.06 9.07 9.08 9.09 9.10 9.11 9.12 9.13 9.14 9.15 9.16 9.17 9.18 9.19 9.20 9.21 9.22 9.23 9.24 9.25 9.26 9.27 9.28 9.29 9.30 9.31 9.32 9.33 9.34 9.35 9.36 9.37 9.38 9.39 9.40 9.41 9.42 9.43 9.44 9.45 9.46 9.47 9.48 9.49 9.50 9.51 9.52 9.53 9.54 9.55 9.56 9.57 9.58 9.59 9.60 9.61 9.62 9.63 9.64 9.65 9.66 9.67 9.68 9.69 9.70 9.71 9.72 9.73 9.74 9.75 9.76 9.77 9.78 9.79 9.80 9.81 9.82 9.83 9.84 9.85 9.86 9.87 9.88 9.89 9.90 9.91 9.92 9.93 9.94 9.95 9.96 9.97 9.98 9.99 10.00 10.01 10.02 10.03 10.04 10.05 10.06 10.07 10.08 10.09 10.10 10.11 10.12 10.13 10.14 10.15 10.16 10.17 10.18 10.19 10.20 10.21 10.22 10.23 10.24 10.25 10.26 10.27 10.28 10.29 10.30 10.31 10.32 10.33 10.34 10.35 10.36 10.37 10.38 10.39 10.40 10.41 10.42 10.43 10.44 10.45 10.46 10.47 10.48 10.49 10.50 10.51 10.52 10.53 10.54 10.55 10.56 10.57 10.58 10.59 10.60 10.61 10.62 10.63 10.64 10.65 10.66 10.67 10.68 10.69 10.70 10.71 10.72 10.73 10.74 10.75 10.76 10.77 10.78 10.79 10.80 10.81 10.82 10.83 10.84 10.85 10.86 10.87 10.88 10.89 10.90 10.91 10.92 10.93 10.94 10.95 10.96 10.97 10.98 10.99 11.00 11.01 11.02 11.03 11.04 11.05 11.06 11.07 11.08 11.09 11.10 11.11 11.12 11.13 11.14 11.15 11.16 11.17 11.18 11.19 11.20 11.21 11.22 11.23 11.24 11.25 11.26 11.27 11.28 11.29 11.30 11.31 11.32 11.33 11.34 11.35 11.36 11.37 11.38 11.39 11.40 11.41 11.42 11.43 11.44 11.45 11.46 11.47 11.48 11.49 11.50 11.51 11.52 11.53 11.54 11.55 11.56 11.57 11.58 11.59 11.60 11.61 11.62 11.63 11.64 11.65 11.66 11.67 11.68 11.69 11.70 11.71 11.72 11.73 11.74 11.75 11.76 11.77 11.78 11.79 11.80 11.81 11.82 11.83 11.84 11.85 11.86 11.87 11.88 11.89 11.90 11.91 11.92 11.93 11.94 11.95 11.96 11.97 11.98 11.99 12.00 12.01 12.02 12.03 12.04 12.05 12.06 12.07 12.08 12.09 12.10 12.11 12.12 12.13 12.14 12.15 12.16 12.17 12.18 12.19 12.20 12.21 12.22 12.23 12.24 12.25 12.26 12.27 12.28 12.29 12.30 12.31 12.32 12.33 12.34 12.35 12.36 12.37 12.38 12.39 12.40 12.41 12.42 12.43 12.44 12.45 12.46 12.47 12.48 12.49 12.50 12.51 12.52 12.53 12.54 12.55 12.56 12.57 12.58 12.59 12.60 12.61 12.62 12.63 12.64 12.65 12.66 12.67 12.68 12.69 12.70 12.71 12.72 12.73 12.74 12.75 12.76 12.77 12.78 12.79 12.80 12.81 12.82 12.83 12.84 12.85 12.86 12.87 12.88 12.89 12.90 12.91 12.92 12.93 12.94 12.95 12.96 12.97 12.98 12.99 13.00 13.01 13.02 13.03 13.04 13.05 13.06 13.07 13.08 13.09 13.10 13.11 13.12 13.13 13.14 13.15 13.16 13.17 13.18 13.19 13.20 13.21 13.22 13.23 13.24 13.25 13.26 13.27 13.28 13.29 13.30 13.31 13.32 13.33 13.34 13.35 13.36 13.37 13.38 13.39 13.40 13.41 13.42 13.43 13.44 13.45 13.46 13.47 13.48 13.49 13.50 13.51 13.52 13.53 13.54 13.55 13.56 13.57 13.58 13.59 13.60 13.61 13.62 13.63 13.64 13.65 13.66 13.67 13.68 13.69 13.70 13.71 13.72 13.73 13.74 13.75 13.76 13.77 13.78 13.79 13.80 13.81 13.82 13.83 13.84 13.85 13.86 13.87 13.88 13.89 13.90 13.91 13.92 13.93 13.94 13.95 13.96 13.97 13.98 13.99 14.00 14.01 14.02 14.03 14.04 14.05 14.06 14.07 14.08 14.09 14.10 14.11 14.12 14.13 14.14 14.15 14.16 14.17 14.18 14.19 14.20 14.21 14.22 14.23 14.24 14.25 14.26 14.27 14.28 14.29 14.30 14.31 14.32 14.33 14.34 14.35 14.36 14.37 14.38 14.39 14.40 14.41 14.42 14.43 14.44 14.45 14.46 14.47 14.48 14.49 14.50 14.51 14.52 14.53 14.54 14.55 14.56 14.57 14.58 14.59 14.60 14.61 14.62 14.63 14.64 14.65 14.66 14.67 14.68 14.69 14.70 14.71 14.72 14.73 14.74 14.75 14.76 14.77 14.78 14.79 14.80 14.81 14.82 14.83 14.84 14.85 14.86 14.87 14.88 14.89 14.90 14.91 14.92 14.93 14.94 14.95 14.96 14.97 14.98 14.99 15.00 15.01 15.02 15.03 15.04 15.05 15.06 15.07 15.08 15.09 15.10 15.11 15.12 15.13 15.14 15.15 15.16 15.17 15.18 15.19 15.20 15.21 15.22 15.23 15.24 15.25 15.26 15.27 15.28 15.29 15.30 15.31 15.32 15.33 15.34 15.35 15.36 15.37 15.38 15.39 15.40 15.41 15.42 15.43 15.44 15.45 15.46 15.47 15.48 15.49 15.50 15.51 15.52 15.53 15.54 15.55 15.56 15.57 15.58 15.59 15.60 15.61 15.62 15.63 15.64 15.65 15.66 15.67 15.68 15.69 15.70 15.71 15.72 15.73 15.74 15.75 15.76 15.77 15.78 15.79 15.80 15.81 15.82 15.83 15.84 15.85 15.86 15.87 15.88 15.89 15.90 15.91 15.92 15.93 15.94 15.95 15.96 15.97 15.98 15.99 16.00 16.01 16.02 16.03 16.04 16.05 16.06 16.07 16.08 16.09 16.10 16.11 16.12 16.13 16.14 16.15 16.16 16.17 16.18 16.19 16.20 16.21 16.22 16.23 16.24 16.25 16.26 16.27 16.28 16.29 16.30 16.31 16.32 16.33 16.34 16.35 16.36 16.37 16.38 16.39 16.40 16.41 16.42 16.43 16.44 16.45 16.46 16.47 16.48 16.49 16.50 16.51 16.52 16.53 16.54 16.55 16.56 16.57 16.58 16.59 16.60 16.61 16.62 16.63 16.64 16.65 16.66 16.67 16.68 16.69 16.70 16.71 16.72 16.73 16.74 16.75 16.76 16.77 16.78 16.79 16.80 16.81 16.82 16.83 16.84 16.85 16.86 16.87 16.88 16.89 16.90 16.91 16.92 16.93 16.94 16.95 16.96 16.97 16.98 16.99 17.00 17.01 17.02 17.03 17.04 17.05 17.06 17.07 17.08 17.09 17.10 17.11 17.12 17.13 17.14 17.15 17.16 17.17 17.18 17.19 17.20 17.21 17.22 17.23 17.24 17.25 17.26 17.27 17.28 17.29 17.30 17.31 17.32 17.33 17.34 17.35 17.36 17.37 17.38 17.39 17.40 17.41 17.42 17.43 17.44 17.45 17.46 17.47 17.48 17.49 17.50 17.51 17.52 17.53 17.54 17.55 17.56 17.57 17.58 17.59 17.60 17.61 17.62 17.63 17.64 17.65 17.66 17.67 17.68 17.69 17.70 17.71 17.72 17.73 17.74 17.75 17.76 17.77 17.78 17.79 17.80 17.81 17.82 17.83 17.84 17.85 17.86 17.87 17.88 17.89 17.90 17.91 17.92 17.93 17.94 17.95 17.96 17.97 17.98 17.99 18.00 18.01 18.02 18.03 18.04 18.05 18.06 18.07 18.08 18.09 18.10 18.11 18.12 18.13 18.14 18.15 18.16 18.17 18.18 18.19 18.20 18.21 18.22 18.23 18.24 18.25 18.26 18.27 18.28 18.29 18.30 18.31 18.32 18.33 18.34 18.35 18.36 18.37 18.38 18.39 18.40 18.41 18.42 18.43 18.44 18.45 18.46 18.47 18.48 18.49 18.50 18.51 18.52 18.53 18.54 18.55 18.56 18.57 18.58 18.59 18.60 18.61 18.62 18.63 18.64 18.65 18.66 18.67 18.68 18.69 18.70 18.71 18.72 18.73 18.74 18.75 18.76 18.77 18.78 18.79 18.80 18.81 18.82 18.83 18.84 18.85 18.86 18.87 18.88 18.89 18.90 18.91 18.92 18.93 18.94 18.95 18.96 18.97 18.98 18.99 19.00 19.01 19.02 19.03 19.04 19.05 19.06 19.07 19.08 19.09 19.10 19.11 19.12 19.13 19.14 19.15 19.16 19.17 19.18 19.19 19.20 19.21 19.22 19.23 19.24 19.25 19.26 19.27 19.28 19.29 19.30 19.31 19.32 19.33 19.34 19.35 19.36 19.37 19.38 19.39 19.40 19.41 19.42 19.43 19.44 19.45 19.46 19.47 19.48 19.49 19.50 19.51 19.52 19.53 19.54 19.55 19.56 19.57 19.58 19.59 19.60 19.61 19.62 19.63 19.64 19.65 19.66 19.67 19.68 19.69 19.70 19.71 19.72 19.73 19.74 19.75 19.76 19.77 19.78 19.79 19.80 19.81 19.82 19.83 19.84 19.85 19.86 19.87 19.88 19.89 19.90 19.91 19.92 19.93 19.94 19.95 19.96 19.97 19.98 19.99 20.00 20.01 20.02 20.03 20.04 20.05 20.06 20.07 20.08 20.09 20.10 20.11 20.12 20.13 20.14 20.15 20.16 20.17 20.18 20.19 20.20 20.21 20.22 20.23 20.24 20.25 20.26 20.27 20.28 20.29 20.30 20.31 20.32 20.33 20.34 20.35 20.36 20.37 20.38 20.39 20.40 20.41 20.42 20.43 20.44 20.45 20.46 20.47 20.48 20.49 20.50 20.51 20.52 20.53 20.54 20.55 20.56 20.57 20.58 20.59 20.60 20.61 20.62 20.63 20.64 20.65 20.66 20.67 20.68 20.69 20.70 20.71 20.72 20.73 20.74 20.75 20.76 20.77 20.78 20.79 20.80 20.81 20.82 20.83 20.84 20.85 20.86 20.87 20.88 20.89 20.90 20.91 20.92 20.93 20.94 20.95 20.96 20.97 20.98 20.99 21.00 21.01 21.02 21.03 21.04 21.05 21.06 21.07 21.08 21.09 21.10 21.11 21.12 21.13 21.14 21.15 21.16 21.17 21.18 21.19 21.20 21.21 21.22 21.23 21.24 21.25 21.26 21.27 21.28 21.29 21.30 21.31 21.32 21.33 21.34 21.35 21.36 21.37 21.38 21.39 21.40 21.41 21.42 21.43 21.44 21.45 21.46 21.47 21.48 21.49 21.50 21.51 21.52 21.53 21.54 21.55 21.56 21.57 21.58 21.59 21.60 21.61 21.62 21.63 21.64 21.65 21.66 21.67 21.68 21.69 21.70 21.71 21.72 21.73 21.74 21.75 21.76 21.77 21.78 21.79 21.80 21.81 21.82 21.83 21.84 21.85 21.86 21.87 21.88 21.89 21.90 21.91 21.92 21.93 21.94 21.95 21.96 21.97 21.98 21.99 22.00 22.01 22.02 22.03 22.04 22.05													



PHÒNG KINH TẾ XÃ HỘI										
0.70	0.66	0.81	0.81	0.89	0.69	0.62	1.06	2.31	1.39	2.56
THẨM ĐỊNH										
Theo Văn bản số:...../.....										
ngày.....tháng.....năm 20.....										
Người thẩm định ký tên:										
										



Cọc 26
Km 0 + 520.00

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 3.62 m²
Đào móng CT : 13.24 m²
Đào khuôn : 0.00 m²
Đắp tận dụng : 1.76 m²
Đắp nền k95 : 14.79 m²

MSS -1

Cao độ thiết kế			3.46 3.48		3.55		3.48 3.46											
Khoảng cách lẻ thiết kế			0.50		3.50		3.50		0.50									
Cao độ tự nhiên	1.45	1.50	1.57 3.37	3.44	3.38 3.25	1.64	1.42	1.45	1.69	3.13	3.22	3.12	3.12					
Khoảng cách mìa		4.23	4.79	0.86	1.88	1.24	0.48	1.08	1.24	1.21	0.89	1.52	2.28	1.76	2.54			

Cọc CT
Km 0 + 537.77

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 7.37 m²
Đào móng CT : 6.46 m²
Đào khuôn : 0.00 m²
Đắp tận dụng : 1.37 m²
Đắp nền k95 : 7.58 m²

MSS 0

Cao độ thiết kế			3.15 3.47		3.54		3.47 3.45											
Khoảng cách lẻ thiết kế			0.45 0.50		3.50		3.50		0.50									
Cao độ tự nhiên	3.11	3.18	3.13	3.14	3.06	3.21	3.32											
Khoảng cách mìa		5.65	5.35	2.00	4.66	3.00	5.35											

Cọc 27
Km 0 + 532.56

B_btxm: 7.00 m

Đào hữu cơ : 5.55 m²
Đào móng CT : 8.32 m²
Đào khuôn : 0.00 m²
Đắp tận dụng : 1.63 m²
Đắp nền k95 : 17.54 m²

MSS -1

Cao độ thiết kế			3.45 3.47		3.54		3.47 3.45											
Khoảng cách lẻ thiết kế			0.50		3.50		3.50		0.50									
Cao độ tự nhiên	1.41	1.54	1.50	2.87	2.96 2.73	1.61	1.19	1.08	1.32	1.70	3.06	3.29	3.33	3.35				
Khoảng cách mìa		4.78	5.10	0.92	2.19	0.71	0.69	1.12	1.38	0.97	1.06	0.79	3.35	0.96	1.78			

PHÒNG KINH TẾ XÃ ƯNG HÒA

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

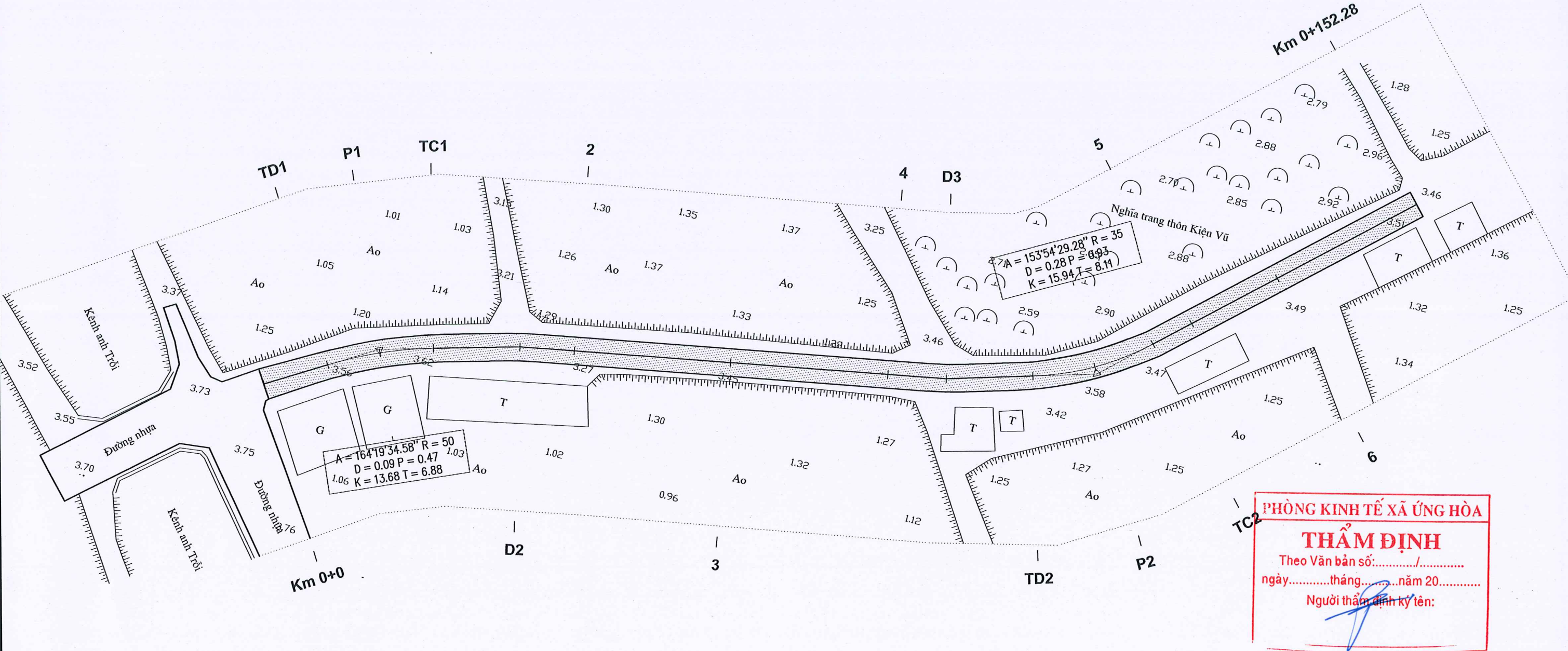


TRẮC NGANG TUYẾN 1

TL: 1/200

BẢN VẼ SỐ:

BÌNH ĐỒ TUYẾN 2
lý trình : km 0+00 -> km0+152.28



GHI CHÚ MỘT SỐ KÝ HIỆU TRONG BẢN VẼ :

- △ — □ — MỐC GPMB; MỐC GPS; MỐC DC
- [N1] [T] NHÀ GẠCH; NHÀ TÔN
- [B2] [B3] NHÀ BÊ TÔNG (2: SỐ TẦNG)
- — — — — TƯỜNG GẠCH; RÀO THÉP; GAI

- ⊠ MỘ ĐẤT; MỘ XÂY; NGHĨA TRANG
- — — — — CẦU BÊ TÔNG; CẦU SẮT
- — — — — CỘT ĐIỆN CAO THẾ; HẠ THẾ
- — — — — KÊNH, MƯƠNG

- — — — — MÃI TA LUY LỀ ĐƯỜNG
- — — — — CỐNG HIỆN TRẠNG
- — — — — CÂY LÁ RỘNG; CÂY LÁ KIM
- — — — — BỤI TRE; CÂY DỪA; CÂY ẮN QUẢ

- — — — — TƯỜNG KÈ XÂY MỚI
- — — — — MẶT ĐƯỜNG LÂM MỚI
- — — — — RÃNH TNT/GA THU
- — — — — CỐNG NGANG ĐƯỜNG MỚI

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI
EMAIL: HANOIDSC@GMAIL.COM
DSC

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRÔI, XÃ ỨNG HÒA

ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI

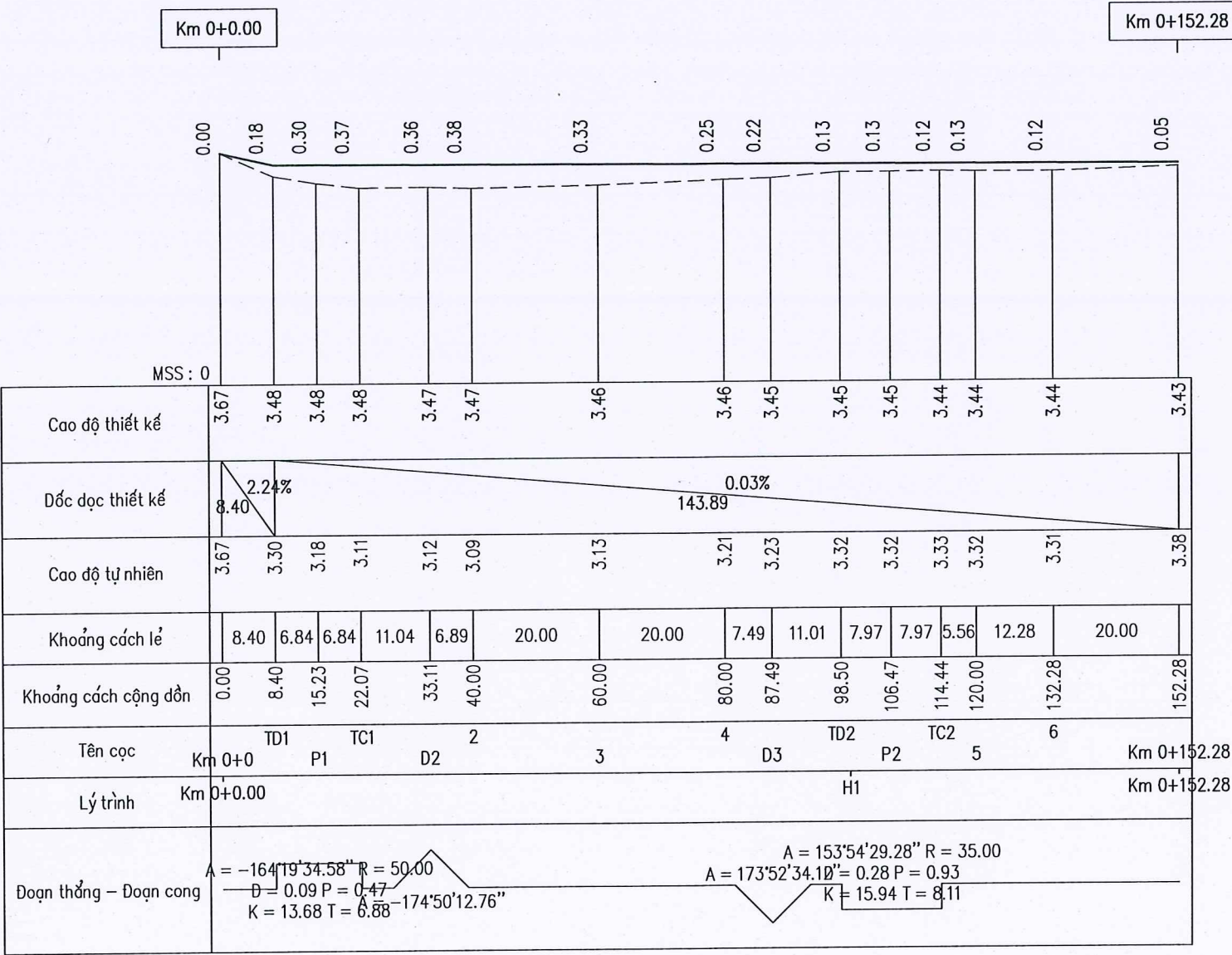
THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN

BÌNH ĐỒ TUYẾN 2		
...../2025/BV/BCKTKT	TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500	
LẦN XUẤT BẢN: 01	THÁNG 12 - 2025	BẢN VẼ SỐ:

TRẮC DỌC TUYẾN 2
lý trình : km 0+00 :- km0+152.28



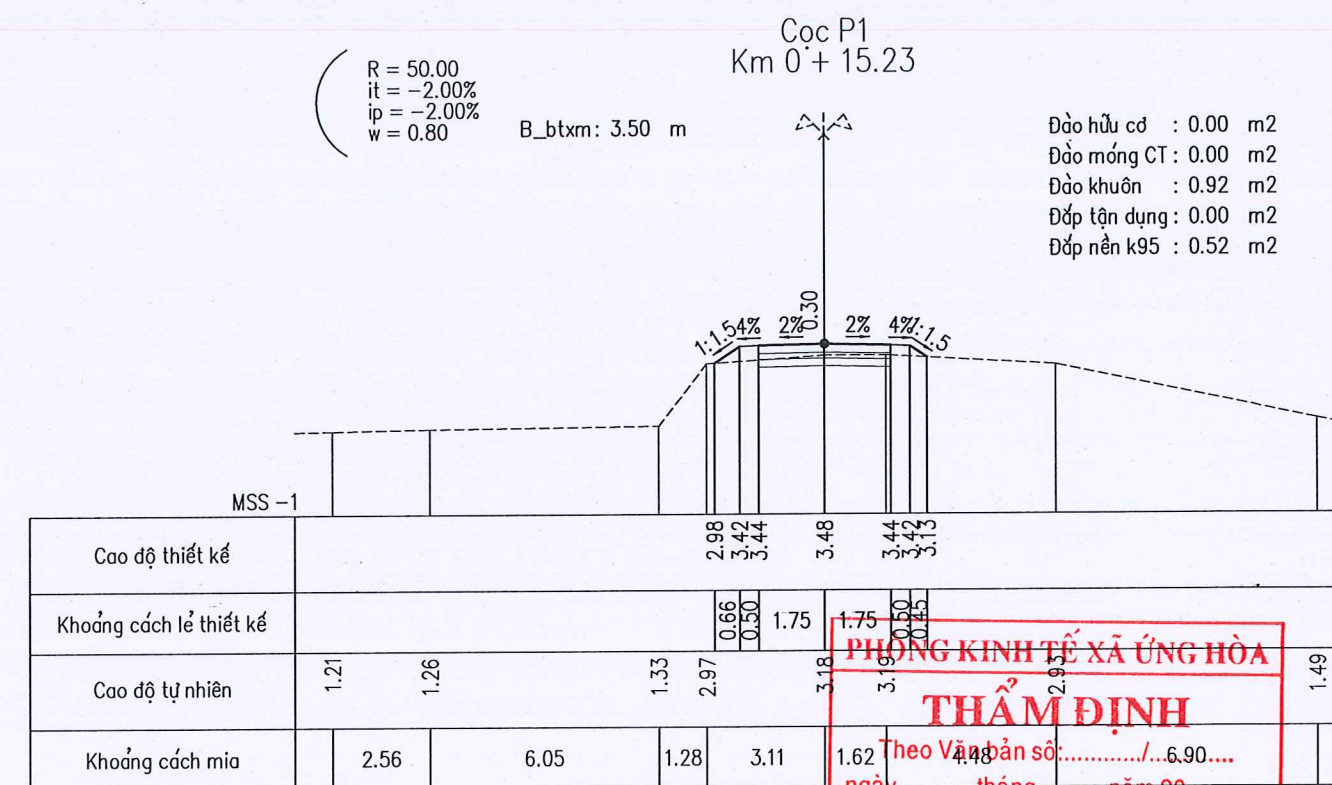
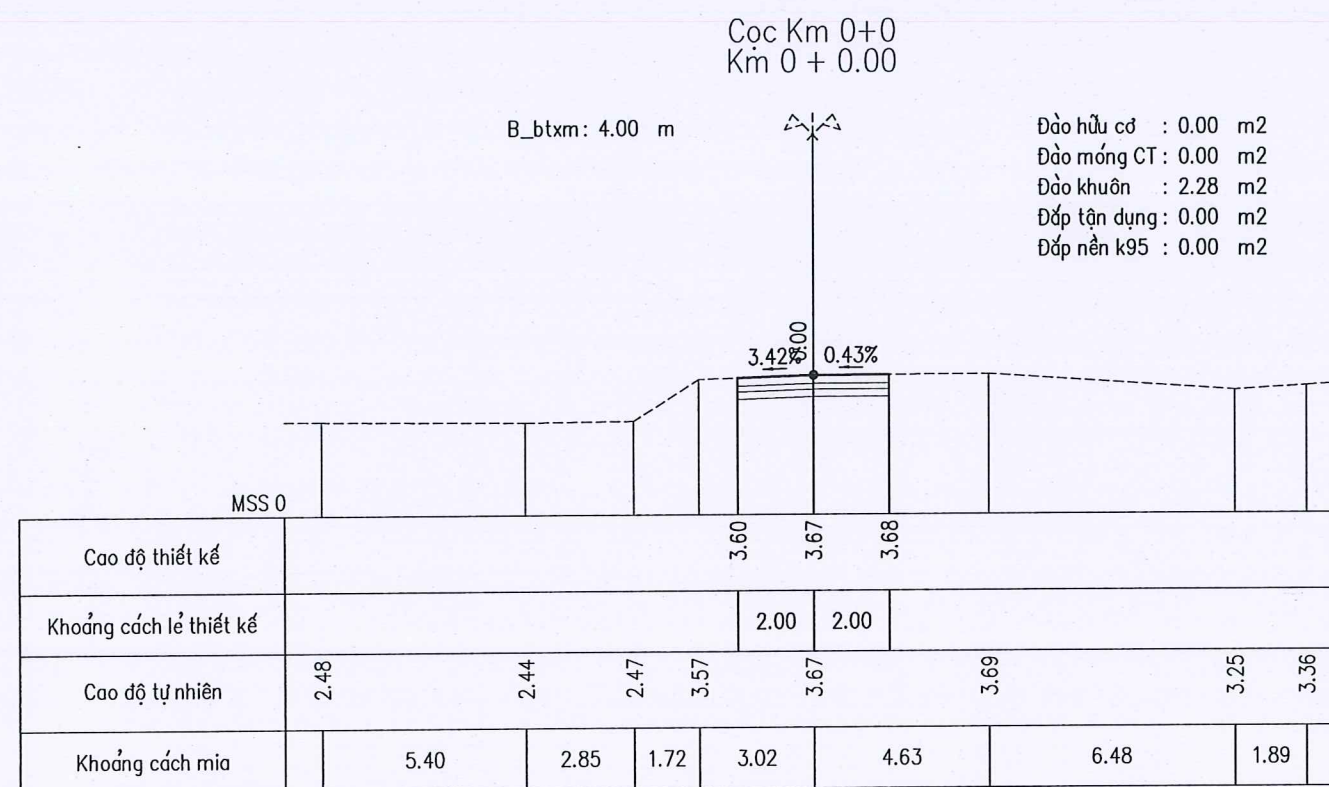
PHÒNG KINH TẾ XÃ ƯNG HÒA

THẨM ĐỊNH

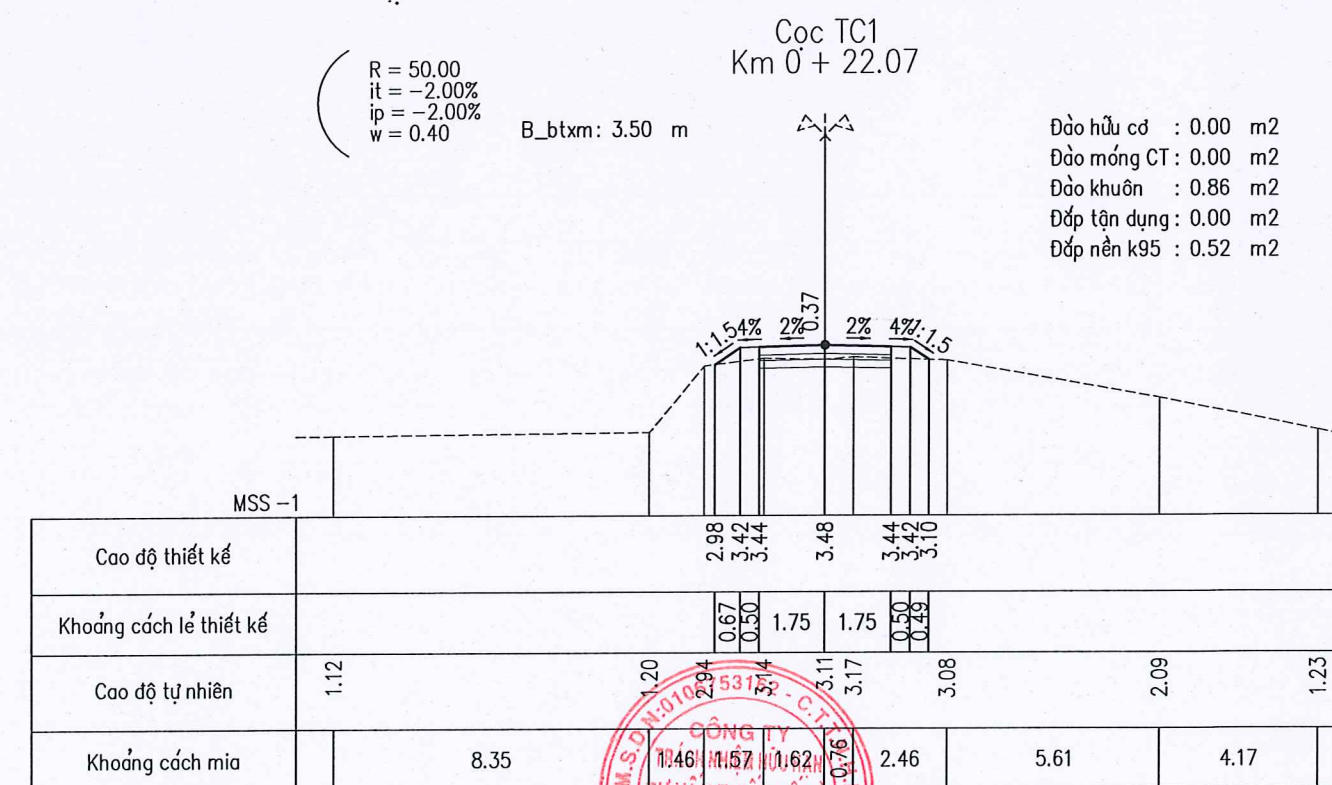
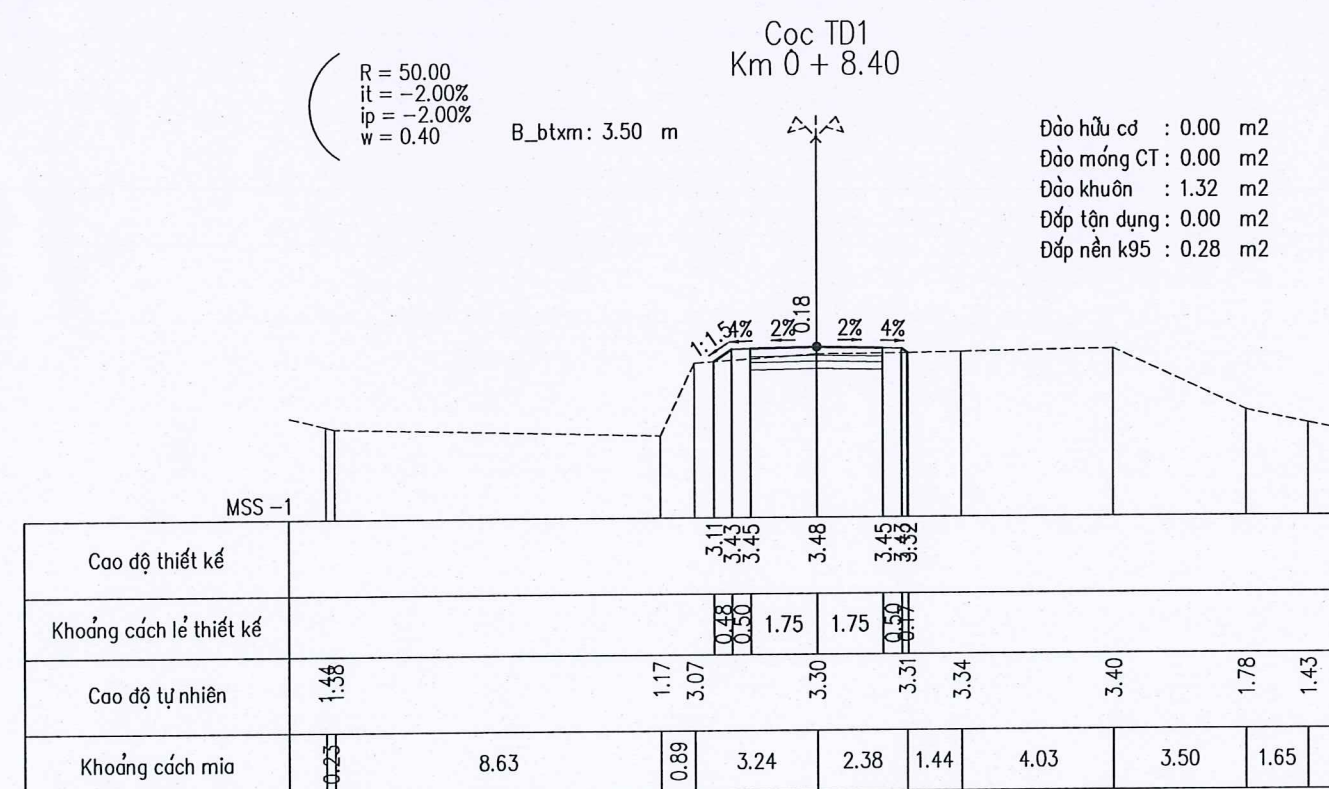
Theo Văn bản số:...../.....

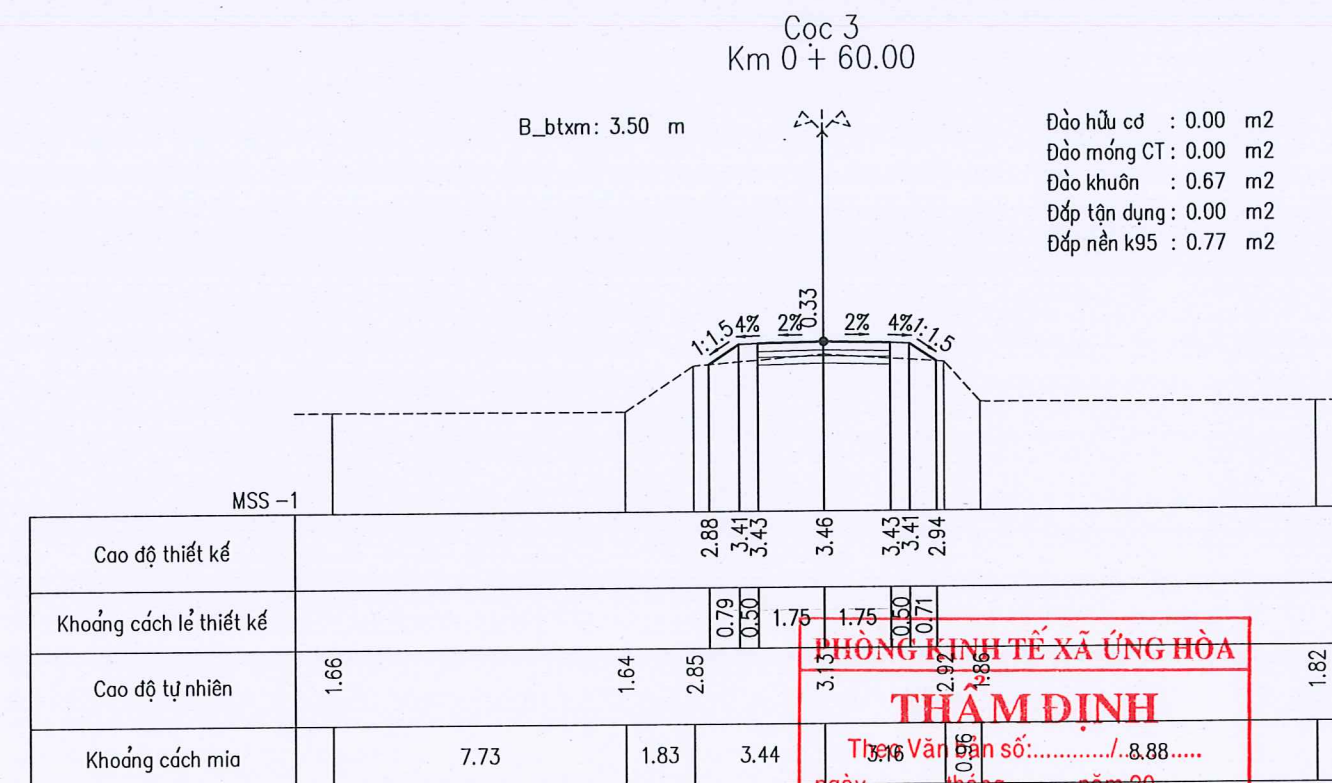
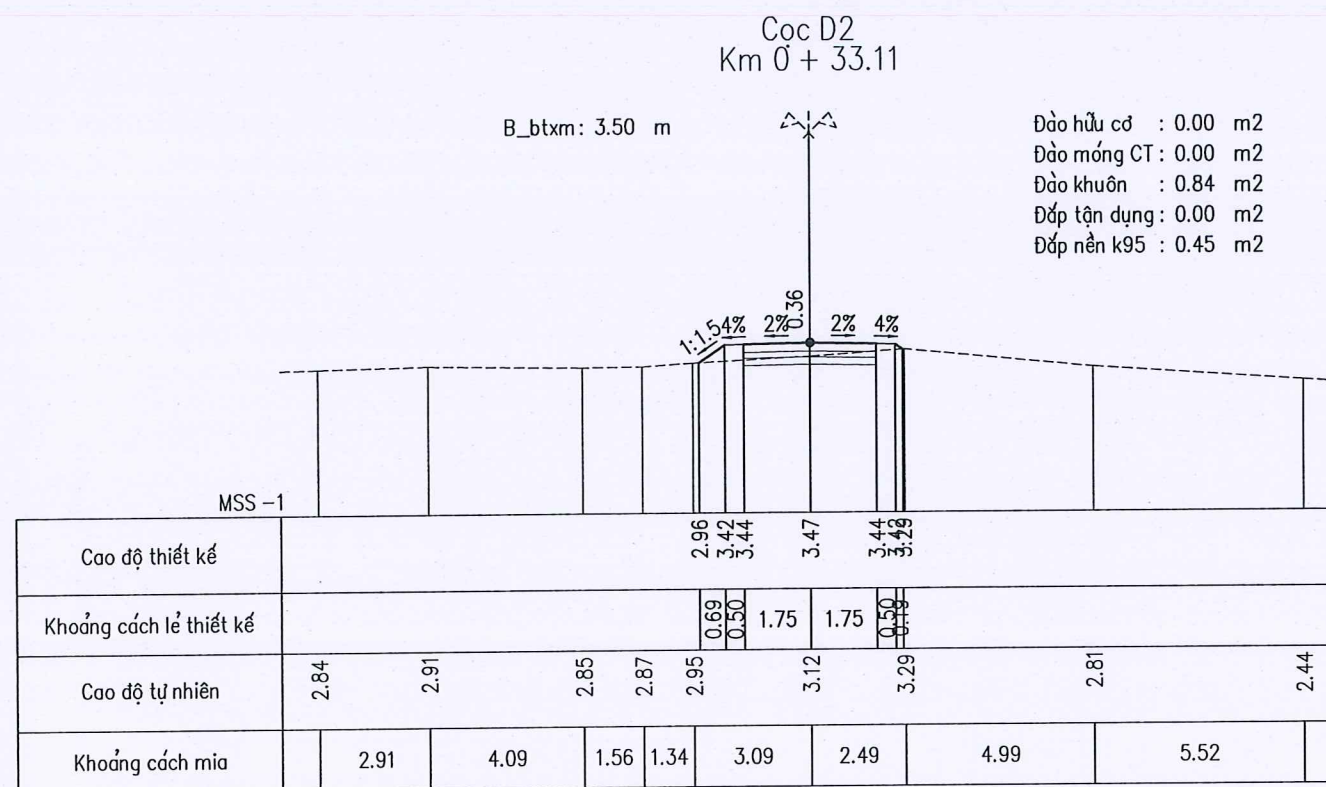
ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

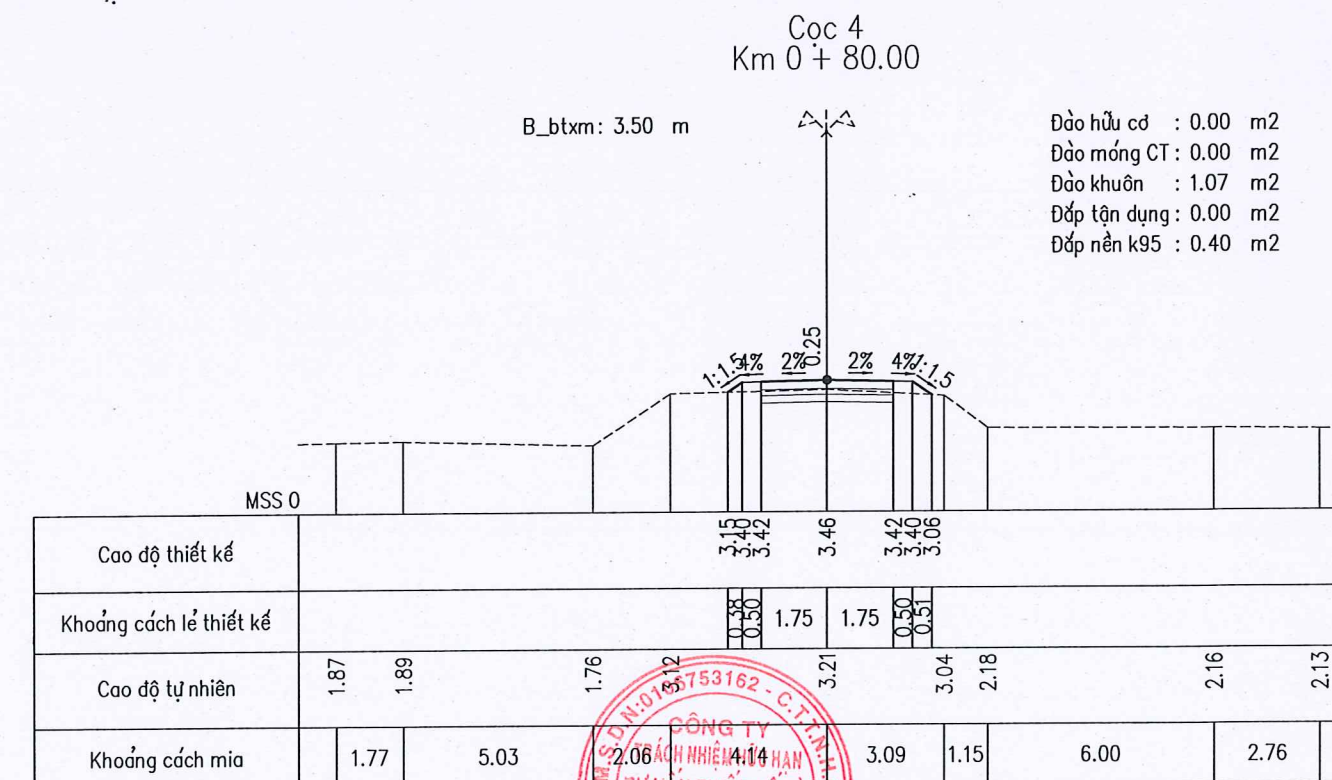
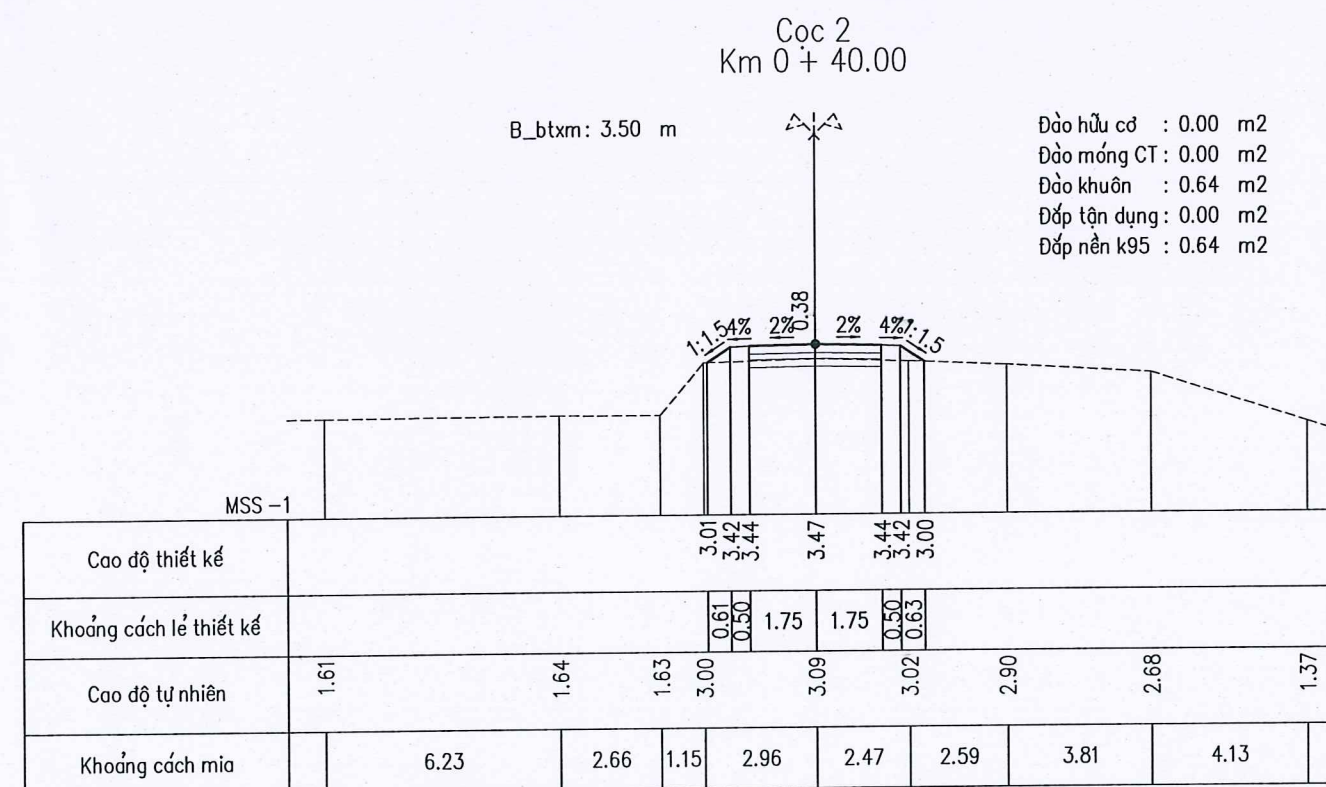


PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Theo Vãn bản số:/...6.90....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

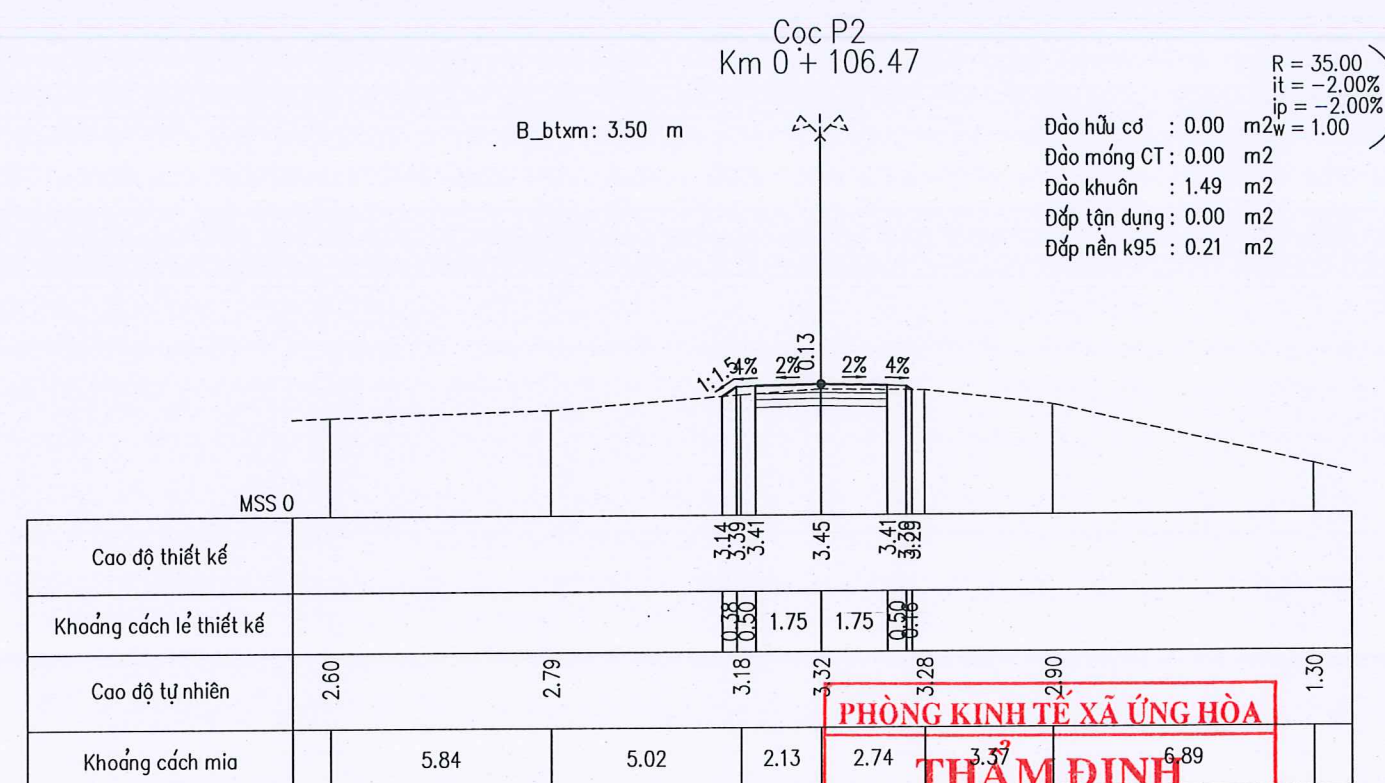
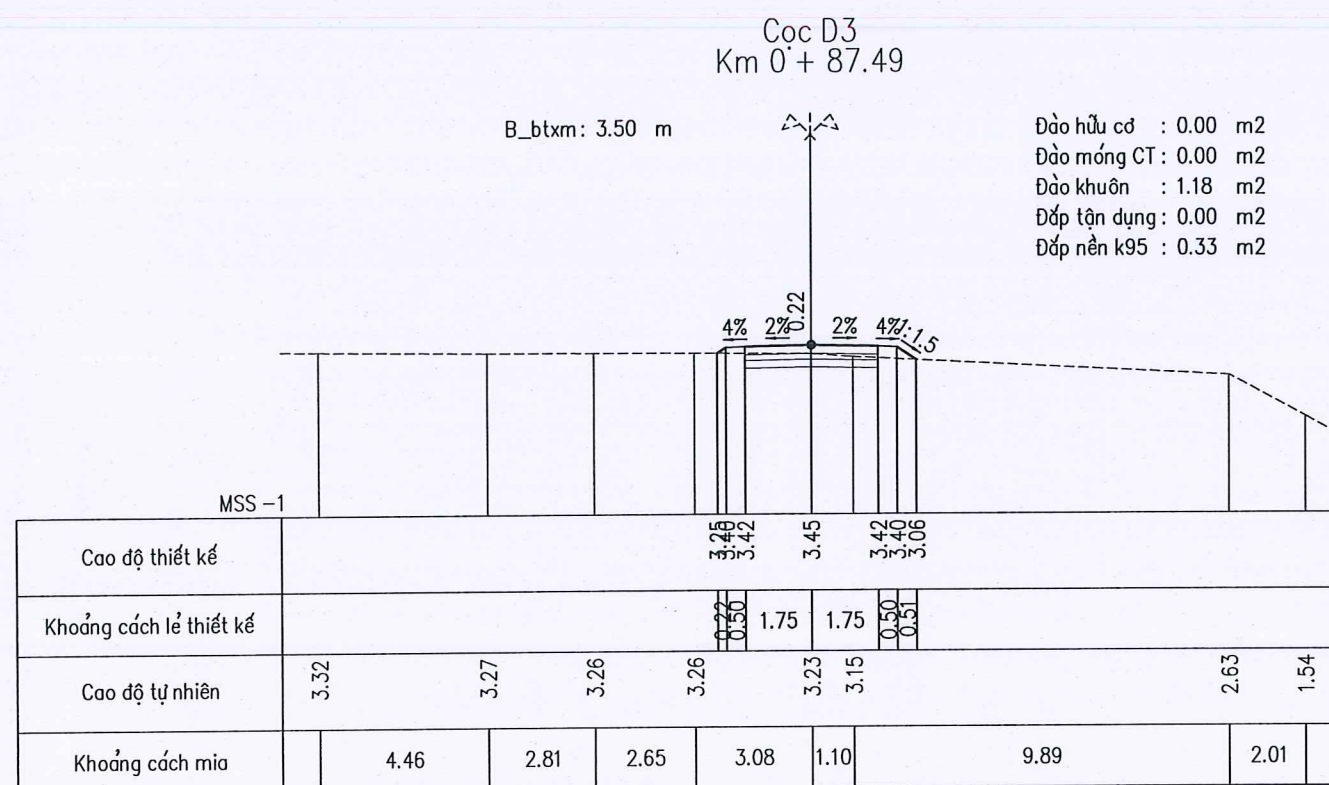




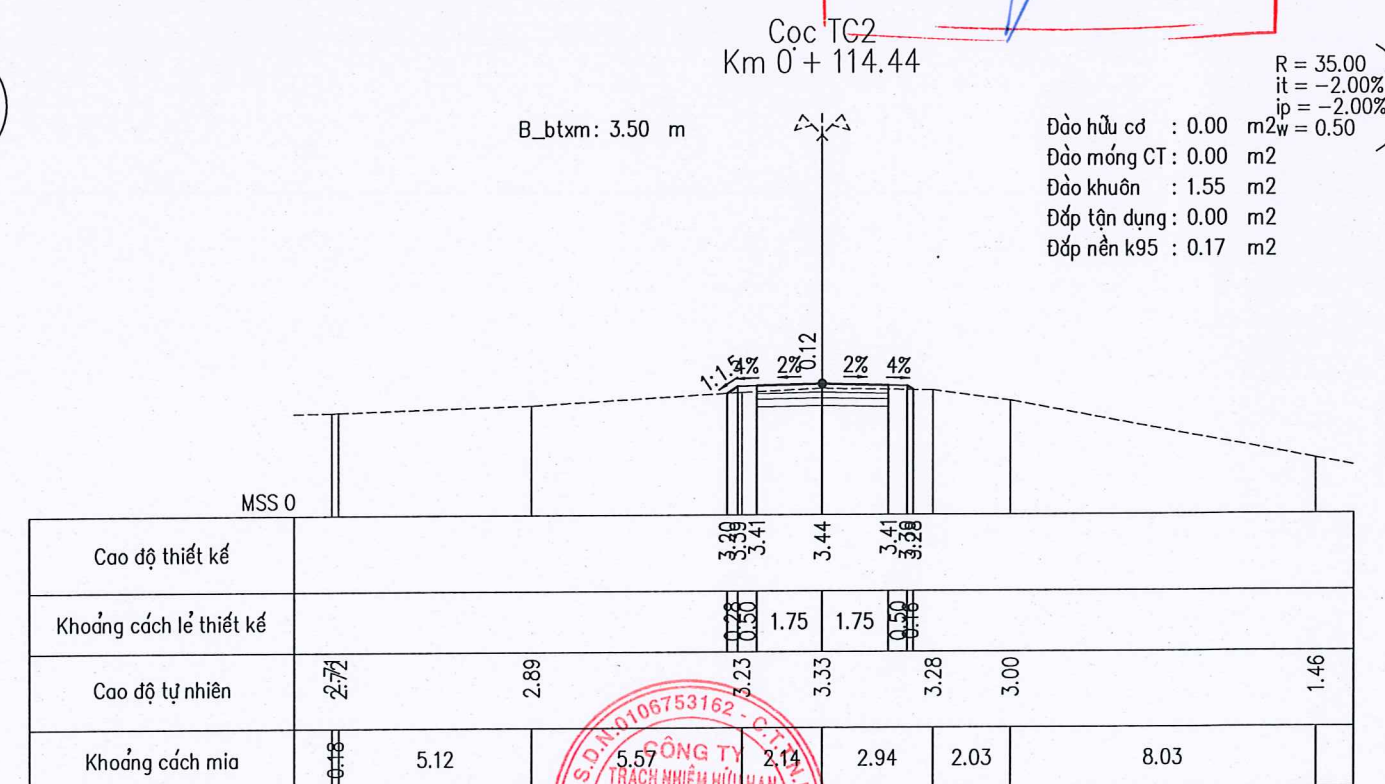
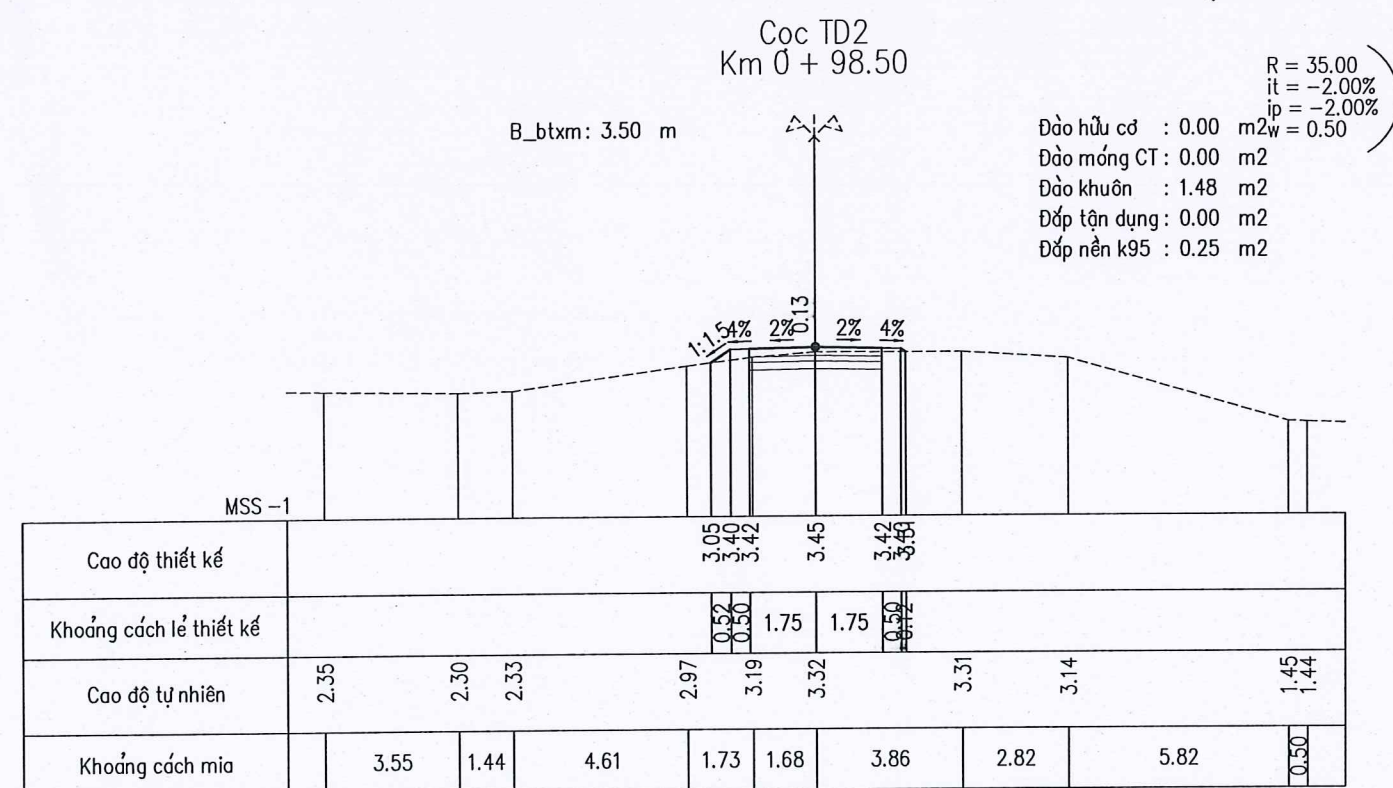
PHÒNG KINH TẾ XÃ UNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Thị Văn Ban số:/.....8.88.....
ngày tháng năm 20.....
Người thẩm định ký tên:



CÔNG TY
TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ
THI CÔNG XÂY DỰNG
HÀ NỘI
H. UNG HÒA T. PHA NỖI



PHÒNG KINH TẾ XÃ HỘI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:



CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM THIẾT KẾ VÀ
THI CÔNG XÂY DỰNG
HÀ NỘI

Cọc 5
Km 0 + 120.00

B_btxm: 3.50 m

Đào hữu cơ : 0.00 m²
Đào móng CT : 0.00 m²
Đào khuôn : 1.47 m²
Đắp tận dụng : 0.00 m²
Đắp nền k95 : 0.23 m²

MSS -1

Cao độ thiết kế					3.41	3.44	3.41				
Khoảng cách lẻ thiết kế					0.50	1.75	1.75	0.50			
Cao độ tự nhiên	2.77		2.85	2.88	2.96		3.32		3.12	1.94	1.33
Khoảng cách mìa		3.44	0.99	1.44		7.13		4.02	5.79	3.19	

Cọc Km 0+152.28
Km 0 + 152.28

B_btxm: 3.50 m

Đào hữu cơ : 0.00 m²
Đào móng CT : 0.00 m²
Đào khuôn : 1.83 m²
Đắp tận dụng : 0.00 m²
Đắp nền k95 : 0.04 m²

MSS -1

Cao độ thiết kế					3.38	3.40	3.43	3.40	3.38		
Khoảng cách lẻ thiết kế					0.50	1.75	1.75	0.50			
Cao độ tự nhiên	2.12	2.25	2.38		3.33	3.38	3.38		3.28	1.35	1.32
Khoảng cách mìa		1.72	3.18	5.04	2.48	0.58	4.83	5.76	2.41		

Cọc 6
Km 0 + 132.28

B_btxm: 3.50 m

Đào hữu cơ : 0.00 m²
Đào móng CT : 0.00 m²
Đào khuôn : 1.57 m²
Đắp tận dụng : 0.00 m²
Đắp nền k95 : 0.13 m²

MSS 0

Cao độ thiết kế					3.38	3.40	3.44	3.40	3.38		
Khoảng cách lẻ thiết kế					0.50	1.75	1.75	0.50			
Cao độ tự nhiên	2.85	2.86	2.86			3.31		3.35	3.37	3.36	3.29
Khoảng cách mìa	0.68	1.41		10.91		3.06		0.64	0.61	0.72	7.96

PHÒNG KINH TẾ XÃ ƯNG HÒA

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:



TRẠC NGANG TUYẾN 2

TL: 1/200

BẢN VẼ SỐ :

BẢNG KHỐI LƯỢNG NÉN ĐƯỜNG - TUYẾN 1

TÊN CỌC	K.C.LỄ	Khối lượng tính						Khối lượng thực tế					
		B_mặt	Đào hữu cơ	Đào móng công trình	Đào khuôn	Đắp ngoài CT tận dụng	Đắp nền K95	S_mặt	Đào hữu cơ	Đào móng công trình	Đào khuôn	Đắp ngoài CT tận dụng	Đắp nền K95
DT		9	0	0	5,12	0	0						
	6,23							49,84	23,86	16,91	15,95	5,17	39,9
1		7	7,66	5,43	0	1,66	12,81						
2	13,77							96,39	117,6	64,72	0	21,83	198,36
	20	7	9,42	3,97	0	1,51	16						
3		7	8,04	3,71	0	1,5	15,74	140	174,6	76,8	0	30,1	317,4
	20	7	8,7	3,32	0	1,35	16,34	140	167,4	70,3	0	28,5	320,8
4	4	7	7,84	4,72	0	1,47	17,84	28	33,08	16,08	0	5,64	68,36
4a	16	7	9,13	3,7	0	1,45	17,38	112	135,76	67,36	0	23,36	281,76
5	20	7	9,8	2,91	0	1,55	18,6	140	189,3	66,1	0	30	359,8
H1	20	7	9,17	2,93	0	1,09	19,63	140	189,7	58,4	0	26,4	382,3
6	5,37	7	0	5,54	0	1,56	2,85	37,59	24,62	22,74	0	7,12	60,36
7	14,63	7	9,61	1,79	0	0,76	18,41	102,41	70,3	53,62	0	16,97	155,52
8	20	7	9,26	4,04	0	1,9	17,62	140	188,7	58,3	0	26,6	360,3
9	20	7	8,49	4,77	0	1,46	17,62	140	177,5	88,1	0	33,6	352,4
10	2,68	7	7,69	6,04	0	1,81	18,81	18,76	21,68	14,49	0	4,38	48,82
11	17,32	7	11,67	9,22	0	2,06	19,15	121,24	167,66	132,15	0	33,51	328,73
H2	20	7	10,44	9,43	0	1,65	19,22	140	221,1	186,5	0	37,1	383,7
12	20	7	10,58	2,08	0	1,37	18,74	140	210,2	115,1	0	30,2	379,6
13	16,3	7	10,42	2,29	0	1,44	18,89	114,1	171,15	35,62	0	22,9	306,68
14	3,7	7	0	4,93	0	0,87	3,71	25,9	19,28	13,36	0	4,27	41,81
15	2,43	7	10,31	4,51	0	0,92	13,66	17,01	12,53	11,47	0	2,17	21,1
16	17,57	7	5	10,02	0	1,56	13,44	122,99	134,5	127,65	0	21,79	238,07
17	20	7	8,09	8,69	0	1,66	15,2	140	130,9	187,1	0	32,2	286,4
H3	20	7	16,03	1,03	0	1,27	20,59	140	241,2	97,2	0	29,3	357,9
18	20	7	8	7,67	0	1,74	16,56	140	240,3	87	0	30,1	371,5
19	20	7	6,76	1,38	1,87	1,29	11,16	140	147,6	90,5	18,7	30,3	277,2
20	20	7	5,29	16,52	0	2,46	16,33	140	120,5	179	18,7	37,5	274,9
21	20	7	5,05	18,51	0	1,77	16,08	140	103,4	350,3	0	42,3	324,1
H4	20	7	6,73	3,02	2,57	1,58	11,22	140	117,8	215,3	25,7	33,5	273
22	20	7	4,87	11,2	0	2,27	15,68	140	116	142,2	25,7	38,5	269
23	20	7	4,39	13,11	0	2,27	15,52	140	92,6	243,1	0	45,4	312
24	20	7	6,27	10,93	0	1,91	14,96	140	106,6	240,4	0	41,8	304,8
25	20	7	3,21	13,91	0	1,85	14,19	140	94,8	248,4	0	37,6	291,5
H5	20	7	3,62	13,24	0	1,76	14,79	140	68,3	271,5	0	36,1	289,8
26	12,56	7	5,55	8,32	0	1,63	17,54	87,92	57,59	135,4	0	21,29	203,03
27	5,21	7	7,37	6,46	0	1,37	7,58	36,47	33,66	38,5	0	7,81	65,44
CT		7											
TỔNG	537,77							3770,62	4121,75	3821,66	104,75	875,32	8546,35



THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/.....
ngày tháng năm 20.....
Người thẩm định Ký tên:

BẢNG KHỐI LƯỢNG NỀN ĐƯỜNG - TUYẾN 2

TÊN CỌC	K.C LỀ	Khối lượng tính						Khối lượng thực tế					
		B_mặt	Đào hữu cơ	Đào móng công trình	Đào khuôn	Đắp ngoài CT tận dụng	Đắp nền K95	S_mặt	Đào hữu cơ	Đào móng công trình	Đào khuôn	Đắp ngoài CT tận dụng	Đắp nền K95
Km 0+0		4	0	0	2,28	0	0						
	8,4							31,5	0	0	15,12	0	1,18
TD1		3,5	0	0	1,32	0	0,28						
	6,84							23,94	0	0	7,66	0	2,74
P1		3,5	0	0	0,92	0	0,52						
	6,84							23,94	0	0	6,09	0	3,56
TC1		3,5	0	0	0,86	0	0,52						
	11,04							38,64	0	0	9,38	0	5,35
D2		3,5	0	0	0,84	0	0,45						
	6,89							24,11	0	0	5,1	0	3,76
2		3,5	0	0	0,64	0	0,64						
	20							70	0	0	13,1	0	14,1
3		3,5	0	0	0,67	0	0,77						
	20							70	0	0	17,4	0	11,7
4		3,5	0	0	1,07	0	0,4						
	7,49							26,21	0	0	8,43	0	2,73
D3		3,5	0	0	1,18	0	0,33						
	11,01							38,53	0	0	14,64	0	3,19
TD2		3,5	0	0	1,48	0	0,25						
	7,97							27,89	0	0	11,84	0	1,83
P2		3,5	0	0	1,49	0	0,21						
	7,97							27,89	0	0	12,11	0	1,51
TC2		3,5	0	0	1,55	0	0,17						
	5,56							19,46	0	0	8,4	0	1,11
5		3,5	0	0	1,47	0	0,23						
	12,28							42,98	0	0	18,67	0	2,21
6		3,5	0	0	1,57	0	0,13						
	20							70	0	0	34	0	1,7
Km 0+152,28		3,5	0	0	1,83	0	0,04						
TỔNG	152,29							535,12	0	0	181,93	0,00	56,67



PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG KÉ ĐÁ HỘC

Tên cọc	Cự ly lè (m)	Chiều dài kè (m)	Chiều dài Kè tính toán (m)	Chiều cao kè H (m)	Chiều cao kè đá học tính toán H (m)	Chiều cao kè TB Htb (m)	Xây tường kè vữa XM (m3)	Xây móng kè vữa XM (m3)	Đệm móng đá dăm dày 10cm (m3)	Đóng cọc tre móng kè (m)	ống thoát nước D100 (m)	Chèn khe phòng lún bằng dây tấm nhựa đường (m2)
Đoạn 1-Bên trái: Kè đá học H = 1.6m; LT: cọc DT -:- cọc 4; L = 58m												
DT				1,60	1,42							
	58	58,00	58,00			1,42	51,89	33,87	8,47	2.540,40	8,76	8,58
4				1,60	1,42							
Đoạn 2-Bên trái: Kè đá học H = 2.0m; LT: cọc 4a; L = 5m												
4A				2,00	1,82							
	5	5,00	5,00			1,82	6,19	4,15	0,83	332,00	0,86	1,03
4A				2,00	1,82							
Đoạn 3-Bên trái: Kè đá học H = 1.6m; LT: cọc 4a+2m -:- cọc 7; L = 61m												
4A+2M				1,60	1,42							
	61	61,00	61,00			1,42	54,57	35,62	8,91	2.671,80	9,21	9,02
7				1,60	1,42							
Đoạn 4-Bên trái: Kè đá học H = 1.6m; LT: cọc 7+2m -:- cọc 10; L = 55m												
7+2M				1,60	1,42							
	55	55,00	55,00			1,42	49,20	32,12	8,03	2.409,00	8,31	8,13
10				1,60	1,42							
Đoạn 5-Bên trái: Kè đá học H = 2.0m; LT: cọc 11; L = 8m												
C11				2,00	1,82							
	8	8,00	8,00			1,82	9,90	6,64	1,33	531,20	1,37	1,65
C11				2,00	1,82							
Đoạn 6-Bên trái: Kè đá học H = 2.2m; LT: cọc 11+4m -:- cọc 12+4m; L = 38m												
11+4M				2,20	2,02							
	38	38,00	38,00			2,02	57,57	43,32	7,22	2.888,00	6,88	10,09
12+4M				2,20	2,02							
Đoạn 7-Bên trái: Kè đá học H = 2.2m; LT: cọc 16 -:- cọc H3+14m; L = 53m												
16				2,20	2,02							
	53	53,00	53,00			2,02	80,30	60,42	10,07	4.028,00	9,59	14,07
H3+14M				2,20	2,02							
Đoạn 8-Bên trái: Kè đá học H = 2.2m; LT: cọc 18+12m -:- cọc 19+15m; L = 25m												
18+12M				2,20	2,02							
	25	25,00	25,00			2,02	37,88	28,50	4,75	1.900,00	4,53	6,64
19+15M				2,20	2,02							
Đoạn 9-Bên trái: Kè đá học H = 2.2m; LT: cọc 20 -:- cọc 22; L = 61m												
20				2,20	2,02							
	61	61,00	61,00			2,02	92,42	69,54	11,59	4.636,00	11,04	16,20
22				2,20	2,02							
Đoạn 10-Bên trái: Kè đá học H = 2.2m; LT: cọc 22 -:- cọc 23+5m; L = 24m												
22				2,20	2,02							
	24	24,00	24,00			2,02	36,36	27,36	4,56	1.824,00	4,34	6,37
23+5M				2,20	2,02							
Đoạn 11-Bên trái: Kè đá học H = 2.2m; LT: cọc 23+14m -:- cọc 26+4m; L = 69m												
23+14M				2,20	2,02							
	69	69,00	69,00			2,02	104,54	78,66	13,11	5.244,00	12,49	18,32
26+4M				2,20	2,02							
Đoạn 12-Bên trái: Kè đá học H = 2.2m; LT: cọc 27; L = 10m												
C27				2,20	2,02							
		10,00	10,00			2,02	15,15	11,40	1,90	760,00	1,81	2,66
C27				2,20	2,02							
Tổng		467,00	467,00				595,95	431,61	80,76	29.764,40	79,18	102,76

Khối lượng	29.764,40	m
Đóng cọc tre móng kè	80,76	m3
Đệm móng đá 4x6cm, dày 10cm	431,61	m3
Xây móng kè	595,95	m3
Xây tường kè	168,12	m2
Ván khuôn bê tông giằng đỉnh kè	33,62	m3
Bê tông giằng đỉnh kè M200#	1.754,05	kg
Cốt thép giằng đỉnh kè	102,76	m2
Chèn khe phòng lún bằng bao tải dày	79,18	m
ống thoát nước D=10cm	46,70	m2
Vải địa kỹ thuật bịt ống thoát nước : L/5*2*0.5*0.5		

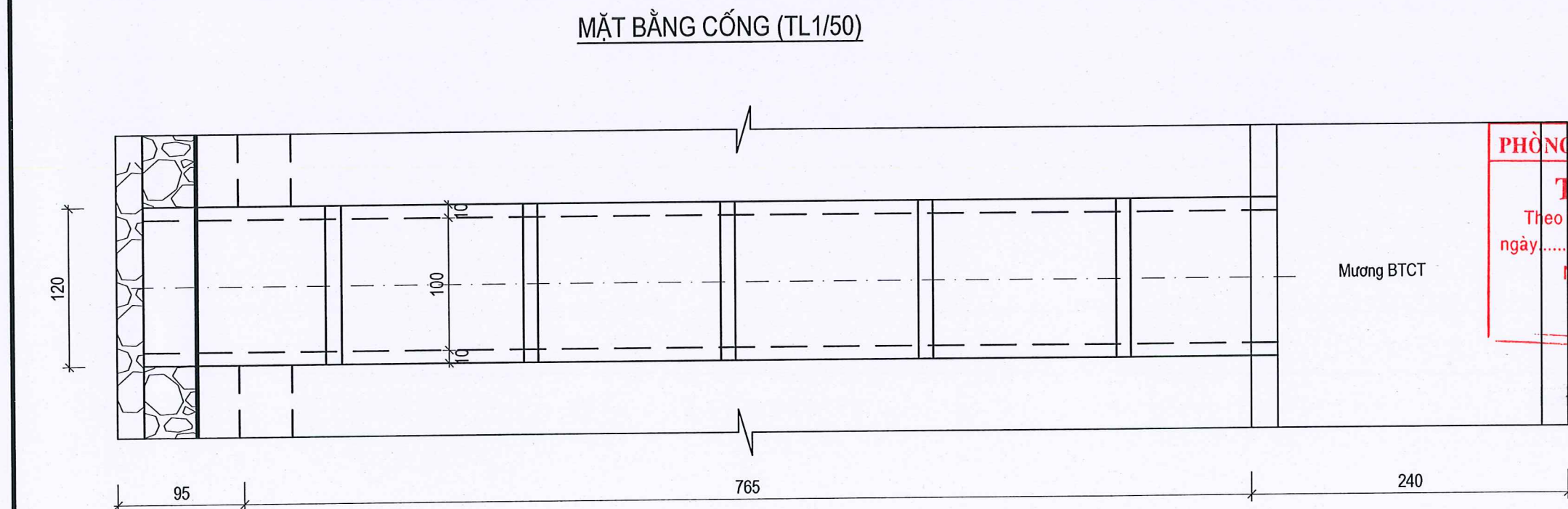
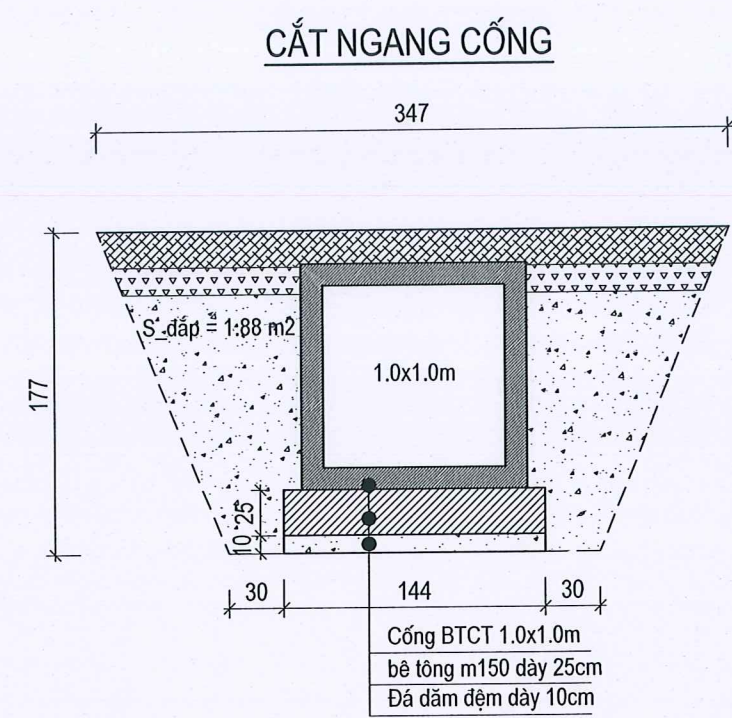
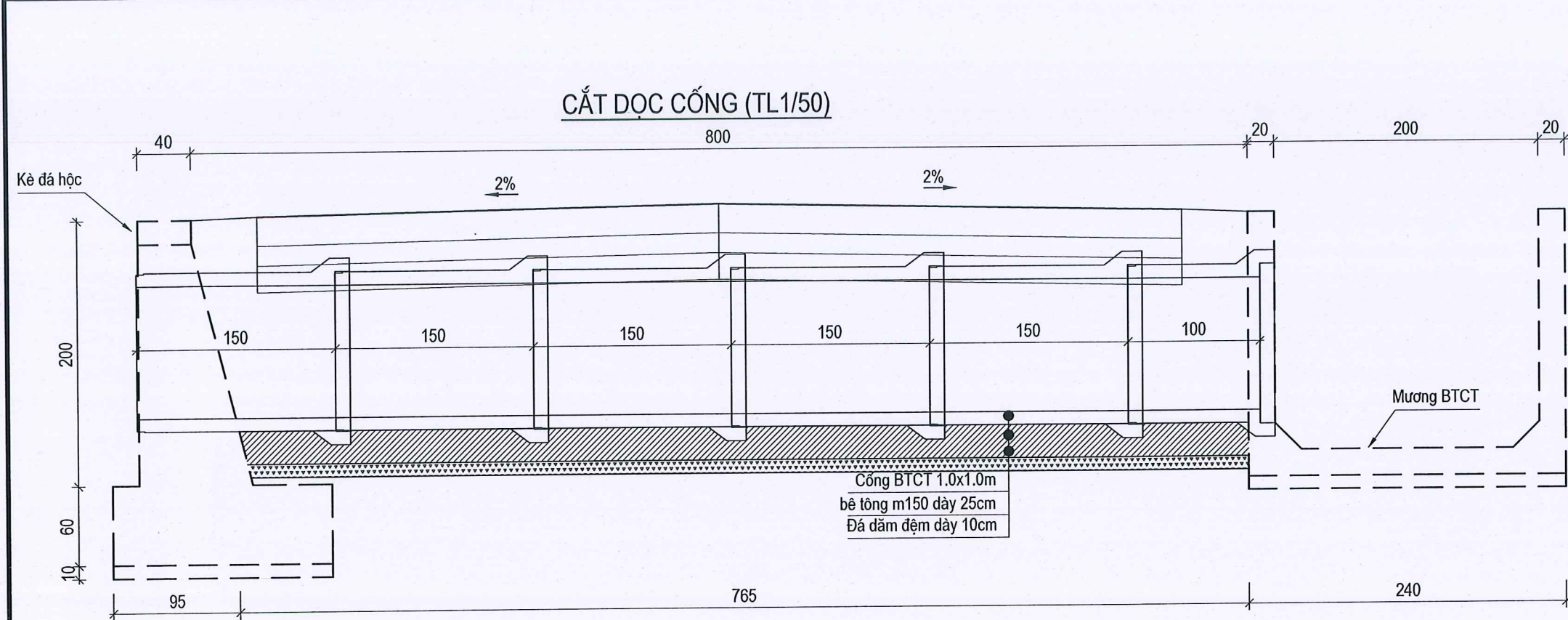
PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA

THẨM ĐỊNH

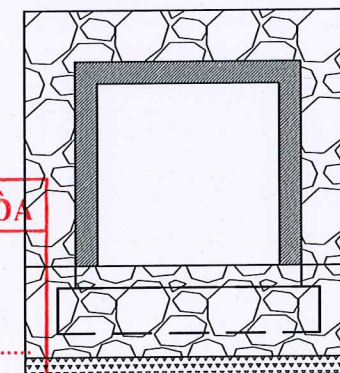
Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:



CẮT NGANG CỐNG THƯỢNG HẠ LƯU



PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

BẢNG KHỐI LƯỢNG 1 CỐNG BXH=1.0X1.0M

STT	HẠNG MỤC	DIỄN GIẢI	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Đào đất móng cống	8.61*0.5*(2.04+3.47)*1.77	m3	41.98
2	Đệm móng đá dăm 4*6 :	0.1*(1.44*7.29+1.32*1.8)	m3	1.28
3	Ván khuôn móng cống	2*0.25*7.29	m2	3.65
4	Bê tông xi măng móng m150#	0.25*1.44*7.29	m3	2.62
5	Lắp đặt cống bxx=1x1 mua đúc sẵn	Lcống	md	8.50
6	Mối nối cống	(Loống-1)	mn	5
7	Đắp đất trả móng cống	1.88*8	m3	15.04

THUYẾT MINH

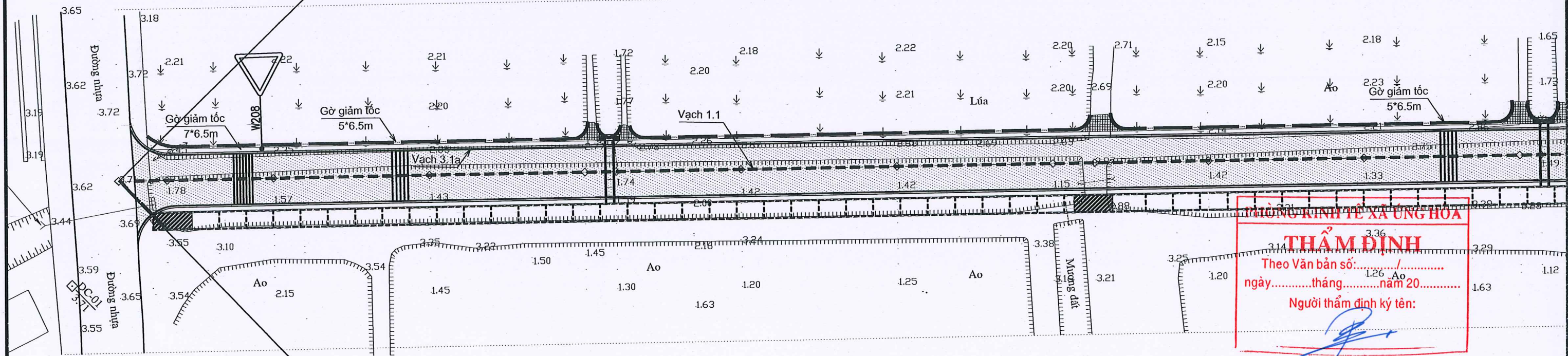
- Thiết kế mới cống hộp BTCT đúc sẵn kích thước bxx=1.0x1.0m;
- Tường cống bằng đá hộc xây Vxm m100# (kè đá hộc)
- Móng cống btxm M150# dày 25cm đổ tại chỗ
- Đệm đá dăm đáy móng dày 10cm.
- Kích thước bản vẽ đơn vị ghi cm, cao độ bản vẽ đơn vị ghi m.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI EMAIL: HANOIDSC@GMAIL.COM DSC	HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TƯ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ỨNG HÒA ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI	<table><tr><td>THỰC HIỆN</td><td>NGUYỄN CHÍ ĐỨC</td><td><i>[Signature]</i></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN CHÍ ĐỨC</td><td><i>[Signature]</i></td></tr><tr><td>CHỦ NHIỆM DỰ ÁN</td><td>NGUYỄN ĐÌNH HUẤN</td><td><i>[Signature]</i></td></tr><tr><td>QUẢN LÝ KỸ THUẬT</td><td>NGUYỄN VĂN XUÂN</td><td><i>[Signature]</i></td></tr></table>	THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	<i>[Signature]</i>	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	<i>[Signature]</i>	CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	<i>[Signature]</i>	QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	<i>[Signature]</i>	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	CỐNG HỘP 1X1M/2025/BV/BCKTKT TỶ LỆ BẢN VẼ: LẦN XUẤT BẢN: 01 THÁNG 12 - 2025 BẢN VẼ SỐ:
THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	<i>[Signature]</i>														
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	<i>[Signature]</i>														
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	<i>[Signature]</i>														
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	<i>[Signature]</i>														

PHẦN: AN TOÀN GIAO THÔNG

PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

BÌNH ĐỒ TUYẾN
lý trình : km 0+00 -:- km0+537.77



PHÒNG KINH TẾ XÃ HỘI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:/.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

- BIỂN BÁO NGUY HIỂM: 3 BIỂN
- VẠCH GIẢM TỐC: 61.1 M2 (305,5M)
- VẠCH 1.1: 26.8 M2 (535,7M)
- VẠCH 3.1A: 211.6 M2 (1058M)
- VẠCH 3.1B: 2.1 M2 (17,5M)

GHI CHÚ MỘT SỐ KÝ HIỆU TRONG BẢN VẼ :

□ — □ — MỐC GPMB; MỐC GPS; MỐC DC
[N1] [T] NHÀ GẠCH; NHÀ TÔN
[B2] [B3] NHÀ BÊ TÔNG (2: SỐ TẦNG)
— — — — — TƯỜNG GẠCH; RÀO THÉP; GAI

☐ ☐ MỘ ĐẤT; MỘ XÂY; NGHĨA TRANG
— — — — — CẦU BÊ TÔNG; CẦU SẮT
— — — — — CỘT ĐIỆN CAO THẾ; HẠ THẾ
— — — — — KÊNH, MƯƠNG

— — — — — MÃI TA LUY LỀ ĐƯỜNG
— — — — — CỐNG HIỆN TRẠNG
☐ ☐ CÂY LÁ RỘNG; CÂY LÁ KIM
☐ ☐ BỤI TRE; CÂY DỪA; CÂY ẮN QUẢ

— — — — — TƯỜNG KÊ XÂY MỚI
— — — — — MẶT ĐƯỜNG LÂM MỚI
— — — — — RÀNH TNT/GA THU
— — — — — CỐNG NGANG ĐƯỜNG MỚI

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI
EMAIL: HANOIDSC@GMAIL.COM

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ỨNG HÒA
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI

THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	

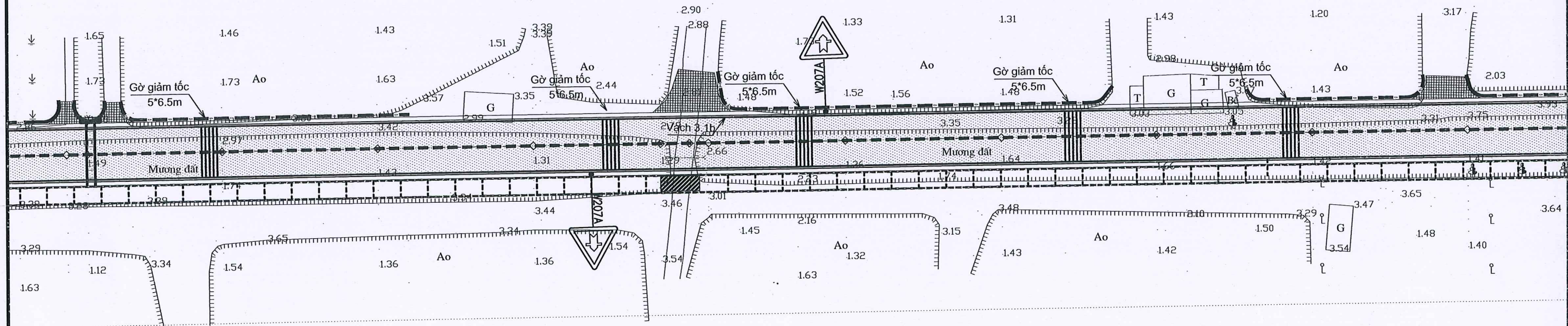
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN

BÌNH ĐỒ TUYẾN

...../2025/BV/BCKTKT TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500
LẦN XUẤT BẢN: 01 THÁNG 12 - 2025 BẢN VẼ SỐ:

BÌNH ĐỒ TUYẾN
lý trình : km 0+00 -> km0+537.77



PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

GHI CHÚ MỘT SỐ KÝ HIỆU TRONG BẢN VẼ :

□ ▲ — □ — MỐC GPMB; MỐC GPS; MỐC DC
[N1] [T] NHÀ GẠCH; NHÀ TÔN
[B2] [B3] NHÀ BÊ TÔNG (2: SỐ TẦNG)
— — — — — TƯỜNG GẠCH; RÀO THÉP; GAI

▣ ▣ MỘ ĐẤT; MỘ XÂY; NGHĨA TRANG
— — — — — CẦU BÊ TÔNG; CẦU SẮT
— — — — — CỘT ĐIỆN CAO THẾ; HẠ THẾ
[] KÊNH, MƯƠNG

— — — — — MÁI TA LUY LỀ ĐƯỜNG
— — — — — CỐNG HIỆN TRẠNG
— — — — — CÂY LÁ RỘNG; CÂY LÁ KIM
— — — — — BỤI TRE; CÂY DỪA; CÂY ẮN QUẢ

— — — — — TƯỜNG KÈ XÂY MỚI
[] MẶT ĐƯỜNG LÂM MỚI
— — — — — RÀNH TNT/GA THU
— — — — — CỐNG NGANG ĐƯỜNG MỚI

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI
EMAIL: HANOIDSC@GMAIL.COM
DSC

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TƯ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ỨNG HÒA
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI

THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	<i>[Signature]</i>
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN	<i>[Signature]</i>
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN	<i>[Signature]</i>

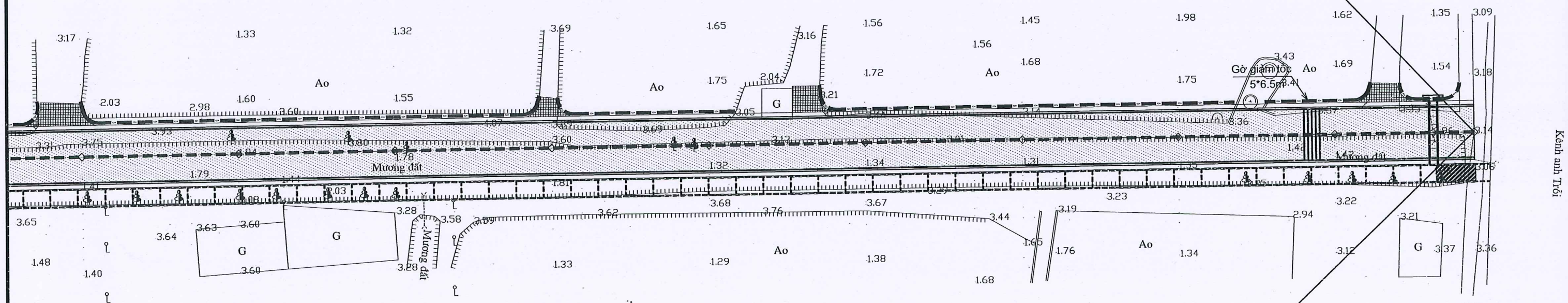
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN

BÌNH ĐỒ TUYẾN

...../2025/BV/BCKTKT	TỶ LỆ BẢN VẼ: 1/500
LẦN XUẤT BẢN: 01	THÁNG 12 - 2025
BẢN VẼ SỐ:	

BÌNH ĐỒ TUYẾN
lý trình : km 0+00 -> km0+537.77



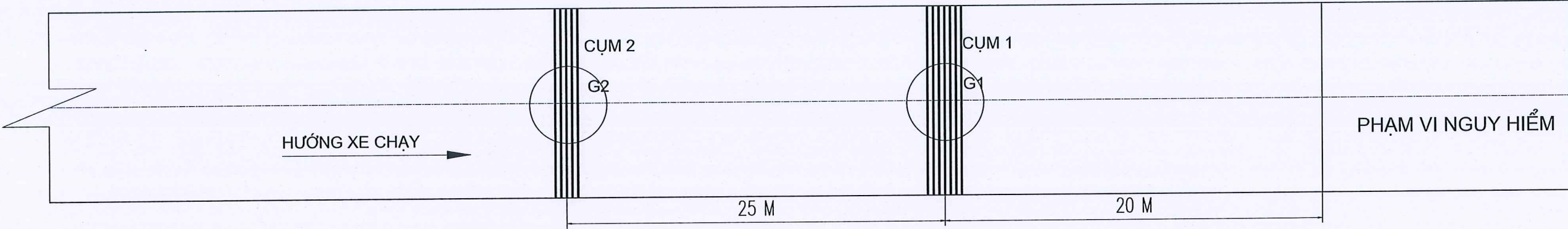
PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

GHI CHÚ MỘT SỐ KÝ HIỆU TRONG BẢN VẼ :

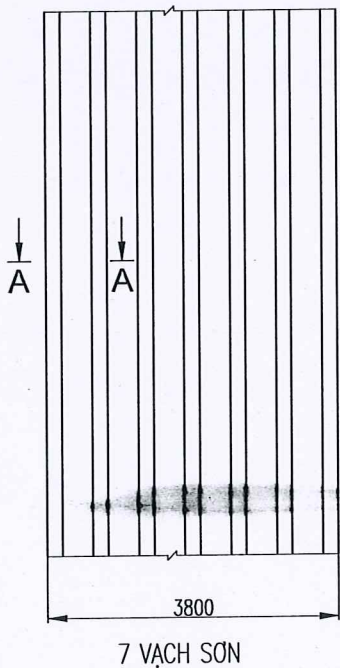
- | | | | |
|---------------------------|-----------------------------|------------------------------|----------------------|
| MỐC GPMB; MỐC GPS; MỐC DC | MỘ ĐẤT; MỘ XÂY; NGHĨA TRANG | MÃI TA LUY LỀ ĐƯỜNG | TƯỜNG KẾ XÂY MỚI |
| NHÀ GẠCH; NHÀ TÔN | CẦU BÊ TÔNG; CẦU SẮT | CỐNG HIỆN TRẠNG | MẶT ĐƯỜNG LÀM MỚI |
| NHÀ BÊ TÔNG (2: SỐ TẦNG) | CỘT ĐIỆN CAO THẾ; HẠ THẾ | CÂY LÁ RỘNG; CÂY LÁ KIM | RÃNH TNT/GA THU |
| TƯỜNG GẠCH; RÀO THÉP; GAI | KÊNH, MƯƠNG | BỤI TRE; CÂY DỪA; CÂY ẮN QUẢ | CỐNG NGANG ĐƯỜNG MỚI |

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA		HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI		BÌNH ĐỒ TUYẾN	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI EMAIL: HANOIDSOC@GMAIL.COM DSC		DỰ ÁN: ĐƯỜNG TƯ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ỨNG HÒA ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI		THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC		
				CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC		
				CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN		
				QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN		
				GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN		LẦN XUẤT BẢN: 01	THÁNG 12 - 2025
						BẢN VẼ SỐ:	

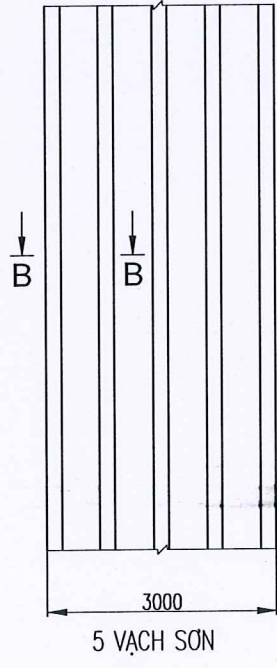
MẶT BẰNG BỐ TRÍ GỜ GIẢM TỐC



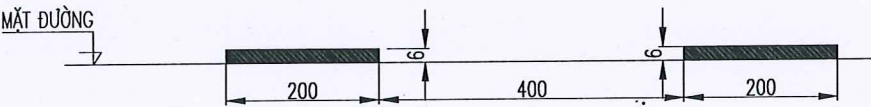
CHI TIẾT G1



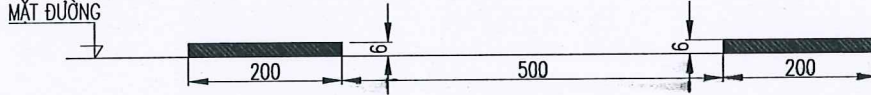
CHI TIẾT G2



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

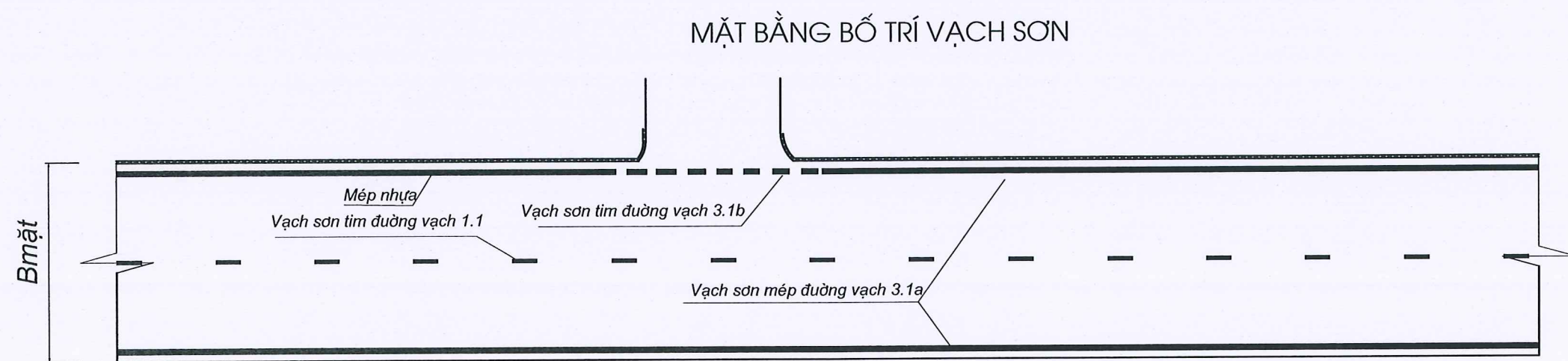


PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

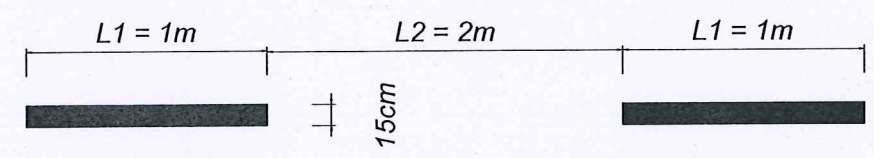
GHI CHÚ

- ĐƠN VỊ GHI TRONG BẢN VẼ TÍNH BẰNG (MM) TRỪ NHỮNG KÍCH THƯỚC ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH
- VẠCH SƠN GIẢM TỐC ĐƯỢC BỐ TRÍ TRÊN TOÀN BỘ MẶT ĐƯỜNG TẠI CÁC VỊ TRÍ CÓ XUNG ĐỘT GIAO CẮT
- GỜ GIẢM TỐC ĐƯỢC SƠN BẰNG SƠN ĐỀU NHẤT
- GỜ GIẢM TỐC SƠN MÀU VÀNG, DÀY 6MM RỘNG 20CM
- CỤM 1 GỒM 7 VẠCH GIẢM TỐC, CÁC VẠCH CÁCH NHAU 40 CM
- CỤM 2 GỒM 5 VẠCH GIẢM TỐC, CÁC VẠCH CÁCH NHAU 50 CM

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA		HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỬ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÉNH ANH TRỎI, XÃ ỨNG HÒA ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI		<table><tr><td>THỰC HIỆN</td><td>NGUYỄN CHÍ ĐỨC</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN CHÍ ĐỨC</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ NHIỆM DỰ ÁN</td><td>NGUYỄN ĐÌNH HUẤN</td><td></td></tr><tr><td>QUẢN LÝ KỸ THUẬT</td><td>NGUYỄN VĂN XUÂN</td><td></td></tr></table>		THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC		CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN		QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN		CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI  GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN		CHI TIẾT GỜ GIẢM TỐC <table><tr><td colspan="2">...../2025/BV/BCKTKT</td><td>TỶ LỆ BẢN VẼ:</td></tr><tr><td>LẦN XUẤT BẢN: 01</td><td>THÁNG 12 - 2025</td><td>BẢN VẼ SỐ: ATGT-03</td></tr></table>		/2025/BV/BCKTKT		TỶ LỆ BẢN VẼ:	LẦN XUẤT BẢN: 01	THÁNG 12 - 2025	BẢN VẼ SỐ: ATGT-03
THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC																										
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC																										
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN																										
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN																										
...../2025/BV/BCKTKT		TỶ LỆ BẢN VẼ:																									
LẦN XUẤT BẢN: 01	THÁNG 12 - 2025	BẢN VẼ SỐ: ATGT-03																									

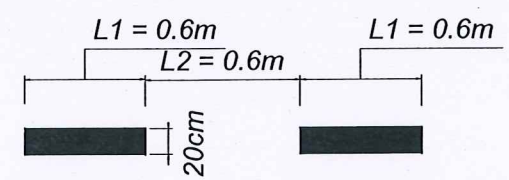


Bố trí vạch sơn tim đường vạch 1.1



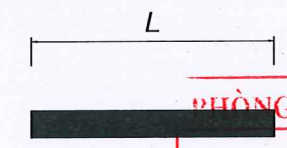
- Diện tích vạch sơn tim đường (tính cho 1m chiều dài) :
 $S1 = 0.15 \cdot 1 \cdot 1/3 = 0.05 (m^2)$

Bố trí vạch sơn 3.1b



- Diện tích vạch sơn 3.1b (tính cho 1m chiều dài) :
 $S1 = 0.2 \cdot 0.6 = 0.12 (m^2)$

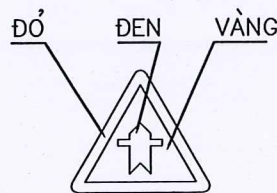
Bố trí vạch sơn mép đường vạch 3.1a



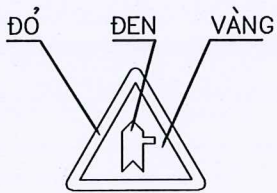
- Diện tích vạch sơn mép đường (tính cho 1m chiều dài) :
 $S1 = 1 \cdot 0.20 = 0.20 (m^2)$

PHÒNG KINH ĐOẠ XÃ ỦNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

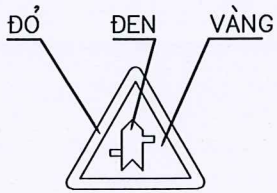
BIỂN BÁO NGUY HIỂM



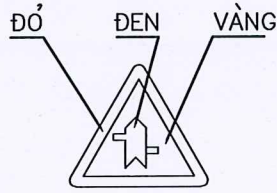
W.207a
GIAO NHAU VỚI
ĐƯỜNG KHÔNG ƯU TIÊN



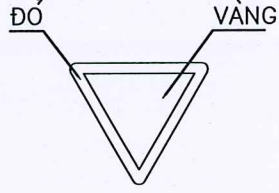
W.207b
GIAO NHAU VỚI
ĐƯỜNG KHÔNG ƯU TIÊN



W.207d
GIAO NHAU VỚI
ĐƯỜNG KHÔNG ƯU TIÊN



W.207e
GIAO NHAU VỚI
ĐƯỜNG KHÔNG ƯU TIÊN



W.208
GIAO NHAU VỚI
ĐƯỜNG ƯU TIÊN

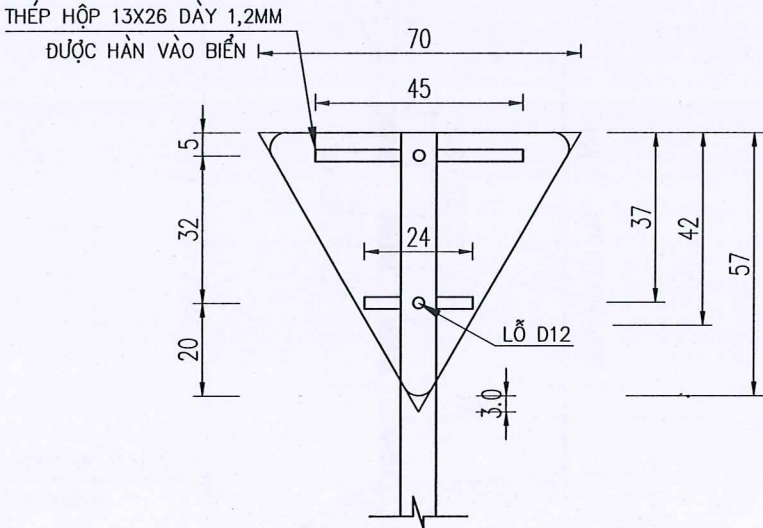
PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số:...../.....
ngày.....tháng.....năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

- GHI CHÚ:
- QUY CÁCH, NỘI DUNG HÌNH VẼ BIỂN BÁO TUÂN THỦ THEO "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ" QCVN 41:2023/BGTVT;
 - CHẤT LIỆU PHẢN QUANG THEO TIÊU CHUẨN "MÀNG PHẢN QUANG DÙNG CHO BIỂN BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ" TCVN 7887:2008;

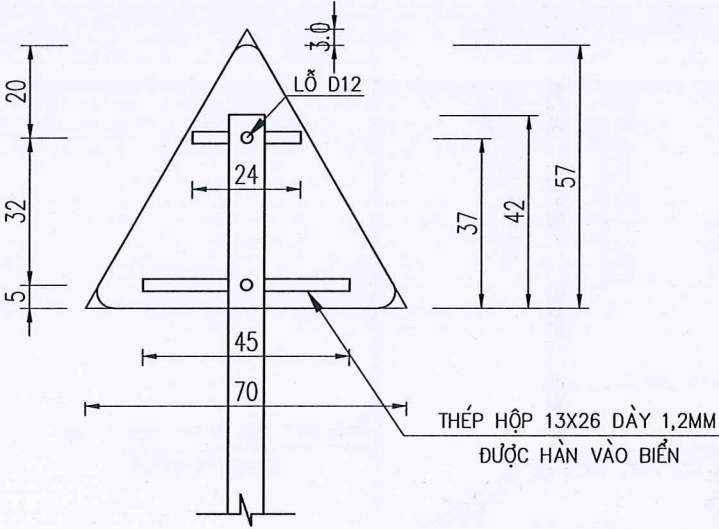
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA		HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		THỰC HIỆN		NGUYỄN CHÍ ĐỨC		CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI		ĐIỂN HÌNH BIỂN BÁO	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI EMAIL: HANOIDSC@GMAIL.COM DSC		DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỨ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ỨNG HÒA ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		NGUYỄN CHÍ ĐỨC		TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG XÂY DỰNG HÀ NỘI		/2025/BV/BCKTKT	
				CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		NGUYỄN ĐÌNH HUẤN		GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN		TỶ LỆ BẢN VẼ:	
				QUẢN LÝ KỸ THUẬT		NGUYỄN VĂN XUÂN				LẦN XUẤT BẢN: 01	
										THÁNG 12 - 2025	
										BẢN VẼ SỐ: ATGT-04	

CHI TIẾT KÍCH THƯỚC BIỂN BÁO ĐƯỜNG ÔTÔ THÔNG THƯỜNG

BIỂN TAM GIÁC 70X70



BIỂN TAM GIÁC 70X70



PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

- GHI CHÚ
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC GHI TRÊN BẢN VẼ ĐƠN VỊ LÀ MILIMET, TRỪ KHI CHỈ RA CỤ THỂ;
 - QUY CÁCH CÁC LOẠI BIỂN BÁO PHẢI TUÂN THEO "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ" QCVN 41:2023/BGTVT;
 - KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC MÉP BIỂN VỚI NHAU LÀ 5CM, ĐỘ CAO TỪ MÉP THẤP NHẤT CỦA BIỂN ĐẾN MÉP PHẪN XE CHẠY LÀ 1,8M ĐỐI VỚI ĐƯỜNG NGOÀI PHẠM VI KHU ĐỒNG DẪN CỤ VÀ 2M ĐỐI VỚI ĐƯỜNG TRONG PHẠM VI KHU ĐỒNG DẪN CỤ.
 - BIỂN DÙNG MÀNG PHẢN QUANG LOẠI IV THEO TIÊU CHUẨN "MÀNG PHẢN QUANG DÙNG CHO BIỂN BÁO HIỆU ĐƯỜNG BỘ" TCVN 7887:2018; BIỂN DÀY 2MM, MÀ KÉM TRƯỚC KHI DÁN;
 - BU LÔNG BẮT VÍT BIỂN VỚI CỘT DÙNG LOẠI THÉP 10.9.

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ỨNG HÒA BAN QLDA ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ ỨNG HÒA		HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG			CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI		CHI TIẾT BIỂN BÁO (2/2)	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ & THI CÔNG XD HÀ NỘI EMAIL: HANOIDSC@GMAIL.COM DSC		DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỬ HOÀNG QUỐC VIỆT ĐI BỜ KÊNH ANH TRỎI, XÃ ỨNG HÒA ĐỊA ĐIỂM: XÃ ỨNG HÒA, TP. HÀ NỘI			GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ĐÌNH HUẤN		TỶ LỆ BẢN VẼ:	
		THỰC HIỆN	NGUYỄN CHÍ ĐỨC				/2025/BV/BCKTKT	
		CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN CHÍ ĐỨC				LẦN XUẤT BẢN: 01	THÁNG 12 - 2025
		CHỦ NHIỆM DỰ ÁN	NGUYỄN ĐÌNH HUẤN				BẢN VẼ SỐ: ATGT-06	
		QUẢN LÝ KỸ THUẬT	NGUYỄN VĂN XUÂN					

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	TUYẾN 1	TUYẾN 2	TỔNG KHỐI LƯỢNG
I	NỀN MẶT ĐƯỜNG				
	Chiều dài tuyến	m	537,77	152,29	690,06
	Nền đường				
1	Đào hữu cơ đất cấp 1	m3	4121,75		4121,75
2	Đào khuôn đất cấp 2	m3	104,75	181,93	286,68
3	Đào móng công trình (đào móng mương rãnh, cống) đất cấp 1	m3	3821,66		3821,66
4	Đắp ngoài mương bằng đất tận dụng	m3	875,32		875,32
5	Đắp nền đường k95	m3	8546,35	56,67	8603,02
6	Đổ thải	m3	7172,84	181,93	7354,77
	Tổng Diện tích mặt đường BTXM	m2	3878,62	535,12	4413,74
	Diện tích mặt đường tính toán	m2	3770,62	535,12	4305,74
	Diện tích vuốt rê	m2	108,00		108,00
1	Ván khuôn mặt đường	m2	236,62	67,01	303,63
2	Lớp mặt BTXM M250 đá 2x4 dày 22cm	m3	853,30	117,73	971,02
3	Lớp nilong	m2	3878,62	535,12	4413,74
4	Lớp đá dăm cấp phối loại 1 dày 15cm	m3	581,79	80,27	662,06
5	Lớp đá dăm cấp phối loại 2 dày 20cm	m3	775,72	107,02	882,75
II	KÊ ĐÁ HỘC				
	Tổng chiều dài xây kè đá	m	467,00		467,00
1	Đóng cọc tre móng kè	m	29764,40		29764,40
2	Đệm móng đá 4x6cm, dày 10cm	m3	80,76		80,76
3	Xây móng kè	m3	431,61		431,61
4	Xây tường kè	m3	595,95		595,95
5	Ván khuôn bê tông giằng đỉnh kè	m2	168,12		168,12
6	Bê tông giằng đỉnh kè M200#	m3	33,62		33,62
7	Cốt thép giằng đỉnh kè	kg	1754,05		1754,05
8	Chèn khe phòng lún bằng bao tải dày	m2	102,76		102,76
9	ống thoát nước D=10cm	m	79,18		79,18
10	Vải địa kỹ thuật bịt ống thoát nước	m2	46,70		46,70
III	MƯƠNG BTCT 2.0X1.8M				
	Tổng chiều dài mương BTCT BxH=2.0x1.8m	m	535,00		535,00
	Số modul mương BTCT BxH=2.0x1.8m, dài 11.80m	Modul	46,00		46,00
1	Bê tông kênh đổ tại chỗ M250 đá 1x2	m3	672,98		672,98
2	Thép D<10	kg	21229,46		21229,46
3	Thép 10<D<=18	kg	36097,12		36097,12
4	Ván khuôn kênh	m2	4212,22		4212,22
5	Đá dăm đệm dày 10cm	m3	130,18		130,18
6	Cọc tre gia cố	m	52108,80		52108,80
	Số thanh chống KT 0.14x0.12x2.2m (lắp ghép)	thanh	184,00		184,00
1	Bê tông thanh chống M250 đá 1x2	m3	6,62		6,62
2	Ván khuôn thanh chống	m2	103,04		103,04
3	Thép D<10	Kg	1297,20		1297,20
4	Lắp đặt thanh chống	ck	184,00		184,00
5	Bao tải tẩm nhựa đường chèn khe lún	m2	57,04		57,04
	Số bản mương KT 0.15x1.0x2.2m (lắp ghép)	m	20,00		20,00
1	Bê tông bản M250 đá 1x2	m3	6,60		6,60
2	Ván khuôn bản	m2	19,20		19,20
3	Thép bản	Kg	1110,40		1110,40
4	Lắp đặt bản	ck	20,00		20,00
IV	AN TOÀN GIAO THÔNG				
	Số biển báo nguy hiểm (biển tam giác)	Biển	3,00		3,00
1	Ván khuôn bê tông móng	m2	3,00		3,00
2	Bê tông móng cột M150#	m3	0,38		0,38
3	Cột đỡ biển báo (ống thép D80 3,2m)	m	9,60		9,60
4	Biển báo tam giác	cái	3,00		3,00
5	Lắp đặt biển báo	cái	3,00		3,00
	Vạch sơn				
1	Sơn kẻ gờ giảm tốc màu vàng dày 6mm	m2	61,10		61,10
2	Vạch 1.1 màu vàng dày 2mm	m2	26,80		26,80

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH

STT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	TUYẾN 1	TUYẾN 2	TỔNG KHỐI LƯỢNG
3	Vạch 3.1a màu trắng dày 2mm	m2	211,60		211,60
4	Vạch 3.1b màu trắng dày 2mm	m3	2,10		2,10
	Số cọc tiêu (10m/1 cọc)	ck	108,00		108,00
1	Ván khuôn móng cọc tiêu	m2	77,76		77,76
2	Bê tông móng cọc tiêu M150#	m3	7,78		7,78
3	Ván khuôn cọc tiêu	m2	68,04		68,04
4	Bê tông cọc tiêu M200	m3	2,59		2,59
5	Cốt thép cọc tiêu	kg	169,56		169,56
6	Sơn màu đỏ trắng thân cọc tiêu	m2	45,36		45,36
7	Lắp đặt cọc tiêu	ck	108,00		108,00
8	Miếng dán phản quang	bộ	216,00		216,00
V	CỐNG NGANG				
	Số cống ngang 1x1m	cái	3,00		3,00
1	Đào đất móng cống	m3	125,94		125,94
2	Đệm móng đá dăm 4x6 :	m3	3,84		3,84
3	ván khuôn móng cống	m2	10,95		10,95
4	Bê tông móng cống M150#	m3	7,86		7,86
5	Lắp đặt cống bxxh=1.0x1.0m mua đúc sẵn	md	25,50		25,50
6	Mỗi nối cống hộp 1.0x1.0m	mn	15,00		15,00
7	Đắp đất trả móng cống	m3	45,12		45,12



PHÒNG KINH TẾ XÃ ỨNG HÒA

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số:...../.....

ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thẩm định ký tên:

